

1 THÁNG 6 NĂM 1968

BACH KHOA

T H Ờ I - Đ Ạ I

năm mười hai

VÕ PHIẾN *tuổi trẻ như một giai cấp* * LÝ CHÁNH
TRUNG *phê bình cuốn « Sự thách đố của người Mỹ »* *
ĐOÀN NHẬT TẤN *phê bình sách giáo-khoa* * TRẦN
LƯƠNG NGỌC *Ba-lê màn cuối cùng* * TỪ TRÌ *thế-giới
trong những tuần qua* * TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỞNG *sử học
tranh đấu : giải phóng lịch sử* * VƯƠNG HỒNG SẼN
buổi hội-kiến với ô. Ngô-dình-Cần * MỘNG TRUNG
nhạc Việt xứ người : chuyển đi Anh-quốc * TRẦN HUIỀN
ÂN *người thứ tư* * HỒ MINH DŨNG *trí nhớ
của người Việt-nam* * MẠC LY CHÂU *giao ước* *
LỮ QUỲNH *mùa xuân ở Huế* * VÕ HỒNG *gió
cuốn* * BÙI ĐĂNG *cúi mặt* *
SINH HOẠT *thời-sự khoa-
học * thời-sự văn - nghệ **

274





SINERGYL

SIROP

Réparateur biologique

- Stimule la croissance
- Accroît le métabolisme azoté
- Retarde les manifestations de la sénescence

► *associe :*

- L-LYSINE
- VITAMINES (B1 - B6 - PP et C)
- PANTOTHENATE DE CALCIUM
- GLUTAMATE DE SODIUM.

PRÉSENTATION : Flacon de 150 ml.

POSOLOGIE : 1 cuillerée à soupe 1/4 d'heure avant les 2 principaux repas.

Emplir le gobelet de SINERGYL Sirop jusqu'au trait inférieur (équivalent à 1 cuillerée à soupe) puis d'eau jusqu'au trait supérieur.

LES LABORATOIRES DE L'I.S.H.

97, Rue de Vaugirard — PARIS (6e)

ROUSSEL VIETNAM - 6, Dai-lô Nguyễn-Huê - SAIGON

Distributeur : **PHARMASIA - 246, Rue Công-Quynh - SAIGON**



B Á C H

K H O A T H Ò I - Đ A I

Số 274 ngày 1 - 6 - 1968

VÕ PHIẾN <i>tuổi trẻ như một giai cấp</i>	3
LÝ CHÁNH TRUNG <i>phê-bình cuốn « sự thách đố của người Mỹ »</i>	11
ĐOÀN NHẬT TẤN <i>phê-bình sách giáo-khoa</i>	24
TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG <i>sử học tranh đấu : giải-phóng lịch-sử (2)</i>	30
VƯƠNG HỒNG SẼN <i>tôi nhớ huế : buổi hội-kiến với ông Ngô-đình-Cần (hồi-ký)</i>	35
MỘNG TRUNG <i>nhạc Việt xứ người : chuyển đi Anh-quốc</i>	42
VÕ HỒNG <i>gió cuốn (truyện dài)</i>	48
TRẦN HUIỀN ÂN <i>người thứ tư (thơ)</i>	54
HỒ MINH DŨNG <i>trí nhớ của người Việt-nam (thơ)</i>	55
BÙI ĐĂNG <i>cúi mặt (truyện dài)</i>	56
TRÀNG THIÊN <i>thời-sự văn-ngệ</i>	65
TỬ DIỆP <i>thời-sự khoa-học</i>	67
MẠC LY CHÂU <i>giao ước (thơ)</i>	70
LŨ QUỲNH <i>mùa xuân ở huế (thơ)</i>	71
TRẦN LƯƠNG NGỌC <i>Ba-lê, màn cuối cùng</i>	72
TỪ TRÌ <i>thế giới trong những tuần qua</i>	79

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU
 Tòa soạn :
 160, Phan-Đình-Phùng Saigon
 Điện-thoại : 25.539
 H.T. 339 Saigon

In tại nhà in TƯƠNG-LAI
 133 Võ-Tánh Saigon
GIÁ : 25\$ Công sở Giá gấp đôi
 Cao Nguyên và Miền Trung :
 thêm cước phí máy bay

SÁCH BÁO MỚI

Tạp - chí Bách-Khoa trân trọng cảm ơn các tác giả, dịch - giả, nhà xuất bản và tòa soạn đã gửi tặng những sách báo sau đây :

— Một cái chết ngoạn mục truyện của Friedrich Duerrenmatt, nguyên tác : Die Panne, bản Việt-văn của Diễm-Châu dịch theo bản dịch Anh-văn của Richard và Clara Winston do Trình-Bầy xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 124 trang, bản đặc biệt. Giá bản thường: 65 đ.

— Về trong sương mù truyện dài của Nguyễn-thị-Hoàng, do Thái-Phượng xuất-bản và gửi tặng. Tập truyện dài thứ năm của tác giả Vòng tay học trò, dày 190 trang, giá 120đ.

— Diễm Phượng tập truyện của Bình nguyên Lộc do Thụy-Hương xuất-bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 180 trang, gồm 17 truyện ngắn. Giá 40đ.

— Đại nam nhất thống chí Tỉnh Hưng-Yên (Văn hóa từng thư số 31 (và Tỉnh Cao-Băng (Văn-hóa từng thư số 32) bản dịch của Nguyễn-Tạo và của Đông-Minh Đặng-Chu-Kính do Nha văn Hoá xuất-bản và gửi tặng. Mỗi cuốn đều có phần nguyên-tác chữ Hán. Giá 28đ.

— Giáo dục số 20 tháng 5-68 số đặc biệt về « Cải tổ giáo dục Việt-Nam » do S h. Mai-Tâm làm chủ nhiệm và Tòa soạn đặt tại trường Taberd 53 Nguyễn-Du Saigon. Mỗi số dày 64 trang.

— Ý Thức số ra mắt tháng 5-68, của một nhóm sinh viên luật-khoa chủ-trương, do ông Hà-ngọc Phúc-Lưu làm chủ nhiệm. Báo in ronéo 2 mặt dày 108 trang trình bày đẹp, khổ 20x26 gồm 3 phần : những vấn đề trước mắt, biên khảo và sáng tác

(truyện, thơ) cùng tin tức sinh hoạt sinh viên.

— Tâm cảnh, nguyên tác Climats của André Maurois, bản dịch của Mặc-Đỗ, bìa của Nguyễn-Trung, do Giao-Điểm xuất-bản và gửi tặng. Sách dày 340 trang, có phần « André Mouroa và vấn đề hạnh phúc » của dịch-giả. Giá 100đ.

HỢP THU

Bách Khoa đã nhận được những bài sau đây :

Vùng trời thương di vãng ; Tôi vẫn giống anh (Nguyễn duy - Kha. Trong mùa xuân lửa đỏ ; Khi trời mưa ở Đồng-Đề (Chu-Trầm Nguyên-Minh). Dấu vết loài rong (Yến-Nguyên-Thanh). Từng đêm không ngủ. Hiện tại ; Lời nguyện cuối (Lê-Hoài-Vọng. Bài tình ca quâ hương ; Tâm sự (Trần-Thuật-Ngữ). Cánh khép (Võ.văn-Thọ). Bài thơ làm khi ra đi (Lê-bá-Lăng). Ngựa thu : Đông Phương (Hàn Thê Phong). Tháng hạ (Phan Phụng Thạch). Từ em vượt khỏi tầm tay ; Niềm đau cúi đầu ; Thác lửa, (Cẩn đăng Phi). Xét lại vấn đề văn hóa dân tộc (Hồ Dã Tương). Guinée, trên đường cách-mạng (Trương văn Tri). Đi bắt chó (Nguyễn Phụ Long). Trái núi (Phan Nhựt Thức).

Tất cả những bài trên đây nếu bài nào qua bốn kỳ Bách Khoa mà vẫn chưa đăng (trừ THƠ và trường hợp có thư riêng) thì các bạn coi như là không đăng được mà thông cảm cho. Đa tạ.

— Cô Phạm thị Kiều Lam (Sađec). Tôi cũng không biết gì hơn cô về con người đáng mến ấy (Tràng Thiên).

— Chị Tuệ Mai (Saigon). Đã nhận được « Người Việt » và rất cảm ơn chị. Sẽ xin đăng trên những số tới.

Tuổi trẻ như một giai-cấp

Cho tới lúc này chuyện chiến tranh ở Việt-nam vẫn đang còn là quan trọng hơn hết. Nhưng rồi đây không chắc chúng ta sẽ thu hút sự chú ý của dư luận thế giới được lâu.

Vụ đánh nhau ở Việt nam là một hình thức của cuộc chống chọi giành giật giữa cộng-sản và không-cộng-sản, cuộc chống chọi đã diễn ra từ nửa thế kỷ nay. Tóm lại, là một chuyện cũ rích. Hai bên hăm hè, như hai gia đình láng giềng đang kiện tụng tranh lẫn đất đai : cứ lâu lâu lại có dịp va chạm, hoặc chửi bới inh ỏi, hoặc chụp đầu đánh lộn, la làng... Bà con kinh động, xúm xít can gián, dàn xếp.

Bằng cách này hay cách khác, rồi chiến cuộc cũng kết thúc. Có thể vì kết thúc vụng về đại đột, một bên bị thiệt, từ đó dần dà đi tới thất thế, sụp đổ : cục diện thế giới xáo trộn. Nhưng việc đó hãy còn xa. Chỉ biết hiện thời cuộc xung đột ở Việt nam đang được cố gắng đưa tới chỗ ngưng chỉ.

Chiến tranh ngưng chỉ ở Việt nam, lúc bấy giờ trong cái thế giới mà bốn phương tạm phẳng lặng, chắc chắn những cuộc nổi loạn của thanh niên sẽ nổi bật lên hàng đầu, sẽ là mối bận tâm số một của dư luận.

Lực lượng thanh niên có thể chưa gây những tàn phá lớn lao như những người da đen ở Hoa Kỳ. Nhưng chuyện

xô xát trắng đen dù ác liệt đến đâu vẫn là chuyện riêng của một nước, không liên can đến ai, không gây ảnh hưởng gì đến bên ngoài. Trái lại, phong trào thanh niên quấy động hầu hết các nước có nền kinh tế phát triển, tức là các nước văn minh nhất, giàu có nhất, lớn mạnh nhất. Ở Pháp, sinh viên Lyon, Lille, Tours, Reims, sinh viên các đại học Sorbonne, Nanterre, làm dữ từ tháng này qua tháng nọ ; cuộc bùng nổ hồi trung tuần tháng 5-1968 tại Ba lê được coi như vụ biểu tình lớn nhất lịch sử Pháp, ký giả hàng A.P. nói đến một cuộc khởi nghĩa. Ở Tây-ban-nha, từ ngày cầm quyền tới giờ, có lẽ nhà độc tài Franco mới gặp một sự chống-đối công khai mạnh mẽ như sự chống-đối lần này của sinh-viên : các trường đại-học phải đóng cửa. Ở Ý, giới trẻ họ làm giặc tại Milan, Turin và Rome ; tòa thánh Vatican trước sự hung hãn nhiều lần quá trớn đã lên tiếng khuyên lơn, nhưng vô hiệu. Ở Tây-Đức, hàng trăm nghìn sinh-viên tấn công cảnh-sát, tấn công cơ-sở Springer ; một số trong bọn họ đã gục ngã. Ở Nhật, tại Đông-kinh, họ võ-trang cần thận, tại Narita, họ thối kèn làm hiệu-lệnh xung-phong. Còn ở Mỹ thì bác-sĩ John Summerskill, viện-trưởng viện đại-học San Francisco, công nhận rằng dần dần cuộc khởi loạn của họ có hình-thức một cuộc nội-chiến. Ở Ba-lan, giới thanh-niên làm điên đầu Gomulka, ở

Tiếp-khắc họ làm khốn-đốn Dubcek ; họ làm rung rinh một chế-độ, và làm thay đổi một chế-độ khác. Và như thế, trong thế-giới cộng-sản, không phải là chuyện trước đây có thể tưởng tượng xảy ra. Dĩ nhiên, Nga-xô lo lắng, giặc dữ. Các lãnh-tụ Nga kết tội các cuộc nổi dậy ở Varsovie cũng như Prague, cho rằng có bàn tay đế-quốc xen vào. Nhưng chính Nga cũng đâu có tránh khỏi tai họa ấy : Sau vụ án Siniavski và Daniel, cả một phong - trào phản - đối nổi lên, chính-quyền chọn Guinzbourg, Galanskov và Dobrovolski đưa ra xử, sau nhiều lần đo, cân nhắc, bố trí. Phiên tòa khó khăn này gây lắm phiền phức tai tiếng cho Nga trong dư-luận các nước Tây-phương. Thế mà sau vụ này, liền có ngay một vụ khác : hàng chục sinh-viên và giảng - sư phụ - tá của viện đại-học Leningrad lại bị xét xử.

Xét xử, giam cầm, đánh nhau liên miên, khắp nơi. Các nước bắt giữ một lần hàng năm, sáu trăm thanh-niên. Có nước, trong một trận đụng độ giữa lực-lượng an-ninh và thanh-niên, số bị thương của đôi bên lên đến sáu bảy trăm người. Là giặc đó rồi, còn gì nữa.

Tờ *Sự Thật* của Nga đã có lần, hôm 11-12-1967, buồn rầu nhận định : « Lớp người trẻ đến với chúng ta hôm nay không phải là lớp người trẻ mà chúng ta chờ đợi. » Câu ấy, giá ngoại-trưởng Tây-Đức Willy Brandt, hay tướng Franco, hay Thủ tướng Ý, thủ tướng Nhật v.v... có xem tới chắc đều gật gù thông cảm. Cả đến Tổng thống Johnson của Mỹ, có lẽ ông cũng ngẫm ý tán đồng. Lớp người trẻ ấy, họ không được chờ đợi ở Mạc-tư-khoa. ở Madrid, ở Varsovie, ở Paris, ở Rome... Họ gây sự bối rối, khó chịu, cho mọi người. Lần đầu tiên, bên này và bên kia bức màn sắt, giữa hạng

cầm quyền có sự gặp gỡ về một vấn đề khó khăn giống nhau, và đối với vấn đề ấy có một thái độ giống nhau.

oOo

Như vậy, trên thế giới, lớp người trẻ đã đồng loạt đứng lên. Họ đứng lên, ngược lại ý muốn các chính phủ và các ông già. Và hình như cho đến nay họ vẫn còn đứng lên một mình, chưa được sự hưởng ứng của giới nào khác.

Nói về quyền lợi kinh tế, họ tách rời khỏi tầng lớp của họ. Lý do tập hợp là tuổi trẻ, không phải là quyền lợi. Đa số những kẻ biểu tình thuộc thành phần được ưu đãi trong xã hội, bởi vì họ là sinh viên, được ăn học đến tuổi trưởng thành. Một số trong bọn họ là con ông cháu cha. Peter Brandt là con trai của ngoại trưởng Tây-Đức, một anh chàng tên Andrès, sinh viên Khoa học Chính trị năm thứ hai ở Madrid, là con trai một tướng lãnh của Franco ; họ đứng về phía hàng ngũ đối địch lại với bố vì một kẻ có mười bảy tuổi một kẻ có hăm bốn tuổi. Lăn mướt ranh giới, lăn chiến tuyến, được ấn định bởi một con số : số tuổi.

Số tuổi, chứ không phải số lương. Bởi vì tách rời khỏi tầng lớp trưởng giả, những thanh niên này không gia nhập hàng ngũ thợ thuyền, mà cũng không lôi cuốn được thợ thuyền theo mình. Họ có vẻ muốn nghiêng xuống những quốc gia nhỏ yếu, những thành phần mà họ coi là bị áp bức, thiệt thòi : nơi này họ trưng cờ đỏ, hát Quốc tế ca, nơi kia họ chưng hình Guevara. Mao-trạch-Đông, nơi họ treo cờ Giải phóng miền Nam v.v... Nhưng những đòi hỏi của họ, chủ trương của họ, dường như không mấy phù hợp với quyền lợi của những quốc gia nhỏ, những thành phần thấp : các

cuộc làm reo của họ rất hiếm khi kéo theo đình công trong xí nghiệp như ở Pháp, các cuộc biểu tình của họ có lúc được tả phái ủng hộ nhưng ít có thợ thuyền tham gia... Chẳng những thế, ở nhiều nước họ còn gặp sự phản kháng của công nhân. Tại Hoa Kỳ, thanh niên theo các ông E. Mc Carthy, Robert Kennedy, các nghiệp đoàn lao động lớn lại ủng hộ Johnson, Humphrey. Tại Tiệp Khắc, thợ thuyền và sinh viên phản ứng khác nhau đối với chính sách Dubcek. Tại Ba lan, chính quyền kêu gọi tầng lớp thợ thuyền đông đảo cương quyết bảo vệ chủ nghĩa xã hội chân chính chống lại một thiểu số trí thức được ưu đãi mà phản bội. Và cho đến bây giờ, nhờ sự « bảo vệ » đó, Gomulka chưa ngã. Báo *Le monde* hàng tuần (số 1.012) tự hỏi : « Hai mươi năm sau ngày thiết lập chế độ dân chủ nhân dân, phải chăng lại sắp có một cuộc xung đột giai cấp ở Ba lan ? ». Giai cấp thợ thuyền với giai cấp thanh niên trí thức ? Tại Tây Đức, không chờ sự kêu gọi của thủ tướng chính phủ, thợ thuyền cũng xa lánh các đám sinh viên cuồng nộ. Sinh viên qui cho cơ sở báo chí và xuất bản của Axel Springer tội xúi dục chia rẽ này, nên tấn công ông ta kịch liệt. Dẫu sao, cả Springer cả dân lao động đều nguyên rủa họ hết lời. Báo của Springer mắng họ là « đồ ngốc », « bọn hèn nhát », « ghê tởm », « đồi bại » v.v... Và khi các nhà trí thức trẻ đề tóc tai bù xù xuống đường, họ bị nhiều người xúm lại hét « Đồ chó ghê », « Quân này đáng lừa vô phòng hơi ngạt ! »

Trong các thứ báo chí của Springer có những tờ như *Bild Zeitung* mỗi ngày tung ra hàng bốn triệu rưỡi số vào giới độc giả bình dân. Sinh viên nổi loạn cho rằng sở dĩ bình dân ghét họ là do sự đug độc của loại báo này, A. Springer dù ăn

một luận điệu đề kéo quần chúng ngã mạnh thêm về phía mình : Công kích báo bình dân là bậy. Nhật trình có cái lợi là nó cung cấp thứ đề đọc cho hạng người không có dịp biết tới cuốn sách ; chỉ có hạng trí thức bằng cấp mới kêu ngạo phủ nhận lợi ích ấy, họ muốn cho quần chúng dốt nát mãi và phải môn men tới các ấn phẩm với tất cả sự sùng bái khép nép.

Có lẽ họ không muốn thế. Có thể A. Springer nói điều. Dù sao, giữa đám bạn trẻ với công - nhân Tây - Đức vẫn không thấy có chỗ đồng tâm hiệp ý nào. Các bạn trẻ muốn đứng lên cứ việc đứng, công - nhân không đề xuống thì chớ, đừng mong họ đứng theo.

oOo

Đồng tình với phụ - huynh cùng một giai-cấp thì không, đồng tình với thợ-thuyền trên căn - bản tả - khuynh cũng không chắc. Nhưng giữa họ với nhau, giới trẻ tin cậy ở một sự đồng tình lớn rộng, vượt mọi ngăn trở cấm đoán, vượt ngoài biên-giới quốc-gia, vượt trên các lập-trường chính-trị.

Năm ngoái, ông Victor Lundberg ở Michigan cho ra một đĩa hát 45 vòng, nhan đề là « Thư gửi cho đứa con trai đến tuổi thanh-niên ». Mở đầu, người cha nói : « Nếu con đốt tẩm thẻ trưng-binh, con hãy hủy luôn tờ giấy khai-sinh. Bởi vì như thế cha không có con trai nữa ». Bằng một giọng rầm rỗi, oai-dung, người cha khuyên con xa lánh bọn *hippies*, đừng ham các chất ma - túy, đừng tụ tập đàn đúm với đám du-đăng tóc tai bù-xù, hãy làm tròn nhiệm - vụ ở Việt-Nam, hãy tin tưởng ở Thượng-đế, ở sự cố gắng làm việc, kinh-deanh v.v... Đĩa ấy bán rất chạy. Nhưng tức thì thanh-niên rào-rào phản-ứng bằng một loạt đĩa:

Thư ngỏ gửi cha tôi". Giữa các con có sự đoàn-kết nhanh chóng để chống lại cha.

Ở Nga-xô, sự chống đối công khai b-cấm đoán, có những tờ-chức như hiệp hội văn-nghệ bí-mật tại Mạc-tư-khoa, S. M. O. G. (viết tắt các chữ Nga có nghĩa: sức mạnh, tuổi trẻ, quả-cảm, trầm-tư), mọc chi-nhánh trên 13 đố-thị trong toàn quốc; trong giới trẻ lại có cả một phong-trào xuất-bản các tạp-chí hoặc in ronéo, hoặc in lậu ở những ấn-quán bí-mật, lưu-hành lén lút: đến đầu năm ngoái được 14 tạp-chí như thế, trong số ấy 3 tờ vẫn phát-hành ra Tây-Âu khá đều đặn. Ngoài ra, nhiều loại ấn-phẩm khác được in ở ngoại-quốc, do những bản-thảo chuyển từ Nga ra. Và lại, hầu hết những thanh-niên nổi loạn ấy đều ham kích-động-nhạc, tranh vô hình-dung, ham các điệu nhảy cuồng nhiệt của Tây-phương; ngược lại sản-phẩm văn-hóa của họ, họ tìm mọi cách để đưa ra bên ngoài. Lúc ra tòa thường họ bị kết tội giao-thiệp thâm-vụng với ngoại-nhân qua các tòa đại-sứ và cho xuất-bản tác-phẩm một cách bất hợp pháp ở nước ngoài. Bất chấp sự khác biệt về tư-tưởng chính-trị, họ cảm-thông tâm-trạng của lớp người cùng lứa tuổi ở Tây-Âu, và họ tin là được cảm-thông ngược lại.

Cuộc cách-mạng Nga-xô dựa trên quan-niệm một sự liên minh của giai-cấp vô-sản toàn thế-giới. Nhưng các nhà cầm quyền Nga không quan-niệm có thể xảy ra một liên-minh quốc-tế nào khác. Lớp thanh-niên ngày nay, họ nghĩ là có thể. Và họ xúc tiến thực hiện. Từ mười năm nay, trong giới đại-học các nước Tây-Âu đã thành lập cái gọi là Quốc-tế hoàn-cảnh (*Internationale situati-*

onniste). Đề tập hợp tuổi trẻ xung quanh một triết-lý duy hoàn-cảnh (*situation-nisme*).

Phong-trào còn nhỏ bé, yếu ớt quá chăng? — Thì mới là bước đầu, mới chỉ là « Đệ-nhất quốc-tế » thôi mà.

oOo

Kề ra, cuối thế-kỷ trước thợ thuyền các nơi trên thế-giới đâu có được cái xu hướng muốn sát gần nhau như thanh-niên giữa thế-kỷ này. Nhờ sự tiến-bộ của các phương-tiện giao-thông và truyền tin, thế-giới ngày nay thu nhỏ lại, người người như ở cạnh nhau. Nhất là thanh-niên. Họ bỏ nhau dễ dàng quá sức. Bên Tây thất lưng các cậu nhỏ ngần nào thì bên Mỹ nhỏ ngần ấy, mũi dầy bên Mỹ nhọn bao nhiêu thì ở Úc nhọn bấy nhiêu, váy các cô bên Anh cao đến đâu thì bên Pháp cao đến đó, bên Mỹ khoái điệu nhạc điệu nhảy nào thì bên Anh khoái điệu ấy v.v... Lối sống của họ in khuôn in rập nhau.

Những chứng nết của họ cũng vậy. Ở Amsterdam có *provo*, thì ở Paris có *blouson noir*, ở Anh có *beatle*, ở Mỹ có *beatnik*, có *hippy*, ở Nga có *hooligan*. v.v... Chính phủ nước này ngán về tóc dài thì chính-phủ nước nọ cũng khổ về tóc dài, cảnh sát nước này kêu về chuyện phóng xe quá trớn, về những phá phách ở chỗ công cộng, thì cảnh-sát nước kia cũng bù đầu về những chuyện phóng xe, phá phách v.v... Không cần chờ đợi một tiếng gọi đàn nào, tự nhiên họ bắt chước nhau từng ly từng tí, riu riu theo nhau sát nút,

Trong tiếng *teen-ager* có cái ý tách một hạng người vì lứa tuổi đặc biệt của họ ra khỏi những lớp tuổi khác: từ một tới trăm tuổi, lẽ ra phải có mười tầng lớp như thế, nhưng không một tuổi nào

khác được dành cho một danh-từ kiểu ấy, có lẽ vì không có bản-sắc riêng biệt xứng đáng. Chín mươi năm khác, chúng ta sống lẫn lộn với nhau ; nhưng bước vào *teen-age* là bước vào một tập-thể riêng.

Teen-age là một tuổi riêng, không như những tuổi khác, không thể sánh với bất cứ hạng nào khác trong xã-hội. Nhất là xã-hội ngày nay. Bởi vì không phải lúc nào tuổi ấy cũng có được tầm quan trọng ấy. Từ xưa, bao giờ cũng có thanh niên, nhưng chỉ gần đây mới có những quốc-gia đặt riêng ra một bộ đề lo về thanh-niên. Thậm chí có nước — như Nga-sô — còn đặt hẳn cả một bộ nứa đề giải-quyết các rắc rối do đám thanh-niên du đảng gây ra : bộ Bảo-vệ trật-tự công-cộng. Trong khi ấy hiếm thấy có quốc-gia nào chú ý đến hạng tứ tuần hoặc tam thập ; cả đến các hạng phụ lão, thiếu nhi, phụ nữ... đông đảo là thế cũng không được các chính-phủ dành cho một bộ đảm trách.

Vì thế-giới ngày nay thu nhỏ lại, các xã-hội lẫn lộn giống nhau, phong-tục địa-phương ảnh-hưởng lẫn nhau. Một người đi du lịch vòng quanh quả đất bây giờ không có những ngạc nhiên như Marco Polo : các nhân viên ngồi trong văn-phòng công sở ở Nhật không khác bạn đồng-nghiep ở Tây-ban-nha mấy tí, một chị bán hàng ở Nữu-ước cũng không khác chị bán hàng ở Phi-luật-tân bao nhiêu. Trong khi ấy thì ngay tại một đường phố ở Nữu-ước một người năm mươi tuổi hình thù bộ dạng khác biệt một cậu mười tám : tóc tai khác, quần áo khác. Những nhà dân-tộc-học như Claude Lévi-Strauss, Jean Monod, nghi rằng vào cái thời-đại mà những dị-biệt « theo chiều ngang » giữa các địa-phương

dần dần xóa mất, phải chăng đang thành hình những dị biệt « theo chiều dọc », dị biệt giữa các lớp tuổi ? Người tứ tuần gặp kẻ đôi mươi như thế Marco Polo đối diện với hoàng đế Trung-quốc.

Tuổi đôi mươi, nó như một xã hội riêng trong một xã hội, một tập thể riêng trong nhân-loại. Một bí mật đầy bất ngờ.

oOo

— *Provo, beathe, hippy, v.v...* so với tổng số trai trẻ trong các nước thấm vào đâu. Sao lại chọn một thiểu-số làm tiêu-biểu cho thanh-niên ? Đa số chắc hẳn vẫn ngoan ngoãn, đừng đả, ăn mặc chỉnh tề, học hành chăm chỉ, làm lụng siêng năng. Nhất là những thanh-niên ở nông thôn, ở các thị-trấn nhỏ...

— *Provo, hippy v. v...* hãy còn ít ; nhưng trước kia không có cái số ít ấy, bây giờ nó xuất hiện, thì dù ít cũng đáng được ghi nhận. Đó là ý nghĩa thứ nhất...

— Hãy tạm ngưng một chút ở ý nghĩa thứ nhất. Du đảng xưa nay đâu có bao giờ thiếu ? Chỉ khác có các danh-từ...

— ... và cái chứa đựng của nó. Mỗi danh-từ có một chứa đựng khác nhau. Thứ du đảng như du đảng ngày xưa vẫn còn đó, thời nào vẫn có : chơi bời lêu lộng, hút xách, đàn điểm v. v... Họ không làm thế vì một lập-luận nào, vì ý-thức chống lại một nếp sống, một xã-hội. Mỗi phong-trào thanh-niên bây giờ tập hợp xung quanh một quan-niệm, một triết-lý : việc mang hoa đi quảng vào mọi người của *hippy* cũng đáng lưu-ý như việc « lêu lộng » của họ.

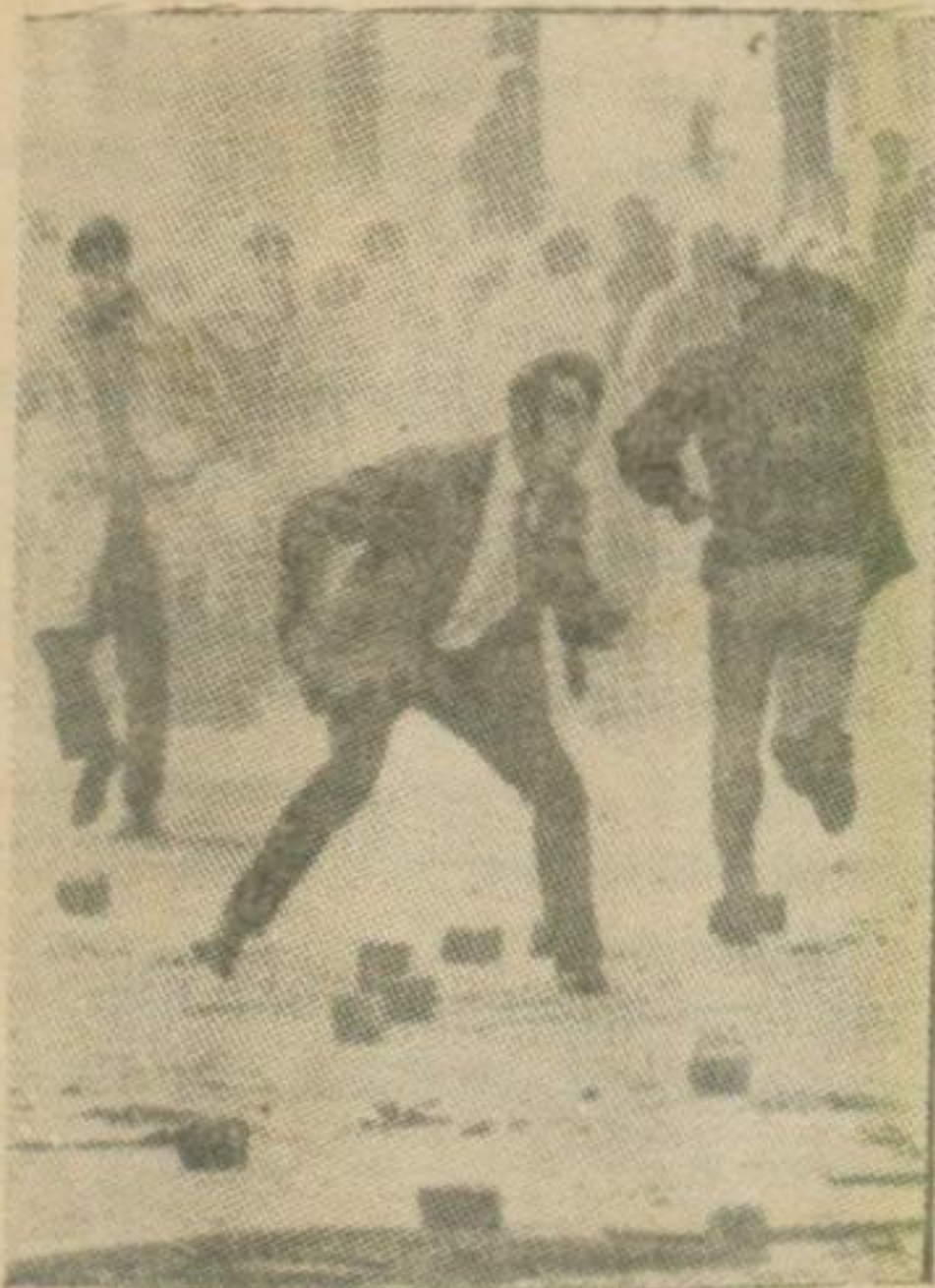
Họ còn ít ư ? Những cuộc biểu-tình ở Tây-Đức hồi tháng 6-1967, lời cuốn hàng 100.000 sinh-viên trong tổng số

260.000, cuộc biểu-tình hôm 13-5-1968 ở Pháp có kẻ dám đồn đến số triệu. Đó không phải toàn là hippy, nhưng vẫn là thanh niên nổi loạn cả. Vả lại, cái gì chẳng bắt đầu từ một số ít. Những phong-trào thanh-niên này mới có sau cuộc đại-chiến thứ hai, với thời-gian nó không ngừng lan rộng. Một điểm nữa đáng lưu-ý. .

— Ý nghĩa thứ hai ?

— Vâng. Đó là các phong-trào này ra đời ở những xã-hội có trình độ kỹ-nghệ tiến-bộ, những nước tiến xa nhất trong chiều hướng văn-minh hiện nay, tức những quốc-gia tiêu-biểu cho nền văn-minh này. Ra đời ở các đô-thị, tức khung cảnh sinh hoạt tiêu biểu cho nền văn minh này. Và ra đời trong giới sinh-viên trí thức, tiêu-biểu cái tinh hoa của thanh niên. Bấy nhiêu "điều" không "nói" thêm một ý-nghĩa gì nữa sao ?

Trong hiện tại, đếm đầu mà tính, trên



Sinh viên xuống đường tại Pa-ri



Rudi Dutschke

khắp các lục địa Á, Âu, Phi, Mỹ v.v..., dĩ nhiên số trai tráng dốt nát nhiều hơn số sinh viên, số trai tráng sống đứng đắn ở quê, ở tỉnh lẻ, đông đảo hơn số ở đô-thị lớn. Đếm đầu mà tính, Rudi Dutschke không đại diện được cho đa số. Nhưng bây giờ không phải cái đại đa số cày sâu cuốc bẫm ở nông thôn bắn khoăn và "định đoạt" hướng tương lai của xã hội ..

— Trời, nếu trong tương lai mọi



Sinh viên biểu-tình tại La-Mã

người sẽ sinh sống dưới sự hướng dẫn của các vị lãnh-tự cuồng-nộ như Rudi Dutschke, nhất là như Fritz Teufel, Rainer Laugmans !.. Bộ dạng của họ làm dân lành khiếp quá cỡ. Người ta dễ có cảm tưởng rằng tư tưởng phát sinh từ những đầu óc bù xù như thế không hướng tới một trật tự ổn định nào ; nhân loại cần sinh sống trong trật tự.

— Chúng ta đang nói về hiện-tượng thanh-niên đồng lòng và nổi dậy. Nổi dậy để hướng về cái gì ? Đó là một chuyện khác, có lẽ không đơn giản. Rồi sẽ nghĩ tới việc đó sau.

Ai cũng biết trong hàng ngũ của họ có kẻ bù xù có kẻ không bù xù. E ngại đối với bù xù là phản-ứng đầu tiên của xã-hội cũ đối với lớp thanh niên mới. Thoạt trông thấy con em bỗng nhảy múa dị kỳ, ăn mặc lơ lửng, tóc tai dơ dáy, phá phách lung tung..., các bậc phụ huynh lo lắng, ái ngại cho chúng, nghĩ rằng chúng không thích ứng được với cuộc sống, bàn nhau cách sửa chữa uốn nắn chúng, cải-tạo chúng, giúp chúng trở lại khuôn phép. Đó là nỗi ái ngại của cha mẹ đối với đàn con không được ngoan. Nhận-định ấy bây giờ tỏ ra lỗi thời. Bây giờ, kẻ ái ngại chính là đám trẻ, bù xù hoặc không bù xù : ái ngại cho xã-hội đang tiến vào một chiều hướng sai lầm, bế tắc. Bây giờ cái cần uốn-nắn cải-tạo không phải là chúng, mà là xã-hội. Xã-hội, cùng với lớp người cũ, phải được phá đi sửa lại, cho thích hợp với quan-niệm của chúng. Các bạn trẻ nghĩ vậy. Một cô gái ở Amsterdam độ nào từng đòi đuổi hạng trên ba mươi tuổi về hưu. Thế-giới thuộc về tuổi trẻ.

— Khờ cho hạng ba mươi tuổi trở

lên: họ không thể đẻ ngay ra những cụ già. Sinh ra trẻ con tức là tự đào lỗ chôn mình, trong cuộc đấu-tranh giữa tuổi tác.

— Thanh-niên đứng lên không phải với ý định chôn các cụ già. Đây không phải là một cuộc đấu-tranh giành quyền lợi. Họ chỉ muốn tự mình điều-chỉnh lại chiều-hướng văn-minh, kiến-tạo một thế-giới đẹp để cùng chung sống. Họ không tự coi là một giai-cấp vùng dậy vì bị bóc lột, mà là một động lực mới để thúc đẩy xã-hội chuyển mình thay đổi...

— Không giành lợi, thì cũng là giành quyền. Như vậy từ đầu thế-kỷ tới nay đã có đến hai cuộc giành quyền có tầm rộng lớn quốc-tế. Cuộc thứ nhất chưa kết thúc, cuộc thứ hai đã bắt đầu. Hai cái có thể chòng lên nhau, nhân-loại đổ máu một lượt vì hai lý-do.

— Tạm thời có sự phân-công để gánh chịu. Cuộc tranh-đấu giai-cấp giữa vô-sản và tư-bản đã chuyển ra cuộc chống-đối giữa các quốc-gia cộng-sản và các quốc-gia không cộng-sản. Từ đại-chiến thứ hai về sau, nó chỉ phát-hiện bằng chiến-tranh địa-phương bùng nổ rải rác ở các nước Á-Phi. Á-Phi chậm tiến rước lấy cái đuôi của cuộc xung-đột thứ nhất. Âu-Mỹ tiến tiến mở đầu cuộc xung-đột thứ hai.

— Sự so sánh dầu sao vẫn có vẻ nhằm nhí. Một lối đùa.

— Dầu sao ? Vậy không đến nỗi nhằm quá.

VÕ-PHIẾN

V — 1968

תפוצה

*A votre service
tous les services de la*

**banque
nationale
de Paris**



PHÊ - BÌNH cuốn : *Sự thách đố của người Mỹ*

J. J. Servan-Schreiber

1. — SỰ THỊNH-VƯỢNG CỦA NƯỚC MỸ :

Servan Schreiber là chủ nhiệm tờ Express. Và tờ Express là tuần báo chánh-trị đầu tiên ở Pháp đã « bắt chước » cách tổ chức và trình bày của những tuần-báo lớn bên Mỹ như Time và Newsweek. Bề ngoài của tờ Express không khác gì tờ nói trên, nhưng nội-dung thì vẫn thiên tả, dầu là thiên tả theo kiểu « biết quản trị ». Sự cải-tiến này đã đưa tới một thành công lớn : hằng tuần tờ Express phát hành từ 800.000 tới 1.000.000 số. Ngoài ra, Servan-Schreiber còn là Tổng Giám-đốc của một công-ty gồm 3 chi nhánh : Presse-Union (tờ Express), Technic-Union (chuyên về các đặc-san kỹ-thuật) và Liste-Union (chuyên quản-trị những tập phiếu bằng máy điện-tử). Nội ba cái tên nửa Mỹ nửa Pháp này chứng tỏ cái ý - chí áp dụng triệt-đề phương-pháp Mỹ của ông Tổng Giám-Đốc Servan-Schreiber.

Có lẽ vì đã thành công rực rỡ trong việc áp dụng phương pháp Mỹ mà Servan Schreiber muốn nói rộng cho toàn thể đời sống chánh trị kinh tế Âu-Châu những gì mà ông đã thực hiện với tờ Express : dùng cái lò « đại tư-bản » Mỹ để nấu rượu « xã-hội chủ-nghĩa Âu - châu ». Và

cũng có lẽ vì thế mà khi « đo lường sức mạnh Mỹ », ông chỉ thấy cái phương Pháp : quản trị, phát minh và căn bản hơn hết là giáo-dục. Do đó, kết luận của Servan-Schreiber là người Mỹ giàu mạnh chỉ vì họ giỏi, vì họ quản-trị tài, phát minh nhiều nhờ các phương tiện giáo-dục và thông-tin. Sự xâm lăng kinh-tế của người Mỹ bên Âu-Châu không do nơi một chánh-sách đế-quốc, mà chỉ là sự « tràn trề sức mạnh » (débordement de puissance) của Mỹ.

Nếu người Mỹ giàu mạnh chỉ vì họ giỏi, thì cái kết-luận thứ hai — mà Servan-Schreiber không nói nhưng người đọc có thể rút ra từ kết luận thứ nhất — là các dân-tộc nghèo đói hoặc thua Mỹ đừng có oán trách hay ganh tị với Mỹ, xấu lắm ! Họ có bóc lột ai đâu, dầu là bóc lột người ngoài nước Mỹ hoặc trong nước Mỹ. Họ giàu vì họ giỏi. Ai muốn giàu như họ thì cứ ráng mà giỏi như họ. Có khó chi !

Giáo-dục của Mỹ tân tiến thật, quản-trị của Mỹ hữu hiệu thật, phát minh của Mỹ phong phú thật, nhưng cho rằng sự thịnh-vượng của Mỹ hiện nay chỉ dựa trên 3 yếu-tố đó thì chắc là không thật cho

ăm. Đành rằng đó là 3 yếu tố căn bản của sự phát triển trong bất cứ quốc - gia nào, nhưng không phải bất cứ quốc - gia nào, với 3 yếu tố này, cũng có thể thịnh - vượng như Mỹ. Một bãi sa mạc như xứ Mauritanie, dầu có quản - trị, phát - minh, giáo - dục tài giỏi đến đâu thì nhiều lắm là có thể « đủ ăn đủ mặc » mà thôi.

Muốn giải thích sự thịnh vượng của Mỹ một cách công bằng, trước hết phải nói tới những món quà vĩ đại và hiếm có mà thiên nhiên cũng như lịch sử đã tặng cho người Mỹ kể từ ngày họ đặt chân lên Tân Thế - giới : Một lục địa mênh mông phì nhiêu với đủ thứ nguyên - liệu đang chờ đợi khai thác ; một dân - tộc « di cư » tập - tính - lù nhưng thông - minh khoẻ mạnh, hăng hái và nhiều tự tin, lập - quốc vào đúng lúc chế - độ tư - bản Tây - phương đã hội đủ điều kiện để trưởng thành, khiến cho cái vốn kiến - thức và kỹ - thuật mang từ Âu - Châu sang có thể được tận dụng trong những hoàn cảnh thuận lợi nhất ; một lịch - sử tương đối thanh bình hơn đa số các quốc - gia lớn trên Thế - giới. Với bao nhiêu món quà đó, nếu nước Mỹ được như ngày nay, thiết tưởng không có gì đáng ngạc nhiên.

Điều đáng ngạc nhiên — mà Servan-Schreiber không nhắc tới — là với bao nhiêu đất đai tài - nguyên cộng với cái tài quản - trị, phát - minh, giáo - dục của họ, người Mỹ còn cảm thấy cái nhu cầu đi bóc lột tàn nhẫn những quốc - gia rách rưới của Châu Mỹ La Tinh ! Tôi không biết sự bóc lột Châu - Mỹ La - Tinh đã đóng góp « bao nhiêu phần trăm » vào sự thịnh - vượng của nước Mỹ, điều này phải hỏi những bộ máy điện - tử. Nhưng thế nào nó cũng góp một phần không nhỏ vì nếu không,

nhà cầm quyền Mỹ sẽ không đại gì mà hăm - hù can - thiệp trắng trợn vào nội - bộ các nước này để cho thế - giới cười chê, mỗi khi có một chánh - phủ Nam - Mỹ cao hứng không muốn làm tay sai cho các đại xí - nghiệp Mỹ !

Trong việc bóc lột những quốc - gia rách rưới, còn phải thêm rằng nước Mỹ — cũng như các nước kỹ - nghệ tân - tiến, trong đó có Âu - Châu của Servan-Schreiber — đang bóc lột một cách vô cùng « lương - thiện » tất cả các nước chậm tiến bằng cách mua những nguyên - liệu của những nước này với một giá ngày càng rẻ (luật cung - cầu tự nhiên của thị - trường mà !) và bán lại những sản - phẩm kỹ - nghệ với một giá ngày càng mắc. Các nước nghèo đã kêu ca đến khan cò từ mười mấy năm qua nhưng nào có ăn thua gì. Sự bóc lột « lương - thiện » này đã đóng góp bao nhiêu phần trăm vào nền thịnh - vượng Mỹ ? Xin nhường lời một lần nữa cho các máy điện - tử.

Điều đáng ngạc nhiên hơn nữa là với bao nhiêu món quà của thiên - nhiên và lịch - sử, cộng với bao nhiêu tài - năng, cộng với bao nhiêu sự bóc lột các nước nghèo đói, người Mỹ vẫn chưa giải - quyết được nạn nghèo đói, bất công, bóc lột ngay trên đất nước của họ. Tỷ - lệ những người thất - nghiệp bên Mỹ so với dân số hoạt - động (population active) bao giờ cũng cao hơn tại bất cứ quốc - gia kỹ - nghệ nào (1).

(1) Xem Paul A. Samuelson : L'Economie. Paris 1953, Tome I, tr. 305.

G. s. Samuelson cũng viết rằng chế - độ tư - bản có thể thực hiện những công trình vĩ đại nhất lịch - sử, nhưng điều mà nó không bao giờ thực hiện nổi là sự tận dụng nhân - công (plein emploi) xem tr. 141.

Năm 1961, nước Mỹ có 5 triệu người thất nghiệp, nghĩa là 70% dân số hoạt - động.

Ngoài ra, 20 triệu người da đen sống trong những ổ chuột vẫn hả hê chờ đợi cơn mưa thịnh vượng Mỹ rơi xuống lai rai cho họ vài giọt, đợi mãi không thấy gì nên họ đã bắt đầu đốt phá lai rai cho đỡ buồn đó ! Servan Schreiber đã trưng ra những con số « hùng hồn » cho thấy rằng chỉ trong 15 năm, tỷ-lệ cá gia đình có lợi tức dưới 3 000 đô-la đã từ 30 0/0 giảm xuống còn 17 0/0. Điều mà Servan-Schreiber quên nói là trong 17 0/0 này, như trong 30 0/0 kia, chắc chắn vẫn còn nguyên vẹn tỷ-lệ các gia đình da đen. Nghĩa là số phận dân da đen, sau 15 năm thịnh vượng, vẫn không thay đổi. Bao nhiêu đó là đủ lên án cái tỷ-lệ 25 0/0 gia đình có lợi tức trên 10.000 đô-la. Servan-Schreiber đã nói rất đúng khi ông cho rằng, nếu không có một nguyên-tắc công bằng, sự thịnh vượng « có thể » đẻ ra một xã hội tàn bạo. Điều mà ông quên nói là cái xã-hội tàn bạo ấy đã có rồi, đó là xã-hội Mỹ : tàn bạo đối với những kẻ yếu đuối, thể cô, thất bại, kém thông minh, xấu xí và nhất là đen đúa !

Sau cùng, còn một « yếu tố phát triển » quan trọng khác mà Servan-Schreiber không nói tới là sự cấu kết mỗi ngày một chặt chẽ hơn — kể từ cuộc Thế-chiến thứ II — giữa phe quân nhân của Ngũ-giác-dài và các đại xí-nghiệp, nhằm gây áp lực buộc chánh phủ tiếp tục chánh sách « chiến tranh lạnh », thi đua võ trang, để chia nhau đớp hết giòng suối đô-la dành cho các dự án quân sự. Sự cấu kết này trầm trọng cho đến nỗi năm 1960, trước khi từ giã chính trường, Tổng Thống Eisenhower đã dành bài diễn văn cuối cùng của ông để báo nguy cho dân tộc Mỹ. Phải nhớ rằng Tổng Thống Eisenhower là một quân nhân, đã sống

gần trọn đời trong truyền-thống quân đội, mới thấy rõ tầm quan trọng của lời cảnh cáo. (1)

Servan-Schreiber cho rằng động cơ của nền thịnh vượng Mỹ là các đại xí-nghiệp mà quên nói tới cái xí nghiệp đại cồ nhứt nước Mỹ là Bộ Quốc Phòng, với cái tài sản trị giá 160 tỷ đô-la, với một ngân-sách bảy chục tỷ (2) và một đạo quân nhân viên (dân sự) gồm gần 1 triệu người. Cuộc thi đua võ trang và nhứt là cuộc chiến tranh Việt-nam đã khiến nền kinh-tế Mỹ càng ngày càng lệ thuộc các chi phí quân sự. Một nền kinh tế lệ thuộc vào chi phí quân sự là một nền kinh tế không lành mạnh và sự thịnh vượng của nó chắc chắn có tính cách giả tạo. Không những giả tạo mà còn nguy hiểm cho nền hòa-bình thế-giới. Và đây là điều đáng ngạc nhiên hơn hết : với bao nhiêu tài nguyên và tài ba, người Mỹ vẫn phải nuôi dưỡng cái « chiến tranh lạnh » để bảo tồn sự thịnh vượng !

Những điều đáng ngạc nhiên nói trên, tờ Express thường nói đến và Servan-Schreiber biết rõ hơn ai hết. Nhưng ông đã « quên » không nhắc tới trong quyển sách đầu tiên của ông, khiến cho người đọc có cảm tưởng rằng ít nữa một phần ba cuốn sách là nhằm biện-minh không công cho sự giàu sang của người Mỹ. Điều này, bọn trí thức tay sai của các đại xí-nghiệp như Raymond Cartier (người anh hùng đã chủ trương « cúp » mọi thứ viện trợ

(1) Xem Fred J. Cook : « The Warfare State », New York 1962 dịch sang Pháp văn dưới tựa : « Les voutours de la guerre froide ».

(2) Tôi không nhớ ngân-sách Quốc-Phòng Mỹ năm nay là bao nhiêu. Nhưng năm đầu tiên cầm quyền của cố T. T. Kennedy, nó đã lên tới 52,7 tỷ (so với 92,5 tỷ của toàn bộ ngân-sách).

của các nước giàu cho các nước nghèo) đã ông óng làm ngấy tai thiên hạ từ lâu, cần chi phải viện thêm một nhà trí thức « thiên tả » có tài cỡ Servan-Schreiber !

Chắc hẳn Servan-Schreiber đã chán ngấy cái tâm trạng nhỏ nhen « ghét Mỹ » chỉ vì Mỹ giàu của một số người Âu-châu. Nhưng những người Âu-châu đang hoàng — cũng như mọi người đang hoàng khác — không ai thêm ghét Mỹ chỉ vì Mỹ giàu mà ghét Mỹ vì Mỹ đế-quốc. Người Mỹ có thể có bao nhiêu đô-la hàng năm, bao nhiêu xe hơi, tê-vê, tủ lạnh cũng được, đó là quyền của họ : họ làm ra thì họ cứ hưởng. Nhưng khi chánh quyền Mỹ can thiệp trắng trợn vào cái xứ Guatemala tí hon để lật đổ một chánh phủ không chịu làm bồi cho cái đại xí-nghiệp « United Fruit Company » đang chi-phối toàn diện đời sống kinh-tế và chánh-trị của xứ này, thì thiên hạ có quyền đặt « sức mạnh Mỹ » thành vấn-

đề. Servan - Schreiber đã nói đi nói lại rằng cuộc xâm lăng kinh-tế của Mỹ tại Âu-châu không có tính cách đế-quốc chánh-trị « theo nghĩa cổ điển », nghĩa là cuộc xâm lăng đó không theo một chánh sách rõ rệt của nhà cầm quyền Mỹ mà chỉ là hậu quả « tự nhiên » của sự « tràn trề sức mạnh » của các đại xí-nghiệp Mỹ. do đó, nó sẽ giới hạn trong phạm vi kinh-tế. Nhưng cuộc xâm lăng Châu Mỹ La Tinh cũng đã xảy ra từ từ một cách « tự nhiên » nghĩa là không nằm trong một chánh sách đế-quốc rõ rệt, và cũng chỉ giới hạn trong phạm vi kinh-tế.

Mặc khác, Servan-Schreiber đã thấy và đã nói rằng mất quyền tự chủ kinh-tế là mất quyền tự chủ chánh trị, vì thế mà ông đã viết cuốn sách đề cảnh cáo Âu-châu. Vừa sợ Âu-châu trở thành một « chi-nhánh » của Mỹ, vừa khẳng khẳng cho rằng Mỹ không đế-quốc, đó là một thái-độ khó hiểu vậy.

2.— TẢ VÀ HỮU :

Thật ra, thái-độ khó hiểu của J. J. Servan - Schreiber không có gì là khó hiểu. Đó là thái-độ mâu-thuẫn của một người đã ngã về phe hữu mà vẫn tưởng mình còn đứng trong hàng ngũ phe tả.

Lập-luận của cuốn « Le défi américain » có thể được tóm tắt như sau :

— người Mỹ giàu mạnh chỉ vì họ giỏi và sự xâm-lăng kinh-tế của họ bên Âu-Châu chỉ là hậu quả tự nhiên của sự giàu mạnh của họ chứ không nằm trong một chánh-sách đế-quốc.

— muốn trả lời « sự thách đố của người Mỹ », Âu-Châu phải có một đường lối phát-triển vừa độc - đáo vừa hữu-hiệu : liên-kết chế-độ « đại tư-bản » với một phe tả « biết quản-

trị », nghĩa là dùng lò « tư-bản » để nấu rượu « xã-hội », dùng hiệu-năng của Mỹ để thể-hiện lý-tưởng công bằng của Âu-Châu.

Chúng ta đã thấy rằng cái tiền-đề của Servan-Schreiber (trong câu đầu) không hẳn là sai sự thật, nhưng chỉ nói lên có phần nửa sự thật : trong cái thực-tại gọi là « sức mạnh Mỹ », ông chỉ cho thấy những ánh sáng và lờ đi những bóng tối. Đó là một nguy-biến.

Vì tiền-đề là một nguy biến nên kết luận cũng là một nguy biến. Servan-Schreiber cho rằng tả phái có thể tham gia công cuộc phát-triển của chế độ đại tư bản, chấm dứt cuộc đấu tranh với giới chủ nhân, mà vẫn còn là tả phái, nghĩa là vẫn còn tha thiết với lý-tưởng công

bằng, bởi vì phát triển và công bằng liên đới nhau chứ không mâu thuẫn.

Nhưng công bằng không còn là giá trị độc đáo của tả phái, vì những người phe hữu bây giờ cũng bô bô nói tới công bằng, không phải vì lý tưởng, mà vì quyền lợi: một xã hội quá bất công sẽ đưa tới những rối loạn khời mào cho một cuộc cách mạng, vấn đề của phe hữu là giảm bớt những bất công và giảm bớt vừa đủ để cho các thành phần bị bạc đãi không lâm vào cái trạng thái « bước đường cùng » và bị cám dỗ bởi một cuộc Cách mạng. Khi những triệu chứng rối loạn bắt đầu bộc phát trong một xã hội, thì phe hữu lại càng nói tới công bằng lắm lắm, như cái chương trình « Đại Xã-hội » của ông Johnson...

Servan-Schreiber cho rằng phát triển và công bằng liên-đới với nhau, điều này đúng, nhưng chỉ đúng trong dài hạn. Trong ngắn hạn, luôn luôn có những mâu thuẫn và trước những mâu thuẫn này, cái ranh giới phân chia phe tả và phe hữu nằm trong cách lựa chọn ưu-tiên: phe hữu bao giờ cũng đặt ưu-tiên cho phát triển, và phe tả, cho công bằng.

Cho nên sự khác nhau giữa tả và hữu không nằm trong cái ý muốn thực hiện công bằng (vì cả 2 phe đều muốn có công bằng, dầu là vì lý tưởng hay vì quyền lợi), mà nó nằm trong một lựa chọn căn bản, sâu xa và toàn-diện hơn: lựa chọn giữa tiền bạc và con người. Phe hữu bao giờ cũng xem tiền bạc trọng hơn con người và phe tả xem con người trọng hơn tiền bạc.

Xem con người trọng hơn tiền bạc, nhìn về hữu-thể (être) trước khi nhìn về sở-hữu (avoir), xây dựng tình người hơn là tìm kiếm lợi lộc, đó là cái truyền thống lâu đời nhất, cảm động nhất và

hấp dẫn nhất của phe tả, kể từ các bậc hiền-triết thánh-nhân thời-xưa đến các nhà Cách-mạng thời nay.

Servan-Schreiber đòi hỏi phát-triển phải đi đôi với công bằng, nhưng khi có mâu thuẫn thì sao? Một phe tả « biết quản trị » đã xếp lại ngọn cờ đấu tranh, đề trương ra ngọn cờ « trách nhiệm », liệu còn đủ sức mạnh và lý tưởng để đòi hỏi đặt ưu-tiên cho công bằng hay là, vì « tinh thần trách nhiệm », lại yêu cầu những thành phần bị thiệt thòi phải « hy sinh » thêm một chút để bảo vệ phát triển, điều mà đảng Lao-động Anh của ông Wilson đang làm hiện nay? Và một tả phái không còn đủ sức mạnh và lý tưởng để xem trọng công bằng hơn phát triển, nghĩa là xem con người trọng hơn tiền bạc, sẽ không còn là tả phái.

Servan-Schreiber đã rời hàng ngũ tả phái mà không hay, điều này rõ rệt nhất khi ông đưa ra trường hợp các mỏ than Pháp như một thí-dụ điển hình của vấn-đề phối-hợp phát-triển công-bằng.

Kỹ-nghệ mỏ than bên Pháp hiện nay không còn tương lai vì không thể cạnh tranh với dầu lửa và than Mỹ. Các mỏ than Pháp đều bị lỗ và đáng lẽ phải đóng cửa từ lâu và được thay thế bằng những kỹ-nghệ khác, (theo đúng những quy-luật thiêng-liêng của kinh-tế tư-bản). Nhưng vì sợ những xáo trộn do sự sa thải hàng trăm ngàn thợ mỏ gây nên, chánh quyền De Gaulle đã phải bảo vệ các mỏ than bằng cách trợ cấp. Đây là một trường hợp mâu thuẫn giữa phát triển và công bằng và điều thật hiếm có là một chánh quyền thiên hữu, vì sợ xáo trộn cũng vì áp-lực của giới kỹ-sư mỏ là giới thân cận với chánh quyền, lại đặt ưu tiên cho công bằng thay vì cho phát triển. Lẽ dĩ nhiên phe tả, vì lý tưởng

công bằng chỉ có thể tán thành sự trợ cấp này.

Nhưng theo Servan Schreiber, đó chính là điều không nên làm. Ông đã tiếc hùi hụi số tiền 2, 2 tỷ quan trợ cấp hằng năm và ông chủ trương đóng cửa các mỏ than, thiết lập kỹ-nghệ mới và chỉ trợ cấp cho các thợ mỏ để họ đổi nghề hoặc cho họ hưu trí non. Làm như vậy vừa có lợi cho nền kinh tế quốc-gia vừa có lợi cho các thợ mỏ vì họ sẽ được một nghề khác có tương lai, thay vì sống vất vưởng với các mỏ than; số tiền cần thiết để làm những việc ấy, theo sự tính toán của các chuyên-viên (chẳng biết có máy điện-tử hay không!), sẽ nhỏ hơn số tiền trợ-cấp hiện tại.

Chủ trương như vậy là điển-hình của phe hữu vì nó chỉ nhìn đến lợi lộc mà quên đi những vấn đề nhân-bản khác, nó xem người thợ mỏ như một con số trong bài toán kinh - tế. Lúc còn du học, tôi có một anh bạn sinh - viên con của một bác phu mỏ tại Charleroi (Bỉ) nên biết được ít nhiều tâm tình của giới này. Nghề phu mỏ là một nghề hết sức cực khổ, dơ dáy và nguy hiểm. Người phu mỏ chán ghét nghề của mình, chửi thề rằng mỗi khi nhắc tới nó nhưng, trong thâm tâm, cũng yêu nó tha thiết, như khi chúng ta đã yêu một mẹ đàn bà chỉ biết làm cho chúng ta đau khổ vậy. Họ không muốn con cái họ nối nghiệp họ, nhưng riêng họ thì không muốn đổi nghề. Con người họ, các số thịt của họ như dính liền với bộ đồ phu mỏ, với cái bầu trời xám xịt

bụi bậm của những thành-phố than, với những người anh em phu mỏ khác trong cái cộng-đồng phu mỏ sống chết có nhau; cuộc đời họ như ăn rế vào những mạch than đen xỉ tận những đường hầm thăm thẳm, một cuộc đời tối tăm, đen đui, ít khi thấy được mặt trời, mà chỉ được soi sáng bằng ngọn đuốc lập loè nhưng ảm-cúng của tình nhân-loại Người phu mỏ yêu nghề và hãnh-diện về nó, có lẽ do nơi tình nhân-loại đó, vì có tìm đồ con mắt cũng không sao thấy được một khía cạnh nào « đáng yêu » của nghề này, ngoài tình nhân-loại. Và tình nhân-loại là cái vô giá. Giải-tán cộng-đồng phu mỏ, bắt họ đột ngột đổi nghề, dẫu là một nghề có lợi hơn hoặc bắt họ hưu-trí non, tức là làm mất đi lẽ sống của họ.

Trọng con người hơn tiền bạc là cảm thấy những vấn-đề ấy, những vấn-đề rắc rối của con người mà các bộ máy điện-tử không tài nào tính toán cho được. Khi Servan-Schreiber giải quyết vấn-đề phu mỏ bằng những số tiền, ông đã là người của phe hữu mặc dầu vẫn tự xưng là thiên tả. Chính vì thế mà ông đã chủ-trương liên-kết phe tả với các đại xí-nghiệp, một sự liên-kết mà phe tả có nhiều hy-vọng là tay sai hay ít ra là đồng-lõa.

Rượu « xã-hội » mà nấu trong lò « tư-bản » thì e rằng nó sẽ biến chất để trở thành một thứ si-rô an thần cho một phe tả đã mệt mỏi chán chường vì mất niềm tin hay đã phê phởn khệnh khạng vì ních quá nhiều bơ sữa.

3. CÁCH-MẠNG VÀ THIÊN-ĐÀNG « HẬU KỸ-NGHỆ » :

Sự biến-chất nói trên càng rõ rệt khi người ta thấy Servan - Schreiber chủ trương « cách-mạng hóa » phe tả bằng cách

loại bỏ cái truyền-thống cách-mạng đã nuôi dưỡng phe tả trong gần hai thế-kỷ.

Mấy ông đại tư-bản, khi nghe một nhà

trí thức "thiên tả" chủ trương như vậy thì chắc là mở cờ trong bụng và mở sâm-banh bóp bóp đề ăn mừng! Cách-mạng đã trở thành thuốc phiện ru ngủ quần chúng, vậy muốn đánh thức quần chúng thì cấm tuyệt không được nói tới cách-mạng: phải nói tới tinh thần trách-nhiệm, phương-pháp quản-trị, phòng thí nghiệm, Viện Đại-học, máy điện-tử... và những phần bơ sữa mà các ông chủ sẽ ban bố mỗi ngày một nhiều hơn cho giới công-nhân...

So sánh hy vọng cách-mạng với niềm tin tôn-giáo là không hiểu gì về cách-mạng cũng như về tôn-giáo. Niềm tin tôn-giáo đã bị lợi dụng trong các thế-kỷ trước—nhứt là trong thế-kỷ 19 với Thiên-Chúa giáo—để trở thành một lợi khí trong tay giới chủ nhân, nhằm xoa dịu những khổ đau của giới công-nhân và biện-minh cho hững hốt công xã-khội. Trong trường-hợp này và chỉ trong trường-hợp này mà thôi, niềm tin tôn-giáo quả thật là một thứ thuốc phiện như Marx đã chỉ trích. Nhưng từ đó tới nay, tôn-giáo, nhứt là Thiên-Chúa giáo, đã thẳng thắn "sửa sai" và hiện nay, niềm tin tôn-giáo, thay vì là thuốc phiện, lại có nhiều may mắn trở thành một chất nổ tại những nơi vừa có hoàn cảnh cách mạng vừa có nhiều tin-đồ như Châu Mỹ La-Tinh.

Trái lại, hy vọng Cách mạng, từ khi nó chớm nở trong lòng quần chúng cách đây 2 thế-kỷ, đã tăng gia không ngừng ý-chí tranh-đấu chống áp bức và bất công trong xã-hội. Dầu cho hoàn cảnh hiện tại của Âu-Châu rõ ràng là không thuận lợi cho một cuộc Cách mạng, chỉ có những người còn tin nơi Cách mạng, mới tranh đấu quyết liệt cho công bằng, và phần lớn những tiến-bộ xã-hội của Âu-châu, trong quá khứ cũng như hiện

tại, là nhờ công lao của họ. Cho nên thật là quái gở khi thấy một người am hiểu vấn-đề xã-hội như Servan-Schreiber lại chấp nhận một cách mù quáng cái lập luận ngu xuẩn của một nhà xã-hội-học Mỹ thuộc hạng các kẻ!

Tuy nhiên, chủ-trương của Servan-Schreiber cũng đã nêu lên một vấn đề căn bản: cuộc tranh đấu của những người tin nơi Cách-mạng, tại Âu-Châu cũng như tại các nơi khác, có phải là một cuộc tranh đấu lỗi thời, tuyệt vọng, bế tắc hay không? Nói cách khác, thế-giới sẽ đi vào một giai đoạn ổn định vĩnh viễn (hay ít nữa là trong một thời-gian dài, chẳng hạn từ đây tới năm 2000) hay sẽ đi vào một giai đoạn bất ổn khơi mào cho những cuộc cách-mạng? Nói cách khác nữa, chế độ tư bản, đặc biệt là chế độ tư bản Mỹ, sẽ tiếp tục phát triển và giữ nguyên bộ mặt của nó hiện nay, hay nó sẽ biến chuyển sâu xa do những áp lực nội tại hoặc ngoại tại để không còn có thể được gọi là "tư bản" nghĩa là nhường chỗ cho một chế-độ khác?

Đó là những câu hỏi căn bản nhưng bất cứ câu trả lời nào sẽ chỉ là một dự đoán không có gì chứng minh được hay nói đúng hơn, một sự đánh cuộc (pari) mà mỗi người sẽ làm cho tương-lai của mình và con cháu mình.

Servan-Schreiber không đặt câu hỏi trên trong cuốn sách của ông, nhưng toàn thể cuốn sách đã dựa trên câu trả lời mặc nhiên của ông. Câu trả lời ấy là: thế-giới sẽ không có gì thay đổi từ đây tới cuối thế-kỷ và trong khoảng thời-gian đó, chế độ đại tư-bản Mỹ, với những xí-nghiệp khổng lồ như những chiếc Boeing 2.707, sẽ phom phom đưa dân Mỹ lên cái Thiên-Đàng « hậu kỹ-nghệ » với tốc độ 3 lần siêu-thanh.

Servan-Schreiber có quyền nghĩ như vậy và khuyên tả phái Âu-Châu nên bỏ rơi cái ảo-ảnh Cách-mạng để bắt đầu làm ngay những chiếc Boeing như Mỹ. Tuy nhiên, ông đã tỏ ra vô cùng lạc quan cho tương lai của chế-độ tư-bản. Một nhân vật khác, tiêu-biểu hơn cho chế độ này và có lẽ hiểu rõ tình hình thế-giới hơn Servan Schreiber, ông Robert Mc. Namara, người đã điều-khiển cái đại xí-nghiệp Ngũ-giác-đài trong gần 10 năm (và có rất nhiều máy điện-tử !) đã tỏ ra rất dè dặt nếu không nói là bi quan. Trong bài thuyết-trình đã dẫn — mà Servan-Schreiber đã đăng lại nguyên-văn — ông Mc. Namara nói :

“ Lợi-tức trung-bình của mỗi đầu người trong hơn 40 quốc-gia trên khắp thế-giới — trong các xứ chậm tiến — hiện nay chưa vượt khỏi 120 đô-la hàng năm. Lợi-tức trung bình của mỗi đầu người tại Hoa-Kỳ hiện nay là trên 3 000 đô-la. Nghĩa là cách biệt 2.000%. Con số này không còn mang một ý nghĩa kinh-tế thuần túy. Một con số phi thường như vậy là một chất nổ (1) đang lún dần xuống mặt đất và không thể không đưa đến những sự nổ bùng dữ dội như một ngọn núi lửa...”

“ ... Chúng ta đừng có giả nhân giả nghĩa. Nếu các dân tộc giàu có không làm một cố gắng nhiệt thành và phối hợp để khóa lấp các hố đang chia rẽ hai phần thế-giới, thì không một người nào trong chúng ta có thể bảo đảm sự an ninh cho xứ sở mình trước những tai họa kinh khủng không thể tránh, trước làn sóng bạo động sẽ làm vỡ tung các hệ-thống phòng-thủ của chúng ta. Sự hỗn loạn kinh-tế mà người ta có thể tiên đoán, trước sự cách biệt vừa nói, đang đe dọa đến nền an-ninh của Hoa-kỳ hơn

là những vũ khí nguyên-tử Trung-Hoa. Thật là giản-đi, và cũng thật là nghiêm-trọng.” (2)

Như vậy đối với Mc. Namara, cái Thiên Đàng hậu kỹ-nghệ có được thực hiện hay không là tùy ở sự ổn-định của thế-giới và sự ổn-định của thế-giới tùy ở hiệu-năng của các nước giàu trong việc giúp đỡ các nước nghèo, khóa lấp cái hố 2000% cách biệt.

Về sự giúp đỡ này, không biết tương lai sẽ như thế nào, chớ nhìn lại quá khứ và hiện tại, thì khó lòng mà tin nó sẽ giải thoát các nước nghèo khỏi tình trạng chậm tiến. Chắc ai cũng nhìn nhận rằng phần lớn những cuộc viện-trợ của các nước giàu — nhất là viện-trợ Mỹ — thiên về quân sự hơn về kinh tế và chỉ nhằm mục đích thỏa mãn những nhu cầu tiêu thụ xa hoa của những thiểu-số thống trị tại các nước nghèo, đồng thời bảo-vệ những chánh-quyền thân với nước viện-trợ, dầu cho đó thường là những chánh-quyền bất lực, thối nát và áp-bức. Viện-trợ kiểu đó là một thứ thuốc phiện làm cho các nước nghèo mỗi ngày thêm suy nhược, thêm lệ-thuộc người bố-thí thuốc phiện. Và chẳng, những gì mà các nước giàu đã “cho” các nước nghèo bằng tay mặt, họ đã lấy lại tức khắc bằng tay trái, do sự chênh-lệch giá cả giữa các nguyên-liệu và các sản-phẩm kỹ - nghệ, như đã nói ở phần trên. Vấn-đề này sẽ không bao giờ giải - quyết được khi nào các đại xí-nghiệp còn thao-túng thị-trường nguyên-liệu khi nào thị - trường này còn tuân theo cái luật cung-cầu cắt cổ của kinh-tế tư - bản, khi nào cứu - cánh bất khả xâm - phạm của hoạt - động kinh - tế còn là sự tự-do tìm lợi.

(1) Chúng tôi cho in xiên.

(2) Dẫn trong Le déli américain, tr. 88-89.

Nếu những nhận xét trên là đúng, thì có thể tiên đoán rằng từ đây tới cuối thế-kỷ, các nước giàu vẫn bắt lực trong việc giúp đỡ các nước nghèo. Đó cũng là kết-luận gián-tiếp của Herman KAHN khi ông chỉ cho phép 8 nước chậm tiến được leo lên hàng « xã - hội kỹ - nghệ » vào năm 2.000 (1). Như vậy, một tình - trạng bất ổn của thế-giới sẽ có một trình-độ cái nhiên (degré de probabilité) cao hơn một tình-trạng ổn-định và cái « chất nổ đang lún dần xuống mặt đất » của ông Mc Namara sẽ có cơ hội nổ bùng.

Lẽ dĩ nhiên, không có cái gì chứng-minh cho dự-đoán ấy, vì lịch-sử là do con người làm ra và luôn luôn có những bất ngờ trong những hành-động của con người. Có thể nghĩ đến trường-hợp hai đại cường-quốc Mỹ và Nga, một ngày nào đó, có thể hùn với nhau để làm cảnh-sát cho thế-giới, hoặc tất cả các nước « da trắng » giàu có, có thể hùn với nhau để ngăn chặn « làn sóng bạo động » từ các nước « da màu » rách rưới tràn qua v.v... Việc gì cũng có thể xảy ra và mỗi người sẽ đánh cuộc cho dự-đoán của mình, nghĩa là sẽ dẫn thân hành động cho dự đoán ấy.

Servan-Schreiber đã đánh cuộc cho chế-độ đại tư-bản, đó là quyền của ông. Nhưng không phải vì thế mà Cách mạng trở thành một ý-niệm lỗi thời vô nghĩa, ngay tại Âu Châu, ngay tại nước Mỹ. Lẽ dĩ nhiên, một cuộc Cách-mạng theo kiểu Nga hay kiểu Tàu không có hy vọng gì thành công trong những nước kỹ-nghệ tân-tiến. Nhưng Cách-mạng chỉ là sự thay đổi những cơ-cấu xã-hội và có một ngàn phương-thức để thay đổi. Trong quyển « Capitalisme, Socialisme et Démocratie », nhà kinh-tế-học trứ danh Mỹ Joseph Schumpeter đã dự đoán rằng chế

độ tư-bản sẽ thành công trên bình-diện kinh-tế, nhưng nó sẽ thất bại trên bình-diện xã-hội, tâm-lý và sẽ được thay thế bằng một chế-độ xã-hội chủ-nghĩa. Và chế-độ xã-nghĩa là gì ? Là một chế-độ trong đó những phương tiện sản xuất và công cuộc sản xuất sẽ thuộc quyền kiểm soát của một cơ-quan trung-ương. Nó chỉ là một phương-pháp quản-trị kinh-tế khác với phương-thức tư-bản, do đó, nó không mâu-thuẫn với chánh-thể dân-chủ cũng như nó có tính cách « vô định » (indéterminé) trong phạm-vi văn-hóa. Một chế-độ tư-bản đã « chín mùi » có thể chuyển sang chế độ xã-nghĩa một cách gần như tự nhiên, mà không gây một xáo trộn hoặc chống đối nào đáng kể (2).

Trong phạm vi ý tưởng đó, có thể nghĩ rằng đường lối phát triển độc đáo của Âu-Châu có lẽ nằm trong một cuộc xã-hội-hóa tuần tự trong khuôn khổ của chánh-thể dân-chủ, nghĩa là không làm tổn thương những tự-do căn-bản của con người, hơn là trong một chế-độ đại-tư-bản chỉ có thể biến Âu-châu thành một nước Hoa-Kỳ thứ hai.

Servan - Schreiber đã nhận định rất đúng khi ông cho rằng số phận của Âu-Châu dính liền với số phận của tả-phái, nghĩa là với một quan-niệm về văn-minh đặt con người vào hàng đầu bậc thang giá-trị, đặt công bằng trước phát-triển, tình nhân-loại trên những lợi lộc nhất thời. Emmanuel Mounier có nói rằng Âu-châu cần sản-xuất thêm những bồn tắm, nhưng sẽ sản-xuất những bồn tắm ấy « một cách khôi hài » (avec humour).

(1) Những nước đó là : Mexique, Argentine, Venezuela, Chili, Colombie, Nam - Hàn, Đại Mã-lai, Đài-loan.

(2) J. Schumpeter : Capitalisme, Socialisme et Démocratie, bản dịch của Gast FAIN, Payot, Paris 1951.

Nghĩa là sự thịnh-vượng chỉ là một phương-tiện để phong-phú-hóa cuộc sống, nó không thể là cứu-cánh của đời người.

Nếu Âu-châu làm được việc đó, Âu-châu sẽ trở thành một *tâm-diểm văn-minh* đích thực mà sự hiện diện sẽ cần thiết

cho sự quân bình của thế-giới và tả-phái sẽ hoàn thành sứ mạng của mình.

Ngược lại, nếu đi theo đường lối "đại tư-bản", Âu-châu có thể trở thành một "sức mạnh" ngang hàng với Mỹ, nhưng khi đó sẽ không còn tả-phái và cũng không còn Âu-châu.

4. CÁC NƯỚC CHẠM TIẾN VÀ SỰ THÁCH ĐỐ CỦA NGƯỜI MỸ

Dẫu cho tương-lai có thể nào đi nữa, thì ngay bây giờ, sự giàu mạnh của người Mỹ vẫn là một thách đố lớn, không riêng cho Âu-châu mà cho toàn thế-giới, đặc-biệt là cho chúng ta, những nước chậm tiến. Sự thách đố ấy bắt buộc chúng ta đặt lại toàn bộ vấn đề văn-minh.

Khi đọc xong cuốn sách của Servan-Schreiber, cảm tưởng đầu tiên của tôi là một sự chán nản: nếu các nước Âu-châu — là những quan thầy cũ của chúng ta — mà còn phải ạch đui rượt theo người Mỹ và có rất ít may mắn để bắt kịp họ, thì chúng ta... « sức mảy » mà chạy theo! Nhìn lại cơn khổi lửa mịt mù đang tàn phá mảnh đất thân yêu này — trong khi tất cả thế-giới đang « phát triển » trong thanh bình — tôi lại càng chán ngán hơn. Cái tình trạng bi đát của các nước chậm tiến hiện nay là chúng ta bắt buộc phải chạy, nhưng càng chạy lại càng cảm thấy mình lùi chớ không tiến.

Nhưng qua sự phê bình dài lần đầu trên đây, tôi lại cảm thấy hăng hái và « vui vui », nếu có thể nói như vậy). Bởi vì những gì mà lúc đầu tôi cho là chánh yếu, bây giờ đã trở thành thứ yếu.

Tôi tự hỏi: việc chi mà Servan-Schreiber phải cuống quýt tru tréo lên rằng Âu-châu sắp « trễ tàu »? Ừ, giả sử Âu-châu trễ tàu thật, thì đã làm sao? Người Âu-châu sẽ kém « hạnh-phúc » hơn chăng? Và trước hết, hạnh phúc là gì?

Đa số các nhà đạo đức đều đồng ý rằng hạnh phúc nằm trong niềm vui nghĩa là trong một trạng thái tinh thần bền vững bao trùm toàn diện con người và niềm vui bội phát từ một ý thức hòa hợp: hòa hợp với chính mình, với anh em đồng loại, với thiên nhiên — và riêng cho những người có niềm tin tôn giáo, hòa hợp với cái Tuyệt-Đối. Sự hòa-hợp này đòi hỏi nhiều điều kiện ngoại-giới, nhưng nền tảng của nó đặt trong nội-tâm. Những điều kiện ngoại-giới — đặc biệt là những điều kiện vật-chất — vượt qua một khởi độ (seuil) nào đó, sẽ không còn là thiết yếu nữa mà trái lại, có thể trở thành một chướng ngại cho sự hòa hợp.

Tất cả vấn đề nằm trong cái nhìn: nhìn về con người hay nhìn về đồ vật. Nếu chúng ta nhìn về con người, đồ vật sẽ là phương tiện để hòa hợp với con người; nếu chúng ta nhìn về đồ vật, con người chỉ còn là phương tiện để chiếm đoạt đồ vật. Đã bắt đầu chiếm đoạt thì bao nhiêu cũng không đủ, cũng không vừa và càng sử dụng con người để chiếm đoạt đồ vật, con người sẽ càng vắng mặt trước mắt chúng ta để rồi sau cùng, chính chúng ta sẽ không còn là người nữa.

Cái nguy hại của nền văn minh tư-bản nằm ở chỗ nó bắt buộc con người phải gắn chặt cái nhìn vào đồ vật, phải chiếm đoạt mãi mãi mà không sao dừng lại được. Các nước giàu hiện nay bắt buộc phải giàu thêm mãi, nghĩa là phải

có một phân số phát triển tối thiểu, hàng năm, thường được ước lượng là 4 0/0. « Dưới 4 0/0 là thất bại, trên 4 0/0 là thành công. » (1) Cứ giàu thêm như vậy để đi tới đâu? Herman Kahn và Servan-Schreiber trả lời: tới cái « xã-hội hậu-kỹ-nghệ. »

Cứ cho rằng cái xã-hội hậu-kỹ-nghệ đó nhất thiết sẽ được thực-hiện tại nước Mỹ vào cuối thế-kỷ này, thì có thể hỏi: Con người trong xã-hội ấy sẽ như thế nào?

Servan-Schreiber cho rằng sự khác nhau giữa một xã-hội « hậu-kỹ-nghệ » và một xã-hội « kỹ-nghệ tân-tiến » sẽ thuộc về bản chất chứ không còn về trình-độ. Nhưng nhìn lại những đặc-tính của xã-hội hậu-kỹ-nghệ mà Herman Kahn đã dự đoán, tôi chỉ thấy sự khác nhau về trình-độ: lợi tức cao hơn, tỷ-lệ các hoạt-động thuộc phạm vi đệ tam và đệ tứ lớn hơn; giáo dục sẽ là yếu tố phát-triển chánh-yếu, số ngày nghỉ sẽ nhiều hơn và, quan trọng hơn hết là sự cách biệt giữa người giàu và người nghèo sẽ giảm bớt (2)

Ngay trong cái Thiên-Đàng hậu kỹ-nghệ, khi người Mỹ trung bình có một lợi tức 7.500 đô-la nghĩa là trên 1 triệu bạc V.N. và chỉ làm việc có 147 ngày mỗi năm, sự cách biệt « giàu nghèo » chỉ giảm đi chứ không chấm dứt. Như vậy, có cái gì là khác nhau « về bản-chất » giữa hai xã hội? Servan-Schreiber không nói, nên chúng ta phải đoán. Và tôi đoán rằng sự khác nhau về « bản-chất » ấy có lẽ nằm trong sự « bất khả tương giao » giữa những con người sống trong một xã-hội hậu kỹ-nghệ với những con người sống trong một xã-hội khác, dầu là một xã-hội kỹ-nghệ tân-tiến. Nói một cách nôm na, con người « hậu kỹ-nghệ » sẽ

không còn nói chuyện được với bất cứ ai không thuộc về xã-hội của họ, bởi vì cái « hồ kỹ-thuật » giữa họ và những người khác sẽ quá lớn, khiến cho hai bên không còn những « hệ-thống tham-khảo » (systèmes de référence) chung để có thể hiểu nhau.

Và không cần đợi gì đến năm 2000, ngay bây giờ đây, người Mỹ đã bắt đầu cảm thấy khó khăn trong sự tương giao với những người khác họ, như ông William Knox, một trong những Cố vấn của Tổng-thống Johnson, đã tuyên-bố: « Ngay từ bây giờ, có thể nghi rằng chúng tôi không còn tương-giao được, giản-dị là không tương-giao được, với những người đã không theo kịp, trong những phương-tiện kỹ-thuật của họ, những tiến-bộ dứt khoát mà chúng tôi đang quảng-bá cơ-cấu kỹ-nghệ của chúng tôi. » (3)

Trong cái Thiên-đàng hậu-kỹ-nghệ, người Mỹ sẽ nói chuyện với nhau, nói chuyện với những bộ máy điện-tử, ngoài ra, họ sẽ không còn nói chuyện được với ai. Nhưng cái Thiên-đàng ấy sẽ không ở trên Trời mà trên mặt đất, trên một trái đất mỗi ngày một thu hẹp, chật chội, lúc nhắc những con người « dưới 4.000 đô-la » bao quanh người Mỹ, nhìn họ sống, nghe họ nói mà sẽ chẳng hiểu mô tê gì cả. Khi ấy, người Mỹ sẽ làm gì, xử sự, ăn nói ra sao giữa thế-giới loài người? Chính vì tội nghiệp cái tình-trạng « cô-lập giữa một thế-giới tiên-phong » của người Mỹ mà Servan-Schreiber đã thúc

(1) Jean Boissonnat: « La politique des revenus » dẫn trong Le défi américain, tr. 250.

(2) Nguyễn văn: « L'écart entre les revenus élevés et les revenus bas sera inférieur à celui que nous connaissons aujourd'hui dans la société industrielle » (tr. 45)

(3) Dẫn trong Le défi américain, tr. 104.

giục Âu-Châu theo kịp họ lên Thiên-đàng. Nhưng Servan-Schreiber quên rằng khi người Âu-Châu lên được trên đó thì cũng sẽ cô-đơn như người Mỹ, và nếu chỉ có 2 người, tán dóc với nhau mãi rồi có ngày phải đâm đá nhau... cho đỡ chán mà thôi! Nếu hạnh-phúc nằm trong sự hòa-hợp, một dân tộc « cô-đơn » như vậy có thể được hạnh-phúc chăng? Và tiến-bộ để làm gì, nếu không phải là để được hạnh-phúc, nghĩa là được hòa-hợp với con người?

Riêng chúng ta, những con người dưới 120 đô-la, chúng ta có thể tự hỏi: một nước Thiên-Đàng mà khi lên đó, sẽ không còn nói chuyện được với ai, thì có đáng cho chúng ta lao tâm tốn sức theo đuổi hay không? Tôi nghĩ là không. Cho nên không có lý do gì để chúng ta cuống cuống như Servan-Schreiber. Giả sử một ngày nào đó, chúng ta phải nhìn người Mỹ leo lên những chiếc Boeing 2707 để bay về nước Thiên-Đàng, chúng ta sẽ không ganh tị, buồn rầu hay hối tiếc gì ráo. Chúng ta sẽ ngả nón chúc họ lên đường bình an. Còn chúng ta sẽ ở lại chốn trần gian bụi bặm và nhiều vi trùng này, với những con người còn mồ hôi nước mắt, còn cứt đái, tinh trùng, và cũng còn ánh mắt, nụ cười, lời nói của con người.

Nói như vậy không phải là phủ nhận sự cần thiết của tiến-bộ.

Từ ngày Âu-châu đã dùng vũ lực để bắt buộc thế-giới chấp nhận những quy luật của văn-minh Tây Phương, nhân-loại đã làm một bước tiến dứt khoát và không thể đi ngược lại được. Hiện nay, không có quốc gia nào có thể hủy bỏ những cơ-sở kỹ-nghệ (dầu còn thô sơ đến đâu), những phương tiện chuyên vận, giao thông, truyền tin, những học

đường, thư viện, phòng thí nghiệm v.v..., mà không bị tê liệt, hỗn loạn và chết đói. Không thể trở về tình trạng nông-nghiep và thủ-công-nghệ thuần túy như Gandhi đã chủ trương. Dầu muốn dầu không, chúng ta đã phải chấp nhận định luật tiến bộ. Vì đã chấp nhận định luật này, chúng ta mới bị gọi và tự gọi là « chậm tiến ». Đã « chậm tiến » thì phải tiến cho nhanh. Nhưng vấn đề mà chúng ta phải đặt ra là: tiến bộ để về đâu, để làm gì? Chúng ta còn thì giờ để đặt vấn đề này, trong khi các nước tiến, vì đã đi quá xa và quá nhanh, hình như không còn thì giờ và nhứt là không còn tâm trí thoải mái rảnh rang như chúng ta.

Sở dĩ chúng ta vừa chạy vừa cảm thấy mình lùi chớ không tiến, đó là vì không những chúng ta đã chấp nhận định-luật tiến-bộ của người Tây Phương, mà còn chấp nhận luôn phương-thức tiến-bộ và cứu-cánh tiến-bộ của họ. Phương-thức đó là phương-thức tư bản, cứu cánh đó là cái « xã-hội hậu-kỹ-nghệ ». Người Tây phương, đặc biệt là người Mỹ, có thể dùng phương thức kia để đạt tới cứu cánh này — trong trường hợp thế giới sẽ ổn định từ đây tới năm 2000 — vì họ đã dùng nó kịp thời, nghĩa là cách đây gần 4 thế kỷ. Còn chúng ta thì không, vì chúng ta đã bắt đầu quá trễ. Nếu chúng ta cứ mãi mãi bắt chước họ, cứ mãi mê nhào về xã hội của họ như về một nước Thiên-Đàng, thì chắc chắn chúng ta sẽ chạy hoài, chạy tới đứt luôn ruột già ruột non mà không đi tới đâu hết, không đạt tới cái gì hết, y như con rùa sau củ cà-rốt, với một điều khác là củ cà-rốt của chúng ta sẽ không giữ nguyên cái khoảng cách như với con lử (để ít ra chúng ta còn ngắm nghía nó được rõ ràng cho đỡ thèm!) mà nó sẽ càng ngày càng xa!

Người Tây phương muốn cho chúng ta chạy như vậy lắm. Vì chính họ cầm củ cà-rốt. Và họ sẽ cho chúng ta ăn củ cà-rốt (hoặc hút thuốc phiện), khi thấy chúng ta quá mệt, để còn sức mà chạy. Bởi vì khi nào chúng ta còn a đầu cầm củ cà-rốt, chúng ta sẽ chưa là một hiểm-họa đối với họ.

Nhưng chúng ta đã thấy, cái nước Thiên Đàng của họ không đáng cho chúng ta nhọc công theo đuổi. Nếu chúng ta dứt khoát chấp nhận điều này, thì phải lựa chọn một cứu-cánh khác, một phương-thức khác cho sự tiến-bộ của chúng ta. Chỉ khi đó, chúng ta mới tiến thật sự và cảm thấy mình tiến. Chỉ khi đó, chúng ta mới làm chủ được sự tiến bộ, nghĩa là vận mạng của chúng ta.

Tôi nghĩ rằng các dân tộc chậm tiến có thể tạo cho mọi người một đời sống tốt và đẹp từ đây tới cuối thế-lỷ, mà không cần đến một lợi-tức trên 4.000 đô-la cho mỗi đầu người, mà không cần phải tự mình sản-xuất những bộ máy điện tử. Sự phát triển của chúng ta phải hướng về việc xây dựng cuộc đời tốt và đẹp ấy, chứ không phải chỉ nhằm « sản xuất » và « tiêu thụ » ngày càng nhanh, ngày càng nhiều. Rồi một ngày nào đó, còn xa lắm, chúng ta sẽ có lợi-tức trên

4.000 đô-la, sẽ có những máy điện-tử, sẽ được nghỉ ngơi trên 200 ngày mỗi năm để sáng tác văn nghệ, nghiên cứu khoa học hay làm những việc gì mình thích. Nhưng khi đó, chúng ta sẽ không bị « cô lập trong một thế-giới tiền-phong », chúng ta sẽ còn nói chuyện được với các dân-tộc khác, và chúng ta sẽ không hổ thẹn, không có mặc cảm tội lỗi khi nhìn lại quá trình phát triển của chúng ta. Vì chúng ta đã hướng về con người chứ không về đồ vật, do đó, đồ vật sẽ là phương tiện để chúng ta hòa-hợp với con người. Và cái Thiên Đàng hậu-kỷ-nghệ, nếu có, sẽ là Thiên Đàng của con người chứ không phải của những máy điện-tử, của đa số nhân-loại hiện còn đang nghèo đói rách rưới, chứ không phải riêng của một dân tộc.

Sự thách đố của người Mỹ bắt buộc mỗi dân-tộc phải đặt lại vấn đề căn bản : chúng ta muốn gì trên trái đất này, chúng ta muốn sống như thế nào cho chúng ta và con cháu chúng ta, cho dân tộc chúng ta và cho toàn thể nhân-loại.

Đó là vấn-đề văn-minh. Đó cũng là vấn-đề cách-mạng.

LÝ-CHÁNH-TRUNG

I-5-1968.

THƯ-LÂM ẤN THƯ-QUÁN

231-233-235, Phạm-Ngũ-Lão — Sài-gòn

Dây nói : 25.861

NHÀ IN — XUẤT BẢN — CUNG CẤP DỤNG CỤ VĂN PHÒNG
có xưởng máy cung cấp phù hiệu, cờ hiệu đoàn, nhãn cổ áo (étiquette)
màu đẹp, bền, không phai.

Gởi tiền thanh toán xin chuyển vào Trương-mục Bưu-điện số 2.701
Thư - Lâm ấn thư - quán.

Phê - bình sách Giáo - khoa

ĐOÀN - NHẬT - TẤN

Sách giáo-khoa là một học-cụ tối-thiết ở học-đường vì nó trợ lực cho thầy giáo, bổ-túc việc học-tập cho học-sinh. Nếu có sách tốt thì hiệu-lực giảng dạy ở trường có thể tăng gấp bội; nhất là ở Tiểu-học, có sách thì trẻ khỏi học trong vở chép lèm-nhèm sai lạc, lại được quen với chữ in là lối chữ thực-dụng trong đời.

Nhưng có điều lạ là xưa nay các sách giáo - khoa thường khi được giới - thiệu mà rất ít khi được thẳng thắn phê-bình. Ta thử tìm hiểu xem tại sao :

Lý-do chính có lẽ là vì sách giáo-khoa thường không phải là những sáng-tác-phẩm, người soạn chỉ tham-khảo ở nhiều sách khác nên không có trách-nhiệm về người ta có thể khen hay chê. Về phần hình-thức trình-bày thì lại là chuyện ít quan-trọng đối với người dùng, bởi học trò học sách thì đã có thầy hướng-dẫn, họ chỉ cần tài-liệu của sách còn việc trình-bày giảng giải là do phương-pháp riêng của thầy. Vì thế sách có dở cũng không tác-hại gì miễn là tài-liệu không sai lạc.

Thêm vào đó, cái đức khiêm-tốn nhiều khi quá đáng của nhà - giáo, ít khi muốn tự coi mình có quyền thấy chỗ hay chỗ dở của kẻ khác. Lại cũng có một số quá dè-dặt sợ chạm phải tự ái của tác-giả mà rồi kết-quả chẳng đi đến đâu, số người đầy mặc-cảm như vậy trong hàng giáo-chức không phải là không có : hễ có ai phê-bình thì cứ định-ninh rằng họ có

thù oán gì với mình nên mới trả đũa đề dìm nhau, hoặc ngờ rằng họ muốn tự phô-trương với ân ý tư-lợi nào. Nhiều đồng-nghiep đã coi đó như những trở-ngại đáng kể cho việc xây dựng nghề-nghiep cho nhau trong nội-bộ giáo-chức ở các trường.

Có khi lý-do lại trái-ngược : thái-độ khoan-dung lẫn nhau không thể chấp-nhận có chuyện phê-bình sách của nhau để "vạch áo cho... trò xem lưng", làm tổn - thương đến uy-tin của bậc thầy !

Nhưng ý-kiến phổ-biến nhất trong chúng ta là đề mặc cho cạnh-tranh tự-do : sách hay thì có người dùng, bán chạy, sách dở thì bán ế, bị đào-thải tự-nhiên, không cần phải phê-bình cho phiền-phức.

Lý-do có thể đáng hay không đáng, việc làm có thể có ân-ý hay thực-tâm. Nhưng sự-kIỆN sách giáo-khoa mà không có phê-bình hiệu-đỉnh thì bao giờ cũng là chuyện đáng tiếc. Bởi vì sách in ra là để phục-vụ một quần-chúng độc-giả tương-đối còn non dại ; dù thầy giáo có thành-thoảng lưu-tâm đến, nhưng sách có thể hay chỗ kia mà dở chỗ này, nhiều khi được chọn dùng chỉ vì tương-đối khá hơn quyền khác, chứ chưa phải đã tránh được hết mọi sai lầm. Dù tốt hay xấu, sách mỗi lần xuất-bản cũng đến hàng ngàn, phổ-biến tận hang cùng ngõ hẻm và thường xuyên ở trong tay học sinh thì không ai có thể theo dõi chỉ dẫn cho

khắp. Mà ở tuổi ấy mỗi hiểu lầm, sai lạc, dễ gây ấn-tượng sâu đậm trong tâm trí, nhiều khi không có cơ-hội sửa chữa về sau. Người ta thường thi-thăm với nhau về một vài « ông lớn » viết-lách hay nói-năng dùng đôi chữ sai lầm, hiểu câu nọ lầm với câu kia, đó không phải vì họ ít học mà có thể là những lầm lẫn nghiêm từ lúc nhỏ tại thầy, tại sách, cho đến bây giờ vẫn định-ninh như thế.

Cho nên nếu sách văn-ngệ cần có sự phê-bình thì sách giáo-khoa lại còn cần nhiều hơn nữa. Người nghệ-sĩ có khi tự nhủ được rằng nghệ-thuật mình có một giá-trị độc-đáo, vinh-cửu và có thể ngày nay độc-giả không hiểu nổi thì chờ đến ngày sau. Người soạn sách giáo-khoa không bao giờ nghĩ như vậy được, vì nó thuộc loại dụng-cụ nghề-nghiệp mà giá-trị cần được xác-định ngay bởi người dùng. Cũng có những nhà giáo lành nghề, đã rút được nhiều kinh-nghiệm hay mà làm nên sách, nhưng biện học mênh-mông, mỗi người lại ở trong một hoàn-cảnh giảng dạy riêng biệt, có một quan-niệm khác nhau về trình-độ học-sinh, khó mà đưa ra một công-trình hoàn-hảo.

Gần đây, Bộ Giáo-Dục có ban Tu-thư Sở Học-liệu đảm nhận lấy việc soạn và xuất-bản sách giáo-khoa cho bậc Tiểu-học. Đó là một giải-pháp rất hay, ai cũng nghĩ là cách tốt nhất để giải-quyết vấn-đề sơ-xuất trong sách tư-nhân và nhất là ổn-định và thống-nhất được tài-liệu, quan-diểm và trình-độ giảng dạy ở các trường. Nhưng trong thực-tế cũng chưa được như vậy, khi đưa ra dùng vẫn thấy có thiếu sót sai lầm. Mà sai lầm ở đây, nếu không có phê-bình, hiệu đính thì lại càng nguy-hiểm hơn nữa; bởi vì đã do một tổ-chức soạn-thảo có qui-mô thì tất ai cũng nghĩ rằng sách phải là mẫu-mực, rồi cứ

đó mà dạy theo không cần xét lại nữa.

Vì vậy mà mỗi quyển sách giáo-khoa xuất-bản cần được thảo-luận, phê-bình ở các trường, trên báo chí, nhất là sau một thời-gian đem ra thử-thách tại lớp học. Phương chi đó lại chính là điều mà soạn-giả nào cũng thường có ý mong mỗi trong lời tựa ở trang đầu.

Cho nên nếu không có phê-bình, hiệu-đính, thì đó là trách-nhiệm của những người dùng sách và cũng là một trách-nhiệm chung, bởi vì qua những sai lầm thiếu sót đó, rồi đây, hậu-thế sẽ phê-phán cả thế-hệ chúng ta. Thật vậy, « lời nói bay đi, giấy mực còn mãi », chúng ta đã không dạy cho học-sinh ta ngày nay nhìn vào một vài khía cạnh của sách vở thời xưa mà phê-bình cái tư-cách của người đời trước đó sao?

Điểm qua vài quyển sách Tiểu-học.

Ở đây, chúng ta chỉ điểm lại vài quyển sách giáo-khoa để thấy rằng dù trong những sách rất được trọng-dụng hay soạn-thảo rất qui-mô và công-phu, vẫn còn có chỗ phải xét lại, và việc phê-bình sách giáo-khoa là chuyện tối cần mà lâu nay chúng ta ít lưu ý. Tôi chọn sách Tiểu-học là vì đó là ở cấp dễ, sai lầm đáng lẽ phải ít hơn, chứ thực ra vấn-đề này có thể đặt ra bất cứ ở cấp học nào, vì tương-đối mà nói thì ở cấp nào cũng chỉ có bậc thầy mới soạn ra sách và cấp học càng cao thì sách học càng khó, sách càng khó thì ít kẻ có thể thấy được chỗ sai lầm, chứ không phải là không thể có sai lầm được. Sự việc còn có thể nghiêm-trọng hơn, chứ không phải chỉ có ở Tiểu-học mới là đáng nói.

Một quyển sách hiện nay được dùng tại rất nhiều trường Tiểu-học ở Miền Trung: quyển Khoa-học thường-thức

lớp Nhất của Ung-Luận. Sách xuất-bản từ năm 1949 đến nay được tái-bản đến lần thứ 26. Sách được chọn dùng ở nhiều trường vì có nhiều ưu-điểm trong cách trình-bày bài giảng đầy đủ, gọn và rõ-ràng, lại rất hợp cho trẻ học thi Tiểu-học và Đệ-Thất, bài học có kèm toát-yếu, hình vẽ và câu hỏi thích-nghi, công trình điều-luyện của một nhà giáo có tài và dày kinh-nghiem. Nhưng sách đã không tránh khỏi một số sai lầm đáng tiếc :

Ở trang 22, sách trình-bày một thí-nghiệm để chứng-minh thành-phần của không-khí : dùng một cây nến đang cháy cắm trong một đĩa nước rồi úp cái ly lên, ngọn nến tắt. Tác-giả cho rằng sau đó có nước lên $1/5$ trong ly là « do dưỡng-khí (oxy) » đã bị cháy hết đi và nước đã lên để choán chỗ ấy. Sai lầm là ở đó : Nước không lên đúng $1/5$ của ly vì nước không phải lên để choán chỗ o-xy, bởi lẽ khi nến cháy thì carbon trong nến cháy đã cho một thể-tích khí carbonic bằng thể-tích khí o-xy mất đi (1), khí carbonic đã thể chân cho nó. Dưới áp-lực thấp trong ly (vì nước lên cao hơn mực ở ngoài), khí carbonic đã không hòa-tan trong nước bao nhiêu (2). Và lại khi nến cháy thì không phải chỉ cho có khí carbonic mà trong nến cũng chứa cả o-xy và hyt-rô nữa, làm cho thể-tích khí tạo ra rất phức-tạp (công-thức nến stearic : $C_{18}H_{36}O_2$).

Nhưng tại sao nước lên ? Thừa rằng vì không khí trước kia đã bị nóng mà giãn nở chung quanh ngọn nến đang cháy, khi nến tắt rồi thì không khí nguội, rút thể-tích, áp-lực trong ly bị hạ thấp làm cho áp-lực bình-thường bên ngoài cao hơn, đẩy nước vào để lập lại thăng-bằng. Cho nên giả-sử dù có cách

nào để hút hết khí carbonic như trộn xút hay pôt-tát vào nước và lắc cho nhiều thì sự nước dâng lên cũng không đo được thể-tích của o-xy mà không-khí đã cung-cấp cho sự cháy. Vậy thí-nghiệm này chỉ có thể dùng để chứng-minh sự giãn-nở của chất khí, hay tối-đa là không-khí cần cho sự cháy chứ không bày tỏ được thành phần không-khí.

Có lẽ vì thí-nghiệm dễ làm và thể-tích nước lên có khi cũng gần đúng $1/5$ trong ly nên đã đánh lừa nhiều thầy-giáo chẳng ?. Bởi vì đã có một số sách khác cũng thấy tả lại như vậy ở bài thành-phần không-khí như trong sách Bài Học lớp Nhất của Cao-văn-Thái (Thanh-đạm xuất-bản 1967 trang 122) và cả trong sách do Bộ xuất-bản nữa (Khoa-học lớp Nhì trang 154). Thực ra thì trong phòng thí-nghiệm, người ta chứng minh thành-phần không khí bằng cách đốt chất Phốt-pho ; chất này được gắn ở đầu một cái que luồn vào một ống nghiệm đã úp trên nước, P cháy và nước lên $1/5$ thể-tích ống nghiệm là thể-tích của o-xy bởi vì P đã hút hết o-xy để tạo thành một chất đặc thể-tích không đáng kể, rơi xuống và tan mất trong nước (3).

Trang 36 của sách Khoa-học Ung-Luận nói trên, giảng về phi-cơ phản-lực, thì cho rằng phi-cơ này bay tới là vì hơi tuôn ra đã đẩy vào không khí như người

(1) Trong phản-ứng cháy : $C + O^2 \rightarrow CO^2$; O^2 có thể-tích bằng CO^2 .

(2) Tôi đã làm lại thí-nghiệm này với nước vôi trong thì thấy nước vôi trong dâng lên ngay, một lát sau nước mới bị vẩn đục vì hút khí carbonic.

(3) Ở lớp Nhất thiết-tưởng chỉ cần cho trẻ thấy trong không-khí có một phần là o-xy cần cho sự cháy và phần kia là ni-tơ không cháy được, là đủ.

ngồi trên thuyền tổng mạnh chân vào bờ thì chiếc thuyền bị đẩy lui ra sông ». Tác-giả có nhắc rất đúng đến cái pháo thăng-thiên. Nhưng nguyên-tắc thuyền-vận pháo này cũng như *phi-cơ phản-lực* không phải giống như việc đẩy chiếc thuyền. Sự thực thì *phi-cơ phản-lực* được đẩy tới là nhờ một *phản-lực* đối nghịch với sức hơi tuôn ra, *phản-lực* này đã đẩy mạnh vào đầu kín phía trước của ống hơi làm cho *phi-cơ* bay tới. Không khí bên ngoài không có vai trò gì cả. Các hỏa-tiến *phản-lực* gắn trên vệ-tinh được khai-hỏa trong khoảng không liên-hành-tinh không có không-khí mà vẫn tác-động hữu-hiệu. Nhờ không cần đẩy vào không-khí mà *phi-cơ phản-lực* bay rất cao, vượt lên trên thượng-tầng khí-quyển đến những giới-hạn mà *phi-cơ cánh quạt* không lên nổi. Chính cái *phản-lực* của hơi nổ đã làm cho súng giật vào vai ta mỗi lần bắn. Trong đại-bác như đại-bác 57 hay « Súng-không-giật » SKZ, người ta chưa lỗ trống ở phía nghịch với nòng súng cho hơi lửa có ngõ tuôn ra để không có *phản-lực* đẩy vào súng, nhờ đó súng không giật nữa.

Trang 68 sách cho rằng : « Cho dòng điện thật mạnh vào thép, thép sẽ giữ điện mãi mà hóa ra nam-châm ». Đúng ra thì điện không vào thép mà thép được luyện thành nam-châm chỉ nằm ở giữa một cuộn dây cách-điện quấn chung quanh thép để cho điện không vào thép được thì thép mới hóa nam-châm.

Trang 74, sách nói : « Trong bóng đèn điện, dòng điện qua dây nhỏ làm cháy đỏ rực lên mà phát ra ánh-sáng ». Đây không phải là *cháy* theo nghĩa mà tác-giả đã dùng chữ này ở những nơi khác và ở bài « sự cháy » trong sách này. Sở dĩ sợi dây nhỏ sáng lên là vì quá nóng

mà *phát quang* (sáng rực) chứ không phải là *cháy*. Người ta phải ngăn-ngừa sự cháy bằng cách đặt dây trong chân-không hay một chất khí không cháy được như ni-tơ.

Sau đây là trường-hợp một quyển sách khác : Sách Khoa-học lớp Nhất do Bộ Giáo-dục xuất-bản : Sách in rất đẹp, giấy tốt, chữ rất rõ-ràng, có nhiều tranh-ảnh thích-hợp. Sách đã do một ban biên-tập soạn với các chuyên-viên giáo-dục của Bộ và sự hướng-dẫn của đại-diện Nha Tiểu-học và Phái-bộ Kinh-tế Hoa-kỳ. Sách xuất-bản năm 1966, đã có một trợ-lực hùng-hậu như vậy và theo các soạn-giả trong lời nói đầu thì sách đã được « soạn-thảo công-phu », nhưng không hiểu vì sao cũng không tránh được nhiều sai lạc rất đáng tiếc trong nội-dung, chưa nói đến cách trình-bày bài học :

Ngay trong bài đầu Chương 2 sách cho rằng « Vì sức hút của trái đất và sức ly-tâm (do sự xoay của nó tạo ra) cân - bằng, nên mọi vật đứng vững được trên mặt đất mà không bị hút tụt vào lòng đất... » (giảng ở trang 29, tóm tắt ở trang 30). Thực ra thì không có thể có chuyện đó được bởi vì mọi vật bao giờ cũng chịu một sức hút vào lòng trái đất (nên mới có người rơi xuống giếng sâu). Nếu chúng ta đứng yên trên đất được là nhờ có sức đỡ của mặt đất, sức đỡ này chính là *phản-lực* của mọi vật cứng khi có một sức ép vào nó và theo nguyên lý cân bằng của lực và *phản-lực* (principe de l'égalité de l'action et de la réaction) sức hút vào quả đất làm cho mọi vật bị ép vào mặt đất) cân bằng với *phản-lực* của vỏ quả đất, chứ không phải do sức ly-tâm. Cũng không làm sao có được một sức ly-tâm chống lại với sức hút của quả đất ở mọi nơi

vì muốn có sức ly-tâm như thể quả đất phải quay tròn tứ tung theo đủ mọi chiều. Sự thực thì quả đất xoay tròn theo trục nam bắc và sức ly-tâm này chỉ tác dụng thẳng góc với trục và chỉ có thành-phần (composante) hướng từ tâm quả đất ra là làm thay đổi được sức hút chút ít mà thôi, nên không đáng kể. Mà nói chuyện đó làm gì ở bậc Tiểu-học ?

Trang 32, sách giải-thích rằng trái cầu thép nặng hơn trái cầu gỗ là vì « thép đặc và không có kẽ hở ». Không thể giải-thích chung như thế cho mọi vật để suy ra một nguyên-nhân khoa-học được. Trang 46 nói hàn-thử-biểu (nhiệt-kế) mà dùng để « đoán biết ngày mai thời tiết như thế nào » là đã lầm-lẫn tai-hại với phong-vũ-biểu rồi. Trang 83 tính ra rằng « chiếc tàu có thể-tích 1.200m³ xê-dịch được một khối nước 1.200 tấn, vỏ tàu và máy móc nặng 400 tấn, thì có thể chở thêm 800 tấn mà không bị chìm ». Sự thực thì nếu chở thêm ngần ấy tấn, nó không chìm xuống đáy biển nhưng sẽ chìm lửng-lơ trong nước : soạn-giả đã quên mất trong bài này trường-hợp trọng-lượng của vật bằng sức đẩy của nước hay ít ra, lối nói đã quá hơi-hợt không tiện cho một bài dạy về khoa-học. Trang 98, dạy làm cái quạt điện như thế này thật nguy-hiểm cho trẻ con, nhất là phải đợi đến trang 113 sách mới dặn trẻ nên nhớ rằng điện giựt « chết không kịp thở » (? nguyên văn). Trang 115 « Dòng điện trước khi tới các ngắt điện phải qua cầu chì. Em có thể gỡ bỏ cầu chì này mà đèn vẫn cháy »: Một lối nói rất dễ cho trẻ hiểu sai. Chữ *cháy* ở đây cũng đã dùng sai với nghĩa trong « sự cháy » học ở chương trình lớp Nhất, không nên lẫn lộn *cháy* và *sáng* trong trường-hợp này.

Sách này lại không đúng chương-trình. Các mục « Ba trạng-thái của vật thể » và « sự cháy » ở lớp Nhất thì lại đem qua sách lớp Nhì, mà đã thêm vào lớp Nhất « Các chất hóa-học : làm giấy, làm xà-phòng... », không có trong chương trình. Nhưng lại bỏ bớt « sự nở của các vật gặp nóng » là một bài rất thực dụng cần dạy cho trẻ em. Trong khi đó thì trong sách khoa-học lớp Nhì, cũng do Bộ Giáo Dục xuất bản 1966, lại bỏ bớt bài « dầu hỏa » mà thêm phần *quang học* : « gương phẳng, khúc-xạ ánh sáng, kính lúp, gương lõm » và cũng cho học cả « gương song song, gương ghép thành góc » không có công dụng gì lắm trong đời sống bình-dân. Sửa đổi như thế trong một sách giáo-khoa là quyền sáng-kiến của người làm sách. Nhưng đây là sách của chính phủ xuất bản thì không khỏi làm hoang mang thầy-giáo và học-sinh ở các trường trong khi Bộ không có nghị-định sửa đổi chương-trình như vậy và trong lời nói đầu của sách cũng không thấy có giải-thích ra làm sao. Người ta tự hỏi rồi đây trong các kỳ thi Tiểu-học hay vào Đệ thất, nên cho trẻ học đúng chương-trình hay học theo sách của Bộ ? Bởi vì trên thực tế việc phổ biến các sách này bằng lối *phát không* cũng đã là một hình-thức độc-quyền soạn sách của Bộ rồi.

Nói chung thì còn rất nhiều chuyện cần phải đưa ra thảo-luận lắm, về các sách giáo-khoa công cũng như tư. Không ai có đủ thẩm quyền phê-phán hơn là các đồng nghiệp trong nghề. Vấn-đề là phải đặt kế-hoạch và một nề-nếp thường xuyên về việc phê-bình sách giáo-khoa để cho họ có dịp bày tỏ ý-kiến. Một vài lời rào đón chiếu-lệ ở trang đầu quyển sách chẳng có giá trị gì hơn là một lối tránh trút trách-nhiệm của soạn-giả.

Người làm sách giáo-khoa không phải là những nghệ-sĩ như các tác-giả nghệ-thuật văn-chương thì cũng không nên trông đợi vào một lời phê-bình tài-tử tùy hứng của kẻ khác.

Nói tóm lại, chúng ta không phải cứ ồ cho tự-do cạnh-tranh rồi thì có được sách tốt, cũng không phải cứ ý lại vào một ban Tu-thư Trung-ương mà soạn được sách hay. Vấn đề sách giáo-khoa vẫn là của mỗi giáo-chức góp phần phê-phán xây-dựng. Người có kinh-nghiệm có thể nhận xét về quyển sách ngay khi mới xuất bản để lưu ý người dùng cho đúng sách. Người chưa có kinh-nghiệm thì ít ra sau khi đem dùng một năm cũng có được một ý-kiến nào. Việc thảo-luận về sách giáo-khoa hiện dùng trong nước phải được đề ra trong chương-trình các

lớp tu-nghiep, các trường sư-phạm, các cuộc hội-thảo hàng năm, các phiên họp chuyên-môn ở mỗi trường và trên báo chí. Một lối tổ-chức phê-bình có nề-nếp đối với tất cả các sách giáo-khoa sẽ làm cho người soạn sách khỏi còn có mặc - cảm mà người phê-bình cũng không thể có thành-kiến riêng đối với một quyển sách nào. Sự phê-phán tập-thể còn có hiệu quả như một cuộc thảo-luận và trao đổi kinh-nghiệm rất bổ ích cho giáo-chức.

Chỉ có phê-bình xây-dựng có tổ-chức và nề-nếp như thế mới mong đem lại cho chúng ta những sách giáo-khoa tốt, thực sự có ích cho thầy-giáo và học-sinh, tránh mọi mò mẫm lâu dài tổn công, tổn của cho tất cả.

ĐOÀN-NHẬT-TÂN

SỬA LẠI CHO ĐÚNG

Trong bài « Chữ đồng-âm trong Việt-ngữ » của ông Đoàn-Nhật-Tân trên Bách-khoa số 272 (ngày 1-5-68), trang 18, câu cuối cùng có in lầm là : « Ngôn-ngữ *đã* do con người tạo ra » xin sửa lại cho đúng là : « Ngôn-ngữ *đã* do con người tạo ra ». Trong bài « Chữ viết » của cùng một tác-giả, trên Bách-khoa số 267 (ngày 15-2-68), trang 12, cột 2 hàng 5 đếm từ dưới lên, (coi như một *từ-ngữ*...) xin sửa lại là : « coi như một *tử-ngữ*... »

Xin bạn đọc vui lòng sửa lại giúp cho và trân trọng cáo lỗi cùng tác giả hai bài trên đây.

ĐÓN ĐỌC:

BÊN KIA ĐƯỜNG

Truyện của VÕ-HỒNG

Nhà xuất bản MẶT TRỜI

ĐÃ RA:

TAY NGỌC

Truyện dài của NHẬT-TIẾN

Tác phẩm viết cho Tuổi Thơ
Ngà Ngọc

ĐÔNG PHƯƠNG xuất bản

Lê Lợi phát hành

Giải - phóng lịch - sử

(Xin xem B.K.T.Đ. từ số 273)

Nguồn gốc sai lầm trong ý-thức của tầng lớp trưởng-giả thời thuộc-trị là bởi tính cách xuất thân cũng như bản chất sống bám vào mẫu-quốc của họ. Nguồn gốc sai lầm của người Tây phương — trong mực độ vô tư nhất — là do nơi sự kiêu-hãnh về tiến-bộ kỹ-thuật và tinh thần thực-nghiệm trong vài thế-kỷ sau này khiến quan điểm của họ suy-luận lấy Âu-châu làm tâm-điểm thế giới, đem người Âu làm thước đo nhân-loại, được phổ biến như là luận-cứ duy nhất. Người ta coi hiểu biết thế-giới là Âu-châu biết về thế-giới. Cho nên mới có bản-đồ phát-kiến thế-giới đặt vùng La-Hy dưới màu trắng (vùng văn minh) trong khi các trung tâm phát-triển khác bị bao trùm trong bóng tối dày đặc (1),

Quan-niệm duy-kỷ đó đã đến ngày tàn cả đến tận nơi phát xuất, khi giao-thương thế-giới mở rộng và tập đoàn nhân loại thấy càng ngày càng đông những nền văn-minh và những dân-tộc đột khởi vượt ra khỏi bóng tối của thời thuộc-trị, nghe theo lời kêu gọi của những người đồng cảnh ngộ bị hất hủi :

« Nay các bạn, phải quyết định đổi chiều ngay từ bây giờ. Đêm dài dằng dặc mà chúng ta chui vào, nay chúng ta phải bước ra... Hãy quyết định không bắt chước Âu-châu và hãy vươn bấp bệch, trí óc chúng ta theo một hướng

mới. Thế-giới thứ ba phải bắt đầu làm lại lịch-sử loài người ». (2)

Muốn mạnh dạn đi con đường khác, phải phá tan điều ràng buộc mà chúng ta gọi là chủ-nghĩa đế-quốc về ý-thức-hệ, thường có liên quan với những đặc-quyền chính-trị, kinh-tế của đế-quốc đề lại. Người dân được độc lập, tự do, phải ngoái nhìn vào quá khứ, thu thập những giá-trị làm cơ-sở vững chắc cho bản-ngã của họ để vững tin vào tương-lai hơn.

Công cuộc phá vỡ đó có người không bằng lòng. Không nói đến thời La-mã-thuộc xa xôi, R. và M. Cornevin (3) đã chỉ ngay rằng lịch sử Algérie Pháp-thuộc cũng đã có khác trong buổi đầu và thời kết-cuộc. Ông Bà cố nhắc tới quan điểm Algérie cho rằng cứ lục tìm trong mớ tài-liệu kể rõ sự chống đối trong thời chiếm đóng dưới các đời Charles X, Louis Philippe và Napoléon III thì có ngay lịch sử Algérie thời đó. Quan-điểm này theo hai Ông Bà, đã không đặt các

(1) *Encyclopédie Universelle*, Marabout Université, T. 1, trg, 627-630.

(2) *Les Damnés de la Terre* của Frantz Fanon (trích lại từ *Le Dossier Afrique*, P.B.P., 1962, trg. 13.

(3) *Histoire de l'Afrique*, P.B.P., 1964, trg. 246.

tài-liệu vào trong thời-đại, lẫn lộn cuộc chống đối Pháp — Algérie ở thế kỷ 19 với công trình chống đế-quốc thế-kỷ 20, vì những ý tưởng chống đế-quốc chỉ có sau sự-kiện thực-dân ; đừng quên rằng chiến tranh thế-kỷ trước là công việc của những cá-nhân có trách-nhiệm, không phải của toàn quần chúng vô danh và cơ-khí-hóa thời bây giờ.

Có thể thấy rằng sự khác biệt quan-điểm của hai bên đã nhờ những điều-kiện mới mà không thành gay gắt lắm. Dân bị trị đòi độc-lập thì đã có độc-lập nên bớt mặc cảm tự ti, dân thống-trị thì phải trọng thực tế mà nén bớt tự tôn ; chỉ còn trong lời nói, người trí thức kháng chiến thì nối tiếp cái hăng say cách-mạng mà đòi « giải-phóng lịch-sử », còn viên chức cựu-thuộc-địa thì lưu ý đến sự-kiện « đảo-ngược lịch-sử » để cố gắng đặt mình vào khung cảnh địa-phương hơn, tuy rõ ràng ông ta đã không thấy rằng tính cách quần-chúng là bản-chất địa-phương chứ không phải là sản-phẩm kỹ-thuật Âu-châu.

Tình-trạng nguy hiểm ở những nước độc lập gọi là « cuối đường dây chuyền tranh đấu », nơi chủ-quyền được chính-quốc trao vào tay những chính quyền chuyển tiếp thiên hữu có những liên quan quyền lợi, tinh thần với chính quốc, để tránh những đổ vỡ tàn nhẫn khi dân chúng nổi dậy. Ở đó, giai cấp cầm quyền mới, nhờ sự hào nhoáng của danh từ độc-lập, bản thân quen tính ỷ lại, không thể có ý tưởng ngoài đường lối của chính-quốc đề ra, nên dễ chấp nhận những tư-tưởng do các viên-chức cựu-thuộc-địa khuôn nắn. Lề lối suy xét khuôn sáo cứ tiếp tục qua thời gian, thay đổi màu sắc theo đối-tượng nhưng không biến đổi bản-chất.

Ở Việt-nam, trong khi những lời phát-biểu có nhuộm màu sắc chính trị của các tu-sĩ Phật-giáo bị nhìn bằng cặp mắt nghi ngờ nếu không là hằn học, thì tư-tưởng xã-hội có vẻ cấp-tiến của những người Công-giáo thức tỉnh lại được trình bày một cách trọn vẹn, càng lúc càng nhiều, càng ngày càng gay gắt, « tả khuynh » theo với đà thâm sát tiếp diễn. Một nữ sinh-viên Phật-tử tự thiêu đã cần thận cho mọi người chú ý đến bức tượng bà Maria bên tượng Quan-thế-âm, thế mà chết rồi chắc không « nói được nên lời » nếu không nhờ một Linh-mục phò-biến.

Sự-kiện này cũng giải thích được tính chất kỳ-thị địa-phương hiện tại. Trong một phút bốc đồng vì tình đồng loại, một ký-giả nhưn nhận viết rằng ở miền Nam ông ta là ký-giả có đôi chút tiếng tăm chứ nếu ở Bắc thì chắc cũng chỉ làm thư-ký là cùng. Điều đó xảy ra theo ông chính vì người Nam ít tinh thần cạnh tranh. Sự thực, có thể vì tính nhẫn nại, chịu khó, xông xáo cố-hữu hay mới kết tập trong hoàn cảnh di cư khó khăn mà người Bắc đã thành công trong nhiều lãnh-vực. Có thể vì sự sung túc một thời của miền Nam, có thể vì khí hậu nóng bức mà người Nam đã uể oải chịu theo lối sống « vậy vậy thôi ». Nhưng đừng nên quên rằng nông dân miền Nam từ năm 1944 có lần đã phải chờ xâm tới mới ra đồng vì không có quần mặc. Lối sống phè phỡn của các chủ đồn điền, chủ ruộng, nuôi dưỡng thêm một tầng lớp ký-sinh trung-gian, không che lấp được nỗi khốn cùng của phu phen, tá-diễn không biết cách nào tỏ lộ khác hơn bằng những hành vi dụ côn, anh chị hay cúi đầu nức nở theo bản vọng-cổ kêu thương. Ưu-thế chính-trị của một tầng lớp — vừa mang tính cách địa-phương, vừa tôn-giáo — khiến họ càng co rút trong cái

thể thụ-động hơn. Họ không phải biết nói sao về Kháng-chiến Nam bộ mà không bị chụp mũ trong lúc đồng-bào di cư của họ tha hồ tán về con đường qua « Cồng Giời », về « Ty-tiến người đi không mọc tóc » mà có khi người thuật chỉ thu nhặt được trong một chuyến buôn lậu qua vùng « hậu phương ». Họ không được làm nghị-sĩ nếu có liên can đến người tập-kết trong khi không ai hỏi đến nhân viên cao cấp nào hiện nay có cha, anh em để lại bên kia vĩ-tuyến đã giữ địa-vị gì trong chính-phủ miền Bắc...

Nói khác đi, vì một mối đau thương lịch-sử, người miền Nam đã có ít phương-tiện hoạt-động hơn một số đồng-bào may mắn của họ. Kỳ-thị theo chiều hướng này có thể phát sinh phản-ứng kỳ-thị theo chiều-hướng ngược lại. Một số người Nam chuyển lòng tự-trọng địa-phương qua những hành-động quá khích. Tinh-thần địa-phương càng đi đến chỗ gay gắt. Sự xuất hiện của tờ báo địa-phương Miền Tây là cả một ý-nghĩa minh-chứng cho nhận xét trên : Saigon không còn là nơi dung-túng được các phần-tử địa-phương phải rút lui về Cần-thơ theo một con đường không vững vàng gì hơn số mệnh của tờ báo. Tinh thể có chuyển-biến, những nét sơ phác vẫn còn...

Từ trong tình-trạng sa lầy hậu-giải-phóng, chúng ta mới thấy người Âu-châu mừng rỡ khi thấy có hiện-tượng tây-phương-hóa một cách bừa bãi ở các cựu thuộc-địa, chứng minh tính cách văn-minh-khai-đường-mở-lối của Âu-châu, xác nhận công ơn mẫu-quốc.

Thực ra, sức nặng của văn-minh Tây-phương là điều không thể phủ nhận. Làm mưa làm gió trên sân khấu thế-giới hiện tại và thù nghịch chống chọi nhau

là hai luồng văn-minh phát xuất từ Tây-Âu : tư-bản chủ-nghĩa vượt Đại-tây-dương lên đến tột đỉnh cơ-khí-hóa trên vùng Bắc-Mỹ, Cộng-sản chủ-nghĩa muốn mang tinh-thần prométhéeen (có nên đông-phương-hóa chữ dùng để gọi lại là tinh-thần tề-thiên không ?) truyền-bá cho đám dân bị-trị đi vào trong vuốt sắt của mình. Muốn hiểu rõ sự vùng vẫy tuyệt vọng của yếu-tố địa-phương không gì rõ rệt hơn là nhìn vào thể-kết của Phật-giáo Việt-nam trên mảnh đất này, nơi mà cộng-sản và tư-bản đua nhau thử chiến-thuật chiến-lược để tìm giới-hạn của thể-chiến thứ ba cũng như đã có lần người ta thử ở Espagne năm 1936 để dò dẫm thể-chiến thứ hai. Hiềm họa chiến-tranh nguyên-tử chặn đứng các xung-đột ở Trung-đông (vụ Suez, Do-thái 1956 và mới đây, 1967), Cu ba (1962), nhưng lại khuyến-khích chiến-tranh cục-bộ ở Việt-nam : các nước thuộc thể-giới thứ ba vẫn còn là trò chơi cho đế-quốc, bởi vì sự bất-bình-đẳng giữa da trắng - da màu vẫn là điều-kiện cần-thiết cho sự bình-đẳng của người da trắng.

Một số nhà lãnh-đạo, nhân-vật của thể-giới thứ ba, bị huyễn-hoặc vì một mô giá-trị tinh-thần tưởng có thể bù đắp cho sự yếu-đuối của quốc-gia mình, đã cố công ra sức hô-hào cấm phổ-biến vũ-khí nguyên-tử, ngăn chặn thể-chiến thứ ba để nhân-loại khỏi bị tiêu-diệt. Họ quên rằng các hiệp-ước cấm phổ-biến vũ-khí nguyên-tử chỉ nhằm mục-đích giữ độc-quyền đàn-áp các nước nhược-tiểu. Trong khi những mâu thuẫn thế-giới còn đầy dẫy mà không giải quyết bằng đường lối thỏa thuận êm thấm được, thì chiến tranh địa-phương còn là phương-tiện tốt nhất để các cường-quốc trả giá với nhau mà không

thiệt hại gì nhiều hơn vài mươi phút làm việc hay một số xác chết ít hơn số của tai nạn xe cộ ở xứ họ. Thay vì bom thường rơi xuống đầu thẳng dân nhược-tiểu, bom nguyên-tử nếu có, sẽ rơi ngay ở Moscou, Washington, London, Bắc bình... trước tiên. Bởi vậy, các cường quốc mới lo hồ hào hòa bình, *hòa bình cho họ*. Sự tiếp tay hòa-bình của một số nhân-vật thế-giới thứ ba nói trên, trong một chừng mực nào đó chỉ có kết quả là giữ gìn an ninh cho các cường quốc và gây chiến ở địa-phương.

Một ít nơi nằm tránh bên cơn lốc tư bản chống cộng sản, trong khi nền tảng tinh thần địa-phương còn vững chãi, tầng lớp ưu-tú bản xứ có thể và có đủ điều-kiện để thu nhận ảnh hưởng tây-phương có lợi cho họ : Tunisie, Algérie dùng những phương-pháp kết-tập, tổ chức quần chúng theo đường hướng mác-xít, chống đối hiệu-quả một cường quốc chủ nhân ở sát bên mình mà không cần biến đất nước mình thành cộng sản (1).

Nước Trung-hoa, tự phụ với nền văn minh liên tục lâu dài nhất còn tồn tại, có ý muốn "trung-hoa-hóa" chủ nghĩa Mác, thể-hiện rõ rệt mới nhất trong phong trào Vệ-binh-đỏ. Về một chiều-hướng khác của ảnh hưởng tiếp-xúc, từ thế kỷ 19 với các Hội-đoàn Brâhma, Prârthanâ, Arya, của Râmakrishna Paramahansa (1836-1886), Swâmi Vivekananda (1863-1902) qua thế-kỷ 20 với chủ thuyết Âhimsa tích cực của Gandhi, triết lý cải-tiến con người khi dùng phương tiện khoa học biến đổi xã hội của Sri Aurobindo (1872-1950) cùng chủ thuyết chính trị trung-lập của Nehru ; với tất cả tư tưởng, hành động ấy xã hội Ấn-độ chứng tỏ một cố gắng chuyển biến liên tục khi thu nhận văn-minh Tây-phương.

Bước qua lãnh vực kinh-tế, ta thấy các cựu thuộc-địa không khỏi băn khoăn cho số phận nền độc-lập của mình bởi vì « tự do không phải (chỉ) là quyền có được một quốc kỳ, màu cờ, có một phái đoàn ở Liên-hiệp-quốc » (2). Áp-lực kinh-tế của đế quốc đè nặng lên các dân tộc nhược tiểu khiến họ nhận thấy rằng muốn được tự do thực sự trên bình diện chính-trị phải được thực sự tự do trên bình diện kinh-tế.

Nguyên nhân phụ thuộc kinh tế nằm ở trong chính sách của tư bản đế quốc : các thuộc địa chỉ là nơi cung cấp nhân công, nguyên liệu rẻ tiền và tiêu thụ hàng hóa đắt giá để phát-triển kỹ-nghệ chế biến ở chính quốc thôi. Khoảng 1959-1960, các công-ty Hoa-kỳ chiếm 90% hầm mỏ, 50% đất đai, kiểm soát 67% hàng nhập cảng (90% đường) và 70% hàng xuất-cảng của Cuba. Mã-lai-á vì sợ cho thị trường thiếc, cao-su,

Ấn-độ vì cần gạo, Nhật-bản vì thị trường tiêu thụ... ; tất cả phải hoặc lần tránh, hoặc nhẹ nhàng trong vấn đề chiến tranh ở Việt-nam. Nhìn qua lăng kính giai cấp đấu tranh, người ta thấy mý lợi-tức thặng-dư thu nhận ở thuộc địa khiến vô-sản Anh trưởng-giả-hóa lần lần (F. Engels), đủ mua chuộc được một mớ lãnh tụ lao động « thợ thuyền thư lại », « trưởng-giả », liên kết với đám tư-sản quốc-gia (Âu-châu) chống đối lao động (Lénine). (3) Trên tương-quan quốc-gia, người ta vẫn thấy có hiện tượng thu nhận thặng

(1). — Ch. Delmas. *La Guerre Révolutionnaire*, PUF, 1965.

(2). Castro. *Discours de la Révolution*, Coll. Le Monde en 10/18, 1966, trg. 81.

(3) K. Papaioannou. *Les Marxistes*, Coll. J'ai Lu, 1965, trg. 325-26.

đư lợi tức của các nước tư-bản, từ việc giao-thương với các nước nhược tiểu kém mở mang sau thế chiến thứ hai. R. Fossaert (1) đứng trong cương-vị một nước kỹ nghệ xét rằng lợi tức thặng dư đó không ảnh hưởng gì mấy đối với sự tích lũy tư-bản ; nhưng giả ông là người Việt-Nam, biết câu "tiền vô nhà khó như gió vô nhà trống" để biết luôn cả nhu cầu tiền bạc khẩn thiết, thì ông sẽ thấy 1-2% lợi tức quốc gia (tư-bản kỹ-nghệ) đó đã tạo nên tình-trạng rỗng tuếch lợi-tức ở các nước nhược-tiểu như thế nào. Padi tố cáo rằng thợ thuyền da trắng ở Nam-Dương (cai, thợ máy, thợ kim khí) lãnh từ 100 đến 300 florins mỗi tháng, kèm 1000 đến 3000 florins mỗi năm tiền thưởng, trong khi thợ bản-xứ chỉ lãnh từ 20 đến 25 florins mỗi tháng và không thấy tiền thưởng bao giờ cả.

Như vậy trên bình diện quốc tế, sự đối kháng tư bản — vô sản không phải ở trong phạm vi giai cấp : có những quốc gia nghèo đói bị bóc lột bởi những quốc - gia giàu có, cường - thịnh nhờ sự bóc lột kia. Staline cho rằng sự tranh đấu giai cấp ở các nước tư bản sẽ thúc đẩy « tư bản rã chết ». Fossaert bài bác với nhận định rằng hiện tượng giai cấp đấu tranh phải hiểu như những hiện tượng xã hội khác, nghĩa là trong tính cách toàn diện của nó : những người thợ tranh đấu, đình công, biểu tình, nhưng cũng chính những người thợ được bảo hiểm xã hội, nghe radio, xem TV, dự phần quản trị xí-nghiệp... Có nghĩa là họ chỉ tranh đấu trong chừng mực không có hại cho quyền lợi của họ đang được hưởng. Nhận định này vô tình lại biện-hộ cho luận-cứ có sự đấu tranh quốc gia mang tính cách giai-cấp trong tương quan đế quốc — thuộc

địa, cường quốc — nhược tiểu quốc.

Tất nhiên trong quá trình đấu tranh này, tư bản kỹ nghệ cũng chuyển-biến, áp dụng chính sách hòa hoãn xung đột như đã từng thi hành có hiệu quả đối với vô sản trong nước. Viện trợ là một hình thức hòa hoãn này ; nếu không phải là một lối thoát tìm thị-trường, những thành quả có đáng vô tư còn lại cũng chỉ chứng tỏ đó là một lối trả nợ, đền bù của các nước tư bản đối với dân nhược tiểu, như F. Fanon nhận định.

Những nhận định về tương quan văn hóa thế - giới hiện tại của các nước nhược tiểu có thể phải bắt đầu trên những căn bản này. Tuy nhiên rút kết luận từ trên, chúng ta thấy công cuộc giải phóng lịch sử không thành hình và nếu có, không phát triển đầy đủ hiệu năng ở trong một xã hội cự-thuộc -địa còn lưu lại tình trạng nô lệ tinh thần làm nguyên nhân và là kết quả những áp bức kinh tế, những âm mưu khuynh-đảo chính-trị của thời tân thực-dân. Nhưng đáng khác, một khi ý-thức lịch-sử mới nảy sinh thì nó cũng có tác-dụng khai đường mở lối quyết định cho hành - động về sau. Người dân thổ xứ Bolivie sau mấy trăm năm tủi nhục, một sớm thức tỉnh thân phận dón hèn, nhớ rằng mình là con cháu của những kẻ xây dựng nền văn-minh Inca huy-hoàng trên đất Nam-Mỹ, nên vứt bỏ danh-từ *Indien* lằng-mạ để xưng làm người nông-dân, những *Campesinos*. Những người ấy bắt đầu làm lại lịch-sử đời mình, nối tiếp lịch-sử dòng giống, đem hành-động xây-dựng lý-thuyết. Ở đây, lý-thuyết về giá trị lịch-sử đích-thực của nhân-loại.

TẠ-CHÍ ĐẠI-TRƯỜNG

12-1967

(1) *L'Avenir du Capitalisme*, Du Seuil, 1961.

H O I - K Y

của VƯƠNG-HỒNG-SÈN

(Xin xem BK. TĐ. từ số 272)

TÔI NHỚ HUẾ

... VÀ BUỔI HỘI-KIỆN VỚI ÔNG NGÔ-ĐÌNH-CẦN

6 tháng 4. — Bữa nay chúa nhứt, phái đoàn thông thả trọn buổi sớm. Tôi rủ giáo-sư H. và Th. qua phố Gia-Hội. Ông H. thèm nên ăn bún riêu ngoài đường. Tôi ghé tiệm góc đường trả mua được một lò hương có quai xích xích và một siêu đồng để nấu nước pha trà.

Trưa, H. và Th. và tôi, nhảy dù đi ăn bánh khoai đầu cầu Đông Ba, khỏi nói là ngon và lạ miệng. Nhưng chuyển về phòng thì hết khoai vì có lệnh dạy chiều nay không được đi đâu và phải túc trực 17 giờ, y phục chỉnh tề, tựu đủ mặt đi chào ông Cố ! Cố đây là cố-vấn Ngô-Đình-Cần, Cậu Út Trầu ở Huế, cục cưng của triều-đình họ Ngô. Và bữa ra mắt ông Cố vấn mới là đáng kể, những trang từ trước chỉ đề nhóng tiền nhuận bút tập san Bách-Khoa-Thời-Đại. Nói rằng đủ mặt, nhưng trong phái-đoàn có hai ông mục-sư dòng Tên và một bà đầm có quốc-tịch Bạch Nga, lẽ đáng phải tiếp hết, nhưng phải viện cớ xin ba người ấy ở lại nhà, — chiều chúng tôi không chừng có bàn đến quốc-sự cơ-mật, — nhưng kỳ trung, vì cố-vấn dốt tiếng Tây nên không tiếp họ.

Trước tiên, chúng tôi ghé lại ông viện-trưởng, cảm ơn người tốt tình và lo lắng cho chúng tôi mọi việc từ miếng ăn đến chỗ ngủ. Ngồi salon ông C.V.L., anh Doãn-Quốc-Sỹ làm tàn, xin hút một điếu thuốc lão, vì thấy bình điệu của ông viện-trưởng rất là mỹ-thuật, không dè tuổi trẻ lão tảo, thuốc mạnh, hơi ít, vừa kéo là sặc sụa ho có dây, mũi dài lòng thông. Đợi hơn mười-bảy giờ, chúng tôi mới kéo đến trước cửa nhà Cố-vấn ở Phú - Cam, nguyên là biệt thự của cụ Ngô-Đình-Khả để lại, và vì Cần có hiếu với mẹ, nên mặc dầu thay bậc đổi ngôi, mẹ ở đầu, con ở đó, và tánh bà cưng con út nhiều nên giang-san dầu tứ hải, bà và cố-vấn ưng thủ cô-thành Phú-Cam hơn là lầu son điện ngọc chốn khác. Vừa đến cửa ngoài, có người vào báo, ông Cần mở cửa hông lộ đầu ra, thấy chúng tôi gần hơn mười-lăm mười sáu người, ông vội la lên : « Chu choa ! Sao mà đông dữ vậy ? Ai có đủ mà cho ăn ? ? » Đoạn ông nói nhỏ mòi riêng ông viện-trưởng bước vào sân trong, hai người to nhỏ hèn lâu kể ông viện-trưởng bước ra, dĩa khéo chúng tôi đi bích bộ chờ

một chút đợi ông Cố xếp đặt bên trong cho xong rồi sẽ cho mời hết vào đàm đạo. Nửa giờ sau, ông Cố ra mời, và khi cho vô, không hiểu vì ý gì, ông đóng cửa cái và chỉ mở một bên cửa hông và cho chúng tôi lách mình vào từng người một. Trong khi chúng tôi mặc đại-lễ đại-phục, nơ, cà-ra-oách đằng hoàng, ông Cần mặc một bộ đồ lụa lèo, kiểu « xá-xầu » như lính mật-thám thời P háp-thuộc, chưa đi đôi giày kiểu « escarpin » da láng, ông hiêu-hiêu tự đắc chờ ông C. V. L. giới-thiệu từng người, ông bắt tay chào. Nói thiệt, tôi lúc ấy chưa biết cái oai của ông cố-vấn. Tôi thuở nay tôi là tôi, cũng chưa biết bợ đỡ ai. Tôi lại có cái tật lắc-khắc cứ tưởng người ta cũng như mình, tóm lại tôi làm như ngựa con chưa biết sợ cạp, (vì chưa từng thấy bao giờ). Tuy ông Cần năm 1958, đã ở ngôi cố-vấn của anh mình từ bốn năm nay, từ 1954, nhưng nói chí tình, năm ấy Cần chưa hách như mấy năm sau này, Cần vừa bắt tay mỗi người vừa nói chuyện khểng thoai với ông C.V.L. Tôi mới là đại cho chó ! Đến phiên tôi chào, tôi vừa bắt tay ông Cần, miệng vừa dứt một câu chuyện khào với một sinh-viên, tôi bắt tay ông và gục gặc thật mạnh, khiến nên tay áo ông bật lên và lòi ra một chiếc vòng bằng vàng lủng lẳng khua trong tay áo. Tôi giật mình vì tôi đã quá trớn, nhưng ông Cần không nói gì, duy tôi nhớ tay ông mềm mại và tròn như bàn tay một người đàn bà ăn không ngồi rồi. Chiếc vòng ông đeo đang làm cho tôi lưỡng lự phân vân, thì ông buông tay tôi bắt qua tay người kế tiếp. Tôi cũng vừa lấy tay gãi mũi, thì nghe thoảng một mùi « nị », một mùi « chà », một mùi hương lâng-lâng nửa như trầm-hương, nửa như dầu thơm của bọ phù-thủy Miền - Xiêm - Ấn-độ. Bàn tiệc vẫn đặt chưa xong, Cần mời chúng tôi đi một vòng trong sân vườn cho buổi chờ đợi bớt ngudi. Kề ra cảnh Ngô-gia-trang, (có nên gọi vương-phủ chưa ?), nói như thể thường, nhà họ Ngô ở Phú-Cam, không biết trước kia thế nào, chớ lúc tôi biết (1958) cũng là lạ lùng lắm. Vương nhà giữa là nhà trệt lợp tranh, có lẽ từ đời ông Khả để lại ra sao thì nay giữ y không khác. Ở ngoài sân dóm theo cửa sổ, tôi thấy bên trong lót rất nhiều bộ ván gỗ, ván đôi, hai tấm rất dày và bóng lưỡng, dường như là mỗi ngày mỗi có người đánh bóng và chùi giồi không thôi. Tôi lại thấy rất nhiều người chạy lẩn xẩn trong nhà, toàn mặc áo dài xanh, nhưng tôi không rõ những người này là đàn bà hay nội-thị không râu, là tôi tớ hay hầu-thiếp tay sai của Cố. Ở bốn góc nhà lớn có dựng bốn cái nhà canh lô cốt cao cẳng, nhưng bốn tháp canh này có lẽ mới xây cất gần đây, kiên cố lắm, tựa như bốn cái hồ chứa nước trong Nam, toàn bằng xi-măng, và đặc biệt là đã dùng làm tháp canh gác mà lại có thêm hai chỗ nuôi thú vật lạ, Cần đích thân sắm vườn thú như thảo-cầm-viên Sài-Gòn, và cứ mỗi chỗ, trên nuôi một con điều-cầm thì dưới dành chỗ ruồi một con hạ-thú lạ : voi có, cạp có, chim cò, ngựa, vãn vãn... Một điều làm cho tôi ngạc nhiên là chính mắt tôi thấy hôm ấy Cần gọi một con hồ con lại gần lưới cho nó ăn và vuốt đầu nó như ta sờ rần đầu mèo. Cần có ma lực gì ? Trong khi ông Cố mặc bận cho cạp ăn, bỗng giáo-sư H. day qua vài cô nữ-sinh đứng gần và nói : « Con hồ đấy. Hồ ăn thịt... » Vừa nói chưa hết câu, bỗng nghe tiếng Cố gất thật lớn : « Hừ ! Hồ gì mà ăn thịt ? Người ta đâu có tiền nhiều mà mua thịt cho hồ ăn ? Hồ nó ăn cơm !!! » Chúng tôi ai nấy đều nín thở nghe ông Cố cắt nghĩa làm vậy, đoạn mỗi người tản lạc đi xem chỗ mình thích. Tôi bỗng nghe một nữ sinh kêu gọi tôi giật

đội : « Bác ơi bác ! lại đây mà xem con chim gì dữ quá, bác ơi ! Nó nuốt tươi một con chim bồ câu đây nè. » Tôi đến gần lồng, thấy chim và làm tài khôn cắt nghĩa : « Đó là con chim Pháp gọi *Marabout*. Trong Nam, thấy nó có cái đẫy dưới cổ để đựng cá tép về cho con ăn thì gọi *con già đẫy*, nơi khác để ý thấy nó lông lá trên đầu rụng hết không còn sợi nào thì đặt tên nó là *con già sỏi*. Bỗng ở sau lưng tôi có tiếng « Hừ ! Hừ ! » day lại đó là ông Cố. Ông hừ tôi rồi nói : « Nói tầm bậy ! Đó là chim Ông Lão. » Tôi nín thinh chịu trận, nhưng trong bụng vẫn tức nên nói thầm đủ nghe lấy mình : « Cố nói tôi không dám cãi. Ở Huế gần vua nên dân lễ phép nhiều, kinh già nên không dám dùng tiếng già, và bởi húy nên dùng chữ LÃO. Trái lại, chúng tôi không có vua từ lâu, nên hể chim sỏi và già thì gọi *chim già sỏi* ; thấy nó có đeo cái đẫy nên cũng gọi *chim già đẫy* cho vui, kỳ trung không phải vô lễ đâu. » Quan khách đi được một vòng giáp vườn và đang đứng xem con voi nhỏ ăn mía thì có người chạy lại báo tin tiệc dọn đã xong, nên Cố mời chúng tôi trở lại nhập tiệc. Mà ông Cố-vấn này cũng chướng. Mời chúng tôi mà không cho chúng tôi vào nhà. Bàn tiệc đặt trước nhà lớn, ngoài sân có trồng lan chậu và lan treo (phong lan) đang trổ bông, hương thơm nhẹ mũi. Trong khi các người kia kéo nhau nhập tiệc thì tôi còn nấn ná phía sau xem một con cạp từ xa đứng trấn góc vườn, trong cảnh nhá nhem gần tối. Mới trông thấy hình dáng, cạp đen-đen ngồi chồm chồm hai tay chống trước, xấu xí, không được khéo lắm, không ra vẻ cạp thiệt, cũng không oai nghi chút nào, tôi nói trong bụng và có ý khinh thầm cạp đồn trấu xứ này làm chưa được tinh xảo ! Đến chừng lại gần tôi mới hết sức kinh ngạc, vì không phải cạp đồn trấu mà kỳ thật đó là một hòn đá cuội lâu năm có hình dáng con hồ ngồi chờ mồi và như thế đây là một vật thiên tạo cồ quái không đâu có. Hòn đá này có lẽ lão Cần đã ăn cắp trong Đại Nội nhà vua, lão ưng ý trước nên xúi bọn nịnh đem về đây, biến vườn lão làm ngự-hoa-viên rồi. Khách ngồi bàn còn chưa cho tôi một ghế đặc biệt, rất may là để tôi ngồi cách ông Cố ba ghế khác đều giáo-sư ngồi, Cố ngồi đầu bàn một bên, còn bên kia thì ông viện-trưởng C.V.L. ngồi, đối diện Cố, như vậy tôi ở về bên phải của Cố ném về bên tay trái của ông viện-trưởng ; tức là tôi ngồi khóm giữa, và bao nhiêu sinh viên nam nữ chia nhau ngồi các ghế còn lại. Săn đói và khát từ ban chiều, nay được ngồi trước ly bière lạnh mát là tôi cứ việc hớp, ngà ngà lúc nào chưa hay... Trong nhà dọn ra để trước mặt mỗi quan khách một chén lớn bánh canh tôm, thịt, cua. Tôi sớn sát lấy muỗng múc một muỗng đầy đưa vào miệng, nhưng mùi tanh của tôm không được tươi và mùi bánh canh lạnh lạnh bắt tôi dùng mình muốn ọ ra... Tôi vừa cúi gầm đầu xuống bên tay mặt định lén nhò xuống đất giống gì nhón nhón ngậm lỗ trong miệng, bỗng tôi giật mình hết hồn vì cạnh bên tôi có một con chó ngao berger allemand thật to lớn, lông lá đen thui, cặp mắt sáng quắc, le lưỡi thè le canh tôi từ nãy giờ. Tôi lấy sự bình tĩnh lại và lật đặt tay qua bên tay trái cũng định cho muỗng trong miệng xuống đất, tôi thoát thấy một con chó to, giống danois, ngồi chồm hồm cách tôi không xa, và con chó này đầu của nó chần vằn trông rất hung dữ. Tôi không còn dám nhúc nhích cục kịch chi nữa cả. Triết-lý « tiên bảo kỳ thân » dạy tôi nay nhờ bên này không được và nhờ

bên kia cũng không được, bên nào cũng có cầu chực ra tay, không nhờ được thì chỉ còn một cách an toàn hơn cả là đừng biết vật kia tanh hôi và cứ nhắm mắt nuốt ! Nếu ực một cái chưa đi, thì rán ực hai ba cái, chừng nào thứ kia vô bụng thì tai qua nạn khỏi, chớ lúc ấy còn kén còn chê tanh, người ngoài biết được thì có khi tai họa vào mình. Triết-lý là đó ! Tôi buông muống bỏ mứa tô bánh canh và chụp ly bière thứ nhì nốc một hơi cho sạch miệng. Trong lúc tôi đang bực, một nữ sinh day qua mời tôi xơi hột vịt lộn.

— Bác ơi bác, hột vịt lộn ngon quá bác ? Mời bác xơi ?

— Hừ ! tôi trả lời. Ai đời ra đây mà ăn hột vịt bao giờ ? Muốn ăn đợi về Sài-Gòn tha hồ mà ăn. Ở Chợ-Lớn bán rẻ rẻ, lại thêm được gần nhà khỏi lo phá bụng. Nhưng tôi đã say mà chưa hay, còn rán nói tiếp : — Tuy vậy, cháu nào ăn không hết, cứ dôi mấy đĩa hột vịt lại gần đây bác thủ tiêu hết cho xem !

Lời nói là lời pha lửng chơi giữa mấy cô nữ sinh viên khả ái và tôi, không dè lọt vào tai lão Cố. Lão hồn nhiên nói tỉnh bơ : — AI ĂN HẾT CHO VỀ, ĂN CÒN Ở LẠI. Thôi chết cha mấy rồi, ai biết !! Tôi làm tỉnh nhưng trong bụng đánh lô-tô rầm rầm. Tôi phải năn nỉ nhỏ nhỏ các cô nhờ tội nghiệp bác, dôi mấy đĩa hột vịt lộn ra thật xa, cho bác khỏi tử trận hôm nay tại Huế.

Tôi đang ngồi nghe trong ruột bảo chột vì hai ly bière uống trong khi ruột trống, tôi lại vừa thấy mấy đĩa nem rất ngon lành sắp cạnh bên tôi, tôi bèn vội gắp một chiếc cho vào miệng nhai thì thấy sao lại nem này là lạ nóng nóng. Tôi hỏi nhỏ ông viện-trưởng : — Thưa ông, nem ở đây như vậy sao ? Tại sao nem lại ấm ấm nóng nóng làm vậy ?

— Nem thường người ta để cho cũ thì ăn mới dai giòn, ông viện-trưởng đáp. Hôm nay nem này chưa cũ kịp, còn mới quá nên người ta phải luộc sơ nó đi thì nó mới ngon.

Kể đó có một người trẻ trai vạm vỡ ra đứng hầu cạnh ông Cố : y mặc bộ Âu-phục kiểu short, áo ngắn quần cụt, để lộ hai bắp tay gân guốc và hai bắp đùi thịt no tròn cứng rắn, nhưng lạ nhất là khuôn mặt người này thì vuông vuông xương cằm lớn, chang mày liên-mi, dưới cằm tuy cạo nhẵn nhưng còn lộ râu xanh xanh bó hàm giáp mí chạy từ hàm này liên qua mí hàm kia, nhìn lâu không phải là người Việt chính cống. Thấy ông viện trưởng này giờ tỏ ra có cảm tình với mình nên tôi hỏi nhỏ ông bằng tiếng Pháp.

— Thưa viện-trưởng, hết thấy người ở Huế đều như người này hả ?

— Không đâu, ông đáp nhỏ, đó là một tên Nhựt. Nguyên văn « Non, C'est un Jap ».

— Ua ! Nếu Nhựt-Bản sao lại ở trong nhà này ?

— Vâng, đó là một tên lính hộ-vệ riêng của Cố-vấn. (Ông dùng tiếng « garde-corps »).

Tôi nhìn kỹ lại một lần nữa quả thấy anh này bộ tịch vạm vỡ xứng đáng là

một vệ sĩ đủ sức phò-nguy tế-khôn cho một người có tánh sợ bị ám sát như lão Cầu. Thành linh tôi nghe Cổ gọi lớn như trong tường bát bệ, trên sân khấu :

— Trẻ tở ! đem trầu cho ta !

Thì anh hộ-vệ Nhựt ban nãy chạy vô nhà bùng ra một ô trầu, hay tay dâng lên một cách rất lễ phép, và rất có điệu bộ Huế. Cổ lấy một lá trầu và tẽm và cuốn lại bỏ vào miệng nhai bồm bẻm ra người rất thành thạo trong điệu ăn trầu xĩa thuốc theo lối xưa. Kế đó lại có một anh Nhựt nữa, cũng bặm trợn vạm vỡ như anh trước, bùng từ trong nhà ra một ống nhổ thau chùi sáng bóng, dâng lên cho Cổ nhổ cỏ trầu. Dâng rồi đứng hầu Cổ xem rất uy nghiêm hết lòng. Tôi ngồi lặng thinh suy nghĩ thầm : « Mẽ ! Lão này đực rựa như mình hay là lại cái bán nam bán nữ ? Lại cái làm sao mà nghe nói lão có tánh ưa ăn vụng, lén lút mượn vợ bọn nịnh mỗi ngày chúng đến trêu bẹo và dâng cơm sát giường ? Lão không thích con gái nhà lành nên không bao giờ khứng cưới vợ dẫu tiên sa phụng lộn cũng không thích, chỉ thích mượn xài đỡ khi túng vợ bọn nịnh thần thêm tiện lợi là khỏi tốn tiền nuôi dưỡng (nhưng lâu lâu bọn q.ỉ cái này mượn tiền cậu triệu này qua triệu kia, nhưng đó là việc khác). Nghe nói lão con đùm con đề với mụ L. Tại sao đàn ông đực rựa gì mà tay đeo vòng vàng, thêm xức dầu thơm có mùi chà phù-thủy và thêm nhai trầu xĩa thuốc sống ? Thật là lạ quá, không hiểu rồi. » Tôi trông mau mắn tiếc đề về sớm cho khoẻ không dè đại họa sắp đến cho mình mà không hay. Bỗng không H., lão giáo sư chưa vợ, ngủ chung một phòng với Th. và tôi mấy hôm nay, không biết H. có ác ý muốn hại mình vì mình dám cười ạo khi lão Cổ rầy và dạy « cộp ăn cơm », hoặc H. muốn tấn ơn cho mình, nên H. gạ chuyện :

— Thưa Cổ-vấn, đây là cụ S. làm quản-thủ viện bảo-tàng trong Sài-Gòn. Cụ rất sành về khoa cò-ngoạn và như Cổ-vấn có cần dùng hỏi điều gì thì sẵn đây xin Cổ-vấn cứ hỏi cho chúng tôi nghe với, cho vui.

— Được lắm ? Cổ nói. Đâu nà ! Trẻ vô nhà khênh cái khuông tiền cò ra đây cho ta xem.

Tôi ngồi chết đĩnh mà không biết làm sao thoát, vì mình dốt, chữ không đầy lá mít, làm sao đọc các loại tiền cò cho rành, nói bậy anh em ở đây cười chết. May sao, có cô hồn độ mạng, khi khuông tiền đưa ra, tôi bước lại xem thì trong lòng mừng khắp khởi, vì tôi đã thấy lối thoát rồi. Quả trên khuông, tiền sắp không có thứ tự, thay vì sắp theo niên-hiệu các vị vua kế tiếp nhau, lại sắp theo cỡ lớn nhỏ, tuy xem đẹp mắt nhưng lộn xộn năm trước năm sau trái với nguyên-tắc người chơi sắp theo bộ môn cũ mới. Tôi chầm rãi nói :

— Thưa Cổ-vấn, khuông này có nhiều đồng quí giá lắm. Tiếc thay, người nào sắp tiền chưa rành về sử học, nên sắp lộn xộn. Tưởng nên cho gỡ ra và sắp lại cho có thứ tự thì hay hơn nhiều.

Tôi đảo lỗ chôn sống tôi mà không hay, vì Cổ-vấn hỏi : — Sao vậy ?

— Vì đây ? đồng tiền này, tôi vừa nói vừa chỉ lên khuông tiền, đồng tiền này niên-hiệu đề *Thiệu-Trị* (1841 — 1847) tại sao lại sắp lên trên tiền này

là tiền Minh - Mạng (1820 — 1840) ? Trái lại, đồng này hiệu đề là Tự-Đức (1847 — 1883) lại sắp lên trên đồng Gia-Long (1802-1819). Như vậy, con trước cha, cháu trước ông cố, xem kỳ quá.

Giáo-sư H. có lẽ còn giận và chưa chịu tha tôi, nên bồi tiếp :

— Này giờ cụ S. cắt nghĩa nghe rành rọt quá. Tưởng Cố-vấn nên cầm cụ ở lại đây thêm vài ngày để cụ giúp Cố-vấn sắp lại bộ tiền cho có thứ tự trước sau, cụ S. chắc sẵn lòng ở lại giúp Cố-vấn chứ ?

— Thưa Cố-vấn, tôi làm tỉnh trả lời, đó là lời ông bạn giáo-sư muốn nói chơi vậy thôi, chứ tôi đây chữ nghĩa có bao nhiêu. Nếu tôi ở lại Huế - đô giúp Cố-vấn việc mọn sắp tiền, thì tôi rất sẵn lòng. Nhưng như vậy có khác nào ở Cố-đô vẫn vật này đã hết người lợi lạc hơn tôi hay sao ? Có lý nào ?

Quả thật, câu nói ấy chạm ngay lòng tự ái của Cố-vấn, quen nộ nạt và coi người nửa con mắt, nên bỗng nghe ông nói lớn :

— Thôi được ! Tôi không cần ai ở lại cả. Trẻ, đẹp tiền vô bấy. Ở Huế-đô này cũng thiếu gì người giỏi vậy.

Thế là tôi thoát nạn. Hứ hờn ! Câu chuyện đến đây đã thấy nguôi - nguôi, người nào cũng muốn về. Ông trưởng-đoàn T.B.L. ra dấu hiệu. Có một cô nữ-sinh người miền Nam, người vừa đẹp vừa bất thiệp nhút trong đoàn, đứng dậy lễ phép xin nói mấy câu vừa gọn vừa đầy đủ, trước cảm tạ lòng chiếu-cổ của Cố-vấn mấy ngày vui chơi ở Huế-đô, vừa từ giã đề mai này lên đường trở về Saigon. Cả bàn khi ấy đều đứng dậy và tựu lại gần Cố-vấn để nghe cho rõ lời huấn-dụ long trọng của một người có tiếng là cầm hết quyền-hành trong tay ngoài này. Nhưng nào có nghe được gì ngoài mấy tiếng « cố-đô, cố-đô » lặp đi lặp lại không biết bao nhiêu lần, và câu đáp từ của Cố-vấn rõ lại không có đầu đuôi gì cả, rời rạc như bã trầu lão nhai, nhưng nói thật tình, lão lúc ấy tỏ ra có lòng tốt, vì hứa hẹn kỳ sau, chúng tôi ra Huế-đô, sẽ được dùng xe nhà đi đó đi đây, khỏi nạn « u-mê, ê-mu » của chiếc xe nhà binh mười bánh. Một lần nữa và cũng là lần chót, chúng tôi bắt tay giã từ ông Cố-vấn, bàn tay mềm mềm của một người ăn không ngồi rồi.

Chúng tôi nghỉ sớm đề mai lên đường về xứ.

7 tháng 4. — Sáng bốn giờ thức dậy. Năm giờ rưỡi, xe mười bánh nhà binh đến rước, muốn « u-mê » cho ê-mu luôn, cũng một lần này rồi về đến nhà. Xe cây, không nệm, mỗi lần xe dấn đường xấu, ngó mặt các cô nhút là bà L., tội nghiệp làm sao. Dầu lót mấy cái khăn bàn cũng không thấm tháp. Xe leo đến đèo Hải - Vân, ngừng lại dòm trời, mây, nước, lòng thấy lâng-lâng, ngật không biết làm thơ ! Đến Đà-Nẵng còn sớm chán, trước vào xem viện bảo-tàng đồ cổ-tích chàm (musée Parmentier), rồi lên xe xem khắp Ngũ-Hành-Sơn, trở về Đà-Nẵng dùng cơm Tây nơi một tiệm Hải-Nam, rất vui. Mười bốn giờ rưỡi ra phi-trường, máy bay cất cánh, nửa đường gió hút rơi vào một lỗ giữa trời « không có không-khí » (trou d'air),

tưởng bỏ mạng hết nơi đây không về thấy mặt vợ con, bùn rền, kiếng mắt, người ta đều bị hốt lên rồi bỏ rơi xuống gầm tàu. May sao tàu kẽm lái lại vững, phải một phen hú hồn. Mười sáu giờ rưỡi, đáp Tân-sơn-Nhứt.

Về đến nhà, lật đật lấy những cồ-ngoạn mua được ra xem, may quá, không có món nào hư bề. Có mấy chiếc nem mỏng như lá lúa và mấy gói mè xừng làm quà cho mẹ con nó mừng. Chuyện ông Cầu, gói kín, hôm nay mới lấy ra thuật lại.

Một món đồ nguội hâm lại nóng mà cũng đã mười năm : mau quá !

(Còn tiếp)

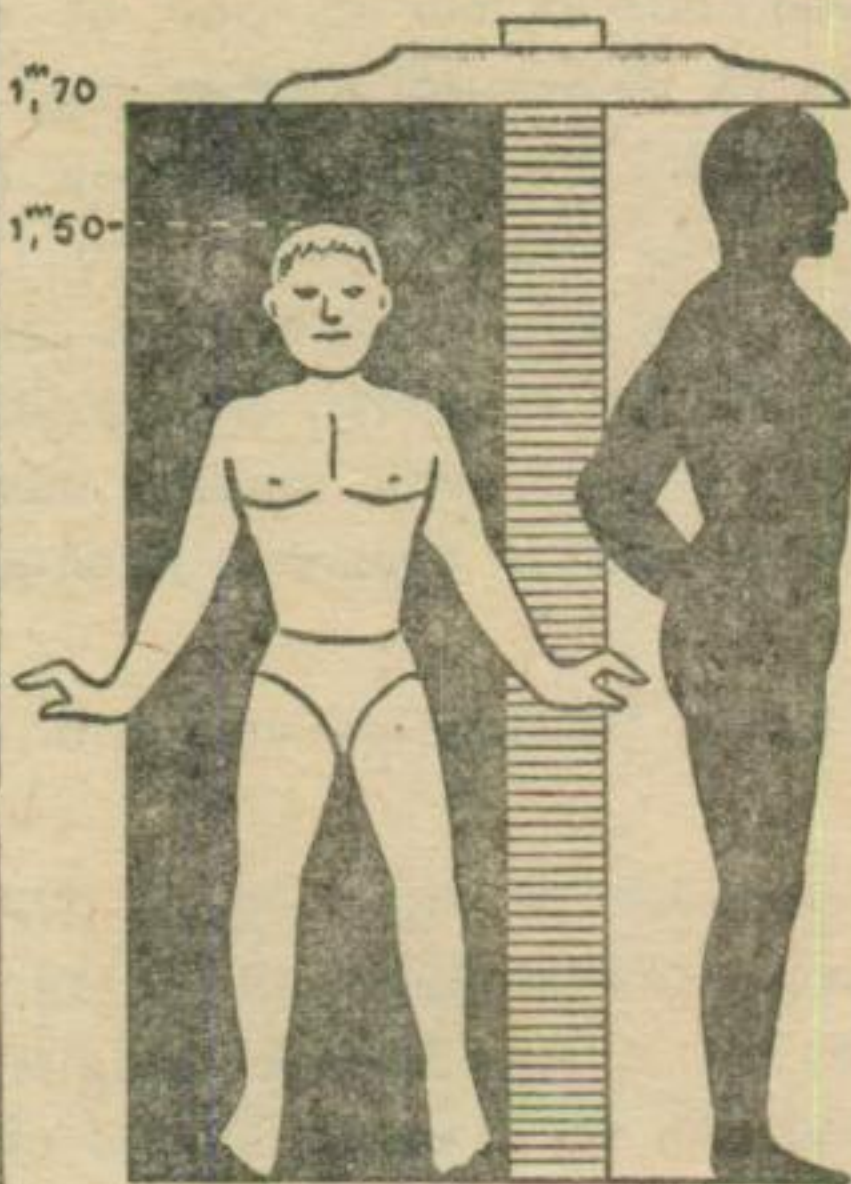
VƯƠNG-HỒNG-SÈN

Kỳ tới : Tôi đi săn đồ cồ-ngoạn ở Huế.

KN S6 78 MBYTIQCDP

Vitaplex

CALCIUM + 6 SINH-TỐ
C _ D _ PP _ B2 _ B6 _ B12



- CON NÍT MAU BIẾT ĐI
- CỨNG XƯƠNG.
- MẠNH KHOẺ .
- NGƯỜI LỚN CỨNG RẮNG .
- ÍT ĐAU RĂNG.
- YẾU PHÔI.
- MỆT MỎI .

LABOHADZER

VỪA THƠM NGON - VỪA BỔ?

Những chuyến đi

Con đường tìm đến quê hương

Càng gian khổ lắm càng thương nhớ nhiều

Cách đây mấy năm, vì lẽ đau nhiều, tôi đã hủy hợp đồng nhận đi trình-diễn với anh Trần tại Anh và Hòa-Lan do hai Ông Angadi, giám đốc hội Asian Music Circle ở Anh và Ông Arends nhân-viên bảo tàng-viện Amsterdam, chuyên lo tổ-chức những buổi trình-diễn nhạc Á-châu cho đông đảo thính giả. Nay sở dĩ tôi dám nhận lời cùng anh Trần đi trình-diễn tại Londres là bởi bà Jenkins giám đốc phòng nhạc khí của bảo tàng-viện Horniman ở Luân-đôn, không có ý làm «to chuyện», mà chỉ tổ-chức một buổi nói chuyện về nhạc Việt cho số thính-giả chọn lọc có giới hạn của bà, những nhạc-sĩ, nhạc học-giả, và sinh-viên học nhạc đến nghe mà thôi.

Bạn đã thừa biết thời tiết ở Anh quốc xấu hơn hết trong các nước ở Âu-châu. Trời lạnh, mây thấp, sương mù u ám và mưa gió lu bù. Vết mồ chưa lành hẳn mà gặp lạnh hay thay đổi, chắc chắn sẽ bị đau nhức và mỗi khi nhớ để vận số mình đen đủi, những ác mộng ở Pont Audemer và Berney, tôi càng lo ngại. Nhưng tôi đã hứa, mọi việc đã an bài, ngày trình-diễn tới một bên, tôi không thể từ chối được. Tuy nhiên, nếu vì lẽ gì mà tôi không đi, thì anh Trần vẫn có thể hoặc rút ngắn chương trình, thay đổi cách trình bày, hay cáng đáng lấy một mình, tuy không khan thiếu hào hứng, nhưng vẫn thú-vị thì cũng xong việc. Nhưng đã hủy hợp-đồng một lần rồi, vả lại, ngoài bổn-phận tự tạo cho mình, tôi cũng muốn thử một lần trình bày những bài hát bằng Anh ngữ và xem phản-ứng thính-giả Anh đối với nhạc Việt ra sao.

Đã thử sức ở hai nơi, nay có xui xẻo gì thì cũng gặp cực khổ như vậy là cùng : tôi cố gắng thêm một trận nữa.

Lần này tôi không lên nữa mà xin phép bác sĩ được 4 ngày. Từ Ba-lê sang Luân-đôn chỉ có biển Manche là quan-trọng còn thì đường đi rất gần. Dùng thiết lộ rồi lấy xe lửa đến bờ biển Dieppe hay Calais, sang Manche bằng tàu thủy, lấy xe lửa vào Luân-đôn mất 8 tiếng đồng hồ, mỗi vé, đi có lại, lối 140 quan. Đường nửa xe nửa tàu bay của hãng Sky Ways thì đi xe car tới Beauvais, qua Manche bằng tàu bay tới phi trường Lympne đi taxi vào Londres mất 6 tiếng đồng hồ, mỗi vé có lại gần 150 quan. Đường hàng không của hãng Air France thì khởi

hành tại Orly đến phi trường Luân-đôn chỉ mất hơn một tiếng đồng hồ, mỗi vé có lại mắc gần bằng hai loại vé hãng Sky Ways tức là lối 290 quan.

Chúng tôi không lấy đàn hát làm nghề nuôi sống lại còn phải bỏ công ăn việc làm mà đi nên khoảng lộ phí phải tính toán kỹ càng. Đi Air France khoẻ thân nhưng mắc quá. Dùng thiết lộ chỗ được nhiều hành lý nhưng mất nhiều thì giờ, bị đại sóng khi tàu vượt biển và hại nhất là hao sức khoẻ ; vì vậy chúng tôi lấy vé hãng Sky Ways.

Kề ra lấy vé hãng này cũng là bất-đắc-di nữa. Vì chuyến tàu bay sớm nhất khởi hành vào lúc 9g. 30 sáng, bằng xe « car » đến phi trường Beauvais. Sang Manche rồi mất thì giờ từ phi trường Lympne vào Luân-đôn, sớm gì cũng lối 5 giờ chúng tôi mới yên thân ở khách sạn. Như vậy, chúng tôi cũng sẽ mệt nhọc, gấp gáp ăn uống để kịp trình diễn vào lúc 8 g. 30 tối ở một nơi mà chúng tôi chưa biết qua. Nếu gặp trục trặc hoặc các chuyến máy bay bị hủy bỏ vì trời sa mù hay giông bão thì mọi việc đều hỏng bét.

Biết vậy mà chúng tôi không tìm ra được thì giờ sang Anh sớm một ngày trước đêm trình-diễn là bởi anh Trần bị đau khá nhiều sau khi ở hội-nghị Ba-tư về chưa thật mạnh, chương-trình đi đó đi đây của anh xem lại không có một ngày rảnh và ngày khám bệnh của tôi tại Balê không cho phép chúng tôi làm khác được.

Vì đã gặp nhiều bất thường trong những chuyến đi nên nhiều lần tôi muốn lấy vé ở Air Frauee để được đến Luân-đôn vào khoảng 11 giờ trưa. Nếu lỡ có trục trặc gì thì cứ mỗi giờ hãng này đều có một chuyến khởi-hành tại Orly ; thật là mau và tiện. Nhưng anh Trần thì tính bơ, anh thấy tốn tiền vô ích vì anh đi xứ này sang xứ kia như chim, có bao giờ anh gặp trục trặc gì đâu. Nếu có thì anh cũng không lo lắng rồi rấm nhiều. Đến nơi sớm nửa tiếng đồng hồ, đủ thì giờ cho anh soạn giấy tờ là anh thuyết-trình ngay được, buổi nói chuyện không cần nghỉ ngơi, ăn uống.

Sức khoẻ tôi không bì được với anh nên lấy vé rồi mà tôi vẫn cứ lo và bàn với anh Trần nên bỏ việc, đi sớm một ngày cho chắc ý. Anh Trần lại cười tôi bi-quan. Nhưng rồi bạn xem, tôi lo không phải là vô ích bạn nhé.

Chúng tôi phải khởi-hành lúc 9g30 ngày 24-10 để đến tại Luân-đôn vào 5 giờ chiều và trình diễn 8g. 30 tối thì trưa ngày 23-10, nhân-viên hãng Sky Ways gọi điện-thoại cho tôi hay chuyến tàu bay chỗ chúng tôi sang Anh bị hủy bỏ vì lẽ trời sa mù nhiều. Họ đề-nghị chúng tôi đi chuyển 1g. 30, vì thời tiết như vậy không có tàu bay nào dám đi trước 1 giờ trưa. Như vậy chúng tôi vào đến Luân-đôn khoảng 7g30 tối, lỡ có trục trặc, kẹt xe thì nhất định là nhịn đói và trễ giờ trình-diễn.

Bạn biết không, may mà hôm đó tôi không đi vắng, nếu có thì làm sao nghe điện-thoại hay tin này mà chạy lo ngả khác được. Nhà tôi ở ngoại-ô, tôi không đủ thì giờ để chạy việc gấp. Tôi phải quây điện-thoại hỏi hết các nơi anh Trần thường làm việc kiểm cho kỳ được anh đề báo tin xui xẻo đó. Anh Trần chỉ có nước kêu trời, bỏ sở, vất vả tới lui trọn buổi chiều mới được hai cái vé đi Luân-đôn nơi hãng Air France ! Rốt cuộc chúng tôi tốn tiền bằng hai, anh Trần mệt như tử mà

thêm bực mình. Hãng này lại không còn chỗ chuyển bay 9g. 30, chúng tôi phải lấy vé chuyển 10g30. Chỉ còn được chút an ủi là đến nơi được khoẻ thân trước khi trình-diễn như chúng tôi ao ước.

Đến phi trường Orly lúc 9g30, làm đuôi cần hành-lý cũng khá lâu, chúng tôi ngóng nghe giọng nói êm dịu của cô phát-ngôn-viên gọi hành khách lên chuyển Balê-Luân-đôn sớm sớm, chúng tôi sẽ có đủ thì giờ mua rượu ngon và thuốc thơm trên đường ra cửa phi-trường để biểu ông bà O'Connell. Ông bà này là bạn hảo-tâm của các con tôi đã cho chúng tạm trú tại Luân-đôn trong thời-gian bãi-trường để chúng học thêm Anh-ngữ.

Chỉ còn 10 phút nữa tới giờ khởi hành, mọi người giầu tai hứng từng câu nói của cô phát-ngôn viên, chẳng đề rơi rớt một lời nào, chẳng ai thấy mình nghe lộn mà chuyển Balê — Luân-đôn vẫn chưa thấy xuất hiện trên môi cô và trên bản hỏi-khoá-biểu.

Tôi bắt đầu cắm mũi vào vận số đen của tôi, còn anh Trần thì chạy tới chạy lui với vẻ mặt hung thần hỏi tin tức chuyển bay từng chập. Đợi mãi tới gần đúng Ngọ, mới tay, đói bụng, mắt mọi người đảo qua liếc lại mãi trên thời khoá-biểu, hàng chữ Bz-lê — Luân-đôn gần mòn mà ánh đèn hy-vọng nơi đó vẫn còn tắt ngấm. Chúng tôi lộn ruột cả lên vì lẽ chúng tôi đã đánh điện-tín cho ông bà O'Connell đợi đón chúng tôi tại phi-trường Lympne, sau đó lại bảo đến phi-trường Luân-đôn vào 11 giờ 30 ! Tôi chỉ biết hai ông bà qua thư từ, qua lời giới-thiệu của các con tôi và đây là lần thứ nhất tôi có dịp làm lễ sơ-kiến mới là nguy chớ. Tình thế này rượu và thuốc chắc không mua được tặng cho ân-nhân mà còn bắt người ta nhịn đói một sức chờ mình mới chết !

Hành khách lo, giận, mệt không ai ngồi yên nữa, hầu hết đều đứng, đi và cầu nhau, bởi chuyển đi có 1 tiếng đồng hồ, hãng bay không dự-bị cơm trưa cho hành-khách, mà đi không được ở không yên như vậy, có ai dám vào hiệu ăn lo cho bao-tử, rưỡi tàu bay đến bắt tử, tốn tiền mà bụng đói. Như vậy là đành nhịu, không biết chừng nào được đi, được ăn. Càng đói tôi càng nhớ chuyển đi Maroc mấy năm về trước : Cũng ôm bụng trống với hy-vọng « đi », đến 3 giờ chiều là người mới được lên máy bay ! Cứ cái vèo này, chúng tôi có thể gặp trường-hợp như trên lắm.

Anh Trần tức tối vì tốn nhiều tiền mà vẫn cực thân. Anh hỏi nhân-viên tình-báo thì mới biết chúng tôi phải chờ chiếc tàu bay từ Anh sang Pháp chở chúng tôi sang Anh, mà hiện giờ trời sa mù dày đặc, chiếc tàu bay đó chưa rời phi-trường Luân-đôn.

Đồng hồ chỉ 12 giờ thiếu 7 phút. Thất vọng tột độ thì đèn trên hàng chữ Balê — Luân-đôn bật cháy. Mình chưa kịp đứng dậy thì cô phát-ngôn-viên giục hành-khách ra phi-trường tức khắc. Xách hành-lý vừa chạy chúng tôi vừa tức. Gấp như vậy làm sao mua rượu mua thuốc chi được ? Nhưng là việc cần thiết tôi quên cái thân yếu nhót ; giở xách lùn vụn đã nặng rồi mà tôi còn xót giựt cái cặp da căng cứng của anh Trần lê bệ chạy bong theo hành-khách và giục anh nhanh chân thẳng

đến hàng bán quà. Tất tả, kẻ nè chạy không kịp thở và cố ý để hơn 60 hành-khách qua mặt mình; tôi đi sau chót đợi anh Trần để anh khỏi mất thì giờ tìm hướng theo đoàn, trễ tàu bay thì nguy.

Mọi người tề tựu, nao nức đứng sắp hàng hai, đùm túm đủ thứ làm đuôi hai hàng chật nghẹt trong một cái phòng nhỏ xíu, mắt thom lom nhìn cô chiêu-đãi hàng-không, hể tay cô cử-động một cái là ai nấy tuôn ra cửa. Nhưng cô biến đi đâu mất và ngổ ra phi-trường cửa đóng kín mít. Chờ đến mỗi chon, oải tay cũng chẳng thấy gì thay đổi mọi người tìm chỗ dựa, chỗ ngồi chịu trận!

Bạn có ngán cái sổ đen của tôi chưa? Bất cứ muốn làm gì tôi cũng bị hành hạ. chờ đợi như tử rồi mới xong việc ấy! Cực thân chẳng nói làm chi mà nghĩ đến hai ông bà O' Connell tôi khờ tâm và mọc ốc từ luồng sau gáy. Làm lẽ sơ kiến kiểu này thật là tệ. Không biết ông bà còn đợi chúng tôi không? Ông là nhà chuyên môn khoa tâm-lý hẳn là giàu nhân nại, nhưng làm sao ông có thể bỏ phòng mạch đợi đón chúng tôi từ 11g30 đến bây giờ?!

Tôi vái ông bà bỏ về nhà dùng cơm, đừng rước chúng tôi thì lòng tôi đỡ ân hận phần nào.

Không ai mong ngóng gì nữa thì chiếc xe car hãng Air France từ đâu đến đậu sát cửa. Hành khách đứng ào dậy hơn hờ làm đuôi đợi ra cửa. Đợi đến phát bực cô chiêu đãi hé một chút cửa cho ra từng người, được nửa số hành khách thì đóng lại. Chắc bạn đoán biết phân nửa số bị nhốt lại có tôi và anh Trần! Hỏi ra thì có một số hành lý lạc mất, phải chờ kiểm và chúng tôi sẽ đi chuyển xe sau với số hành lý đó. Vậy mà chúng tôi không nhớ đến thân phận của mình nữa lại chỉ lo thấp thỏm cho cái thùng nhạc khí. Rủi nó mà lạc mất thì chúng tôi co tay.

Anh Trần ngán cái mạng nặng như đá của tôi nên không cần nhân nữa thêm mệt; anh ấy thở dài lấy sách ra đọc và nhân nại chờ. Hai mươi phút sau, chúng tôi mới được lên xe ngồi yên. Mọi người nhìn ra phi trường tìm xem coi chiếc tàu bay nào đã làm mình khờ sở từ 9g30 sáng đến bây giờ. Lại một tin « giựt gân » nữa! Vì sa mù quá nên tàu bay ở Luân-đôn sang không hạ được ở Orly. Vậy chúng tôi phải đến phi trường Bourget ở tận ngoại ô xa Orly gần 40 cây số.

Hơn 1 giờ trưa, xe kẹt đặc ngẹt đường như cá ngào trong rọ. Xe chúng tôi bò như rùa, nhưng ngồi trên đó, dầu nó có chạy rề rề, mình có cảm giác là « đi » cũng đã may lắm rồi.

Đến Bourget, xe không ghé nhà ga mà đưa thẳng chúng tôi ra sân bay. Lên tàu bay ngồi yên là 2 giờ 3 phút. Bụng đói như cào mà cô chiêu đãi miệng cười duyên mời mình uống các thứ nước xoáy bao tử như nước chanh, nước thơm, rồi cô lại bán rượu bán thuốc! Tôi không uống mà chỉ mua thêm rượu và thuốc; thêm một ít quà nữa đề mà tạ tội với ông bà O'Connell thì mới vững bụng.

Khi máy bay đáp xuống phi trường Luân-đôn đồng hồ chỉ 3 giờ 15 phút. Chúng tôi đói đuối cố chạy mau đến chỗ hành lý nhìn lên bàn quay đầy ngồn ngang

những valises ; trên đó không có cái thùng đựng nhạc khí !! Nóng ruột nhưng cũng phải lấy hết hành lý lật vật rồi sẽ đi tìm cái thùng đó, nhưng cái bàn tròn thật to sát mặt đất cứ quay vòng, người nào lanh tay và có sức mạnh thì quèo được hành lý của mình. Chúng tôi xui nên hành lý nặng mà lại bị nhét vào phía trong gần trung tâm cái bàn quay. Tôi yếu đuối không quèo được hành-lý đã đành, còn anh Trần to, mạnh mà lại không nhanh tay ! Anh vớ được cái valise to, chưa kịp kéo nó ra thì bàn quay lại đánh một vòng huốt đi, làm anh muốn ngã chúi theo nó, anh đành buông valise ra. Hai vòng vô ích như vậy, nhân-viên sở thương-chánh thấy hai đứa nhà quê hề hụi mà chẳng được trò trống gì, họ lại phụ xách ra giúp. Nhờ ngó theo họ mà chúng tôi thấy cái thùng nhạc khí đã được họ đề ra ngoài từ lâu. Có lẽ thân thể kỳ dị của nó nổi bật quá nên được chọn trước chăng ?

Nhờ phu xe chở hành lý đầy xe ra ngoài bấy giờ chúng tôi mới giảo giác tìm ông bà O'Connell. Cũng như ông bà chúng tôi cứ nhìn mặt mà bắt hình dung chớ không ai quen biết ai cả.

Người phu xe gom hành lý vào một góc, anh Trần và tôi chia nhau đứng hai bên gần lối ra cửa, qua lại, nhìn mặt những người đi đón hành khách mong được sự « quen biết » trong tia mắt họ để nhận diện ông bà O'Connell nhưng vẫn nghi bụng rằng ông bà sẽ nhận diện được chúng tôi trước. Quả thật vậy, vì cứ mãi đề ý những cặp vợ chồng mà chúng tôi không đề ý đến một người Anh chắn lối; chúng tôi hỏi xem có phải là khách của ông không ? Ông O'Connell cho biết bà bạn đi làm nên chỉ có ông đi đón chúng tôi, và ông đã kiên nhẫn đứng tại cửa này từ 11g30 sáng !

Mỗi chuyến máy bay nhả hành khách xuống là ông đều có nhìn kỹ và hỏi thăm cả thấy 8 người da vàng nhưng toàn là người Nhật và Trung Hoa. Lần này ông biết chắc chắn chúng tôi vì anh Trần mang kiếng cận thị và tôi mặc áo dài Việt Nam như lời các con tôi tả trong thư gửi cho ông.

Bây giờ chúng tôi chỉ còn nhớ có mỗi một việc là cái « bao tử ». Gửi đồ lại nơi phòng giữ hành lý, chúng tôi mời ông O'Connell dùng cơm với chúng tôi tại phi trường chớ không còn thì giờ đi đâu nữa cả.

Chúng tôi rất cảm động khi biết ông O'Connell nghỉ làm trọn ngày để lo cho chúng tôi. Tuổi hơn 50, tóc đã hơi pha sương mà vẻ dáng còn trẻ trung, nhanh nhẹn, kiểu cách không thuần Âu-châu, có phần nhuần nhị. Ông hiền hòa và nói chuyện rất nhỏ làm cho mình rất dễ chịu và mau thân mật.

Từ phi-trường đến khách sạn ông O'Connell thuê giúp chúng tôi cũng hơn hai chục cây số mà xe cộ nghẹt đường ; nạn kẹt xe còn kinh khủng hơn ở Ba lê. Tôi muốn nhắm mắt lại đừng thấy xe cho đỡ mệt nhưng không được. Mình đã bực bội chín người mà còn ái ngại nhiều, khi thấy cứ xe lặn đôi ba thước ông O'Connell phải đạp thẳng lại, chạy năm mươi thước phải ngừng một chập ! Và đáng lý ông phải đón bà O'Connell ở sở làm ra vào 5 giờ chiều để cùng đi dùng cơm rồi trở lại đưa chúng tôi đến bảo-tàng-viện Horniman, ông cũng không làm được như lời hứa.

Năm giờ 40 phút rồi mà chưa đến khách sạn. Ông đành ghé xe dựa đường để gọi điện thoại đến sở xin lỗi vợ. Ông mong bà còn đợi ông ở đó nhưng bà đã ra sở. Ông gọi về nhà cũng không gặp làm mình cũng khổ tâm vì lo rằng vì việc của mình mà bà phiền ông. Nhưng ông O'Connell thì vui vẻ bình tĩnh như thường càng làm cho chúng tôi thêm ái ngại.

Về đến khách-sạn đã 6 giờ 7 phút ! Thật là số đen ! Tôi lo trang điểm thay y phục và sửa soạn nhạc khí. Anh Trần lo gọi điện thoại cho bà Jenkins hay chúng tôi đã đến nơi. Bà Jenkins được cởi gánh nặng ; vì từ sáng đến giờ bà mãi mong chúng tôi mà vẫn bất tin. Giờ này bà còn ở nán lại sở chờ tin chúng tôi. Có lẽ bà đã nghĩ về chúng tôi qua những người da vàng mà bà đã quen biết : dân Á-đông thật là hết chỗ nói ; « danh bất hư truyền » !

Anh Trần còn phải chạy ra phố mua 1 ít thức ăn để khuya về dùng đỡ vì không có thì giờ chúng tôi phải nhịn ăn chiều may mới kịp giờ trình diễn. Nhưng anh Trần chỉ mua được vốn vẹn có 1 kilo cam và 1 chai nước suối trong một tiệm tạp hóa đã đóng cửa từ lúc 5 giờ chiều. May mà họ còn hé một tí cửa tính sỗ. Nài nỉ mãi họ mới chịu bán cho chừng đó thức ăn ! Họ cho biết rằng bên Anh chiều thứ tư và chiều thứ bảy tất cả tiệm bán thức ăn đều đóng cửa 5 giờ chiều. Xui cho chúng tôi, hôm nay là thứ tư !

Đồng hồ đã chỉ 7g15, đành phận chúng tôi ngồi chờ ông O' Connell đến rước chúng tôi đến bảo tàng viện Hortiman.

(Còn tiếp)

MỘNG-TRUNG

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

1483BYT - D:P.Đ.C

GIÓ CUỐN

18 | Tôi có thể tin rằng đây là sự thật không? Có thể nào tôi đã lầm-lẫn khi đọc không? Tôi lật tra lại những chữ viết thay dấu: J là dấu nặng, S là dấu sắc... biên sau lưng tờ điện-tín. Quả thật là tôi không lầm. Rõ ràng, tào nhẩn, lạnh lùng, dòng chữ ghi trên điện-tín: « Thuyên bị cao-bồi đâm chết. Bà vào gấp ». Bị cao-bồi đâm chết? Có thể tin được không? Giá bảo rằng đi công-tác bị mìn, bị phục-kích, như vậy có phải dễ tin hơn không? Mìn, lựu-đạn, súng cối, Thompson, bích-kích-pháo..., những vũ-khí đó bám sát theo định-mệnh con người trong giai-đoạn này. Tha thiết không rời. Chết bởi vi-trùng là những cái chết quá cũ. Người ta không có dư thì giờ để chết an-lạc như vậy. Khoa-học nứu kéo dằng dai với vi-trùng. Chỉ dễ dàng nhất, dứt khoát nhất, nhanh nhẹn nhất là những phát đạn. Một thân lính Âu-Mỹ nặng một trăm kí-lô ăn bơ trứng gà và thịt, uống sữa, giải khát bằng bia, nước coca, ở nhà lầu có gần máy lạnh cũng chết tằm thường bằng một viên đạn nhỏ như một người lính nhược-tiểu 38 kí-lô, ăn rau muống chấm tương và ở nhà tôn. Một người trí-thức đồ-đạt cao, kiến-thức rộng cũng bằng lòng chết với một viên đạn như một người nông-dân dốt nát quê mùa. Viên đạn khéo tạo những cái chết bình-đẳng. Nhưng Thuyên không chết vì một viên đạn. Có lẽ anh chết bằng một lưỡi dao găm đâm ngập lút cán, một cú móc tae-kun-do làm vỡ tung hàm dưới hay bởi sống bàn tay chặt lia xương sọ. Tôi ngằn-ngor không biết mình nên cảm động như thế nào. Buồn chăng? Thán nhiên chăng? Tôi chưa bao giờ dự tính có một ngày Thuyên giã từ tôi vĩnh viễn bởi một cái chết, do đó mà tin Thuyên chết đột ngột quá đối với tôi. Hơn nữa, từ vài tháng nay Thuyên cách biệt với tôi quá, tưởng như chưa bao giờ Thuyên là chồng tôi. Tôi chấp nhận hoàn-cảnh của tôi một cách đơn-giản, đến độ dễ dàng nên chi việc Thuyên chết như mơ hồ nửa hư nửa thực. Như chấp chờn ở một khoảng không-gian nào đó, như ở ngoài cái vũ-trụ nhỏ hẹp của tôi.

Tôi xuống tòa Hành-chánh Tỉnh để hỏi nhiệm-sở mới của Thuyên ở Saigon. Người chủ-sự cho biết là anh được điều động về bộ Tài-chánh.

— Tôi đọc báo nghe nói dường như

ông nhà ta bị..., — ông chủ-sự ngần ngừ không nói hết câu. Ý chừng đợi tôi tự nói lấy. Tôi có thể tiếp lời ông rất dễ dàng, chẳng hạn: « Vâng. Nhà tôi bị du-đăng đâm chết », nhưng tôi tự kềm chế.

Nói để làm gì điều mà ông ta đã biết? Tự nhiên tôi thấy chán nản ghê gớm những công-thức sống ngoài xã-hội. Phải nói rất nhiều những điều vô ích để lấp những khoảng trống. Phải cười rất nhiều ở những trường-hợp không có gì đáng cười. Phải phung-phí những lời khen trong khi mình không thấy có điểm gì đáng khen hết. Cuộc đời giả tạo một cách thường-xuyên.

Thấy tôi yên lặng, người chủ-sự nói tiếp :

— Thời bây giờ đủ loại tai nạn.

— Vâng ạ. Không chết cách này thì có cách khác để mà chết.

Cố nhiên là chết bằng cách bị du-đăng đâm không phải là một cái chết đáng được hãnh-diện, — tôi thăm nghĩ tiếp. Chính-phủ không thể truy-tặng một chương-mỹ bội-tinh, một anh-dũng bội-tinh với nhành dương-liều. Thật hết đời là vô duyên.

Tôi ghé lại Hàng-không Việt-nam lấy vé đi Saigon. Phải một tuần sau mới có chỗ. Tôi坦然 nhiên nhận lấy thứ tự của mình, không buồn nài nỉ vận-động. Nếu tôi đưa trường-hợp bi-thảm của mình ra thì có hy-vọng được đi sớm hơn vài ngày. Nếu tôi chạy nhờ một người quen thì có hy-vọng đi sớm hơn vài ngày nữa. Nhưng đi sớm hơn để làm gì? Điện-tín từ Sài-gòn ra đến tay tôi phải mất khoảng ba ngày. Trước đây có cái thư dán mảnh giấy đỏ « Thư phát riêng » đã đến tay tôi sau mười ngày. Có lẽ vì đó là thư hỏa-tốc được đặt vào một chỗ đặc-biệt nên bị quên mất. Nó đến sau những bức thư gửi thường. Chúng ta phải tập cam chịu. Dẫu sao cũng còn hơn thời xưa, thư phải do người phu trạm cưỡi ngựa mang chạy trên đường thiên-lý. Tôi không hy vọng

sẽ vào Sai-gon để dự cuộc tầm-liệm hay đưa đám Thuyên. Chắc chắn là giờ này anh đã nằm yên dưới mấy tấc đất.

Tôi vào Sai-gon ghé lại bộ Tài-chánh. Người tùy-phái đưa tôi vào phòng giấy của « Cụ » Giám-đốc.

— Xin mời bà ngồi. Bà là vợ của ông Đoàn bá Thuyên ?

— Thưa Cụ vâng ạ.

— Thật là bậy hết sức. Việc này còn đang ở trong vòng điều-tra. Bên Cảnh-sát cho biết đây là một vụ trả thù, một vụ... ghen. Ông Thuyên có một người nhân-ngãi tên là... tên là gì hả thầy Cơ ?

Ông Giám-đốc cất giọng hỏi to như nạt-nộ người nhà. Người thư-ký tên là thầy Cơ đẩy cái gọng gương lên sống mũi :

— Dạ, tên là Kiều-Nga.

Ông Giám-đốc gật đầu :

— Vâng, cô nhân-tình tên là Kiều-Nga.

Tôi rụt rè nói :

— Dạ thưa, có lẽ là Kiều-Nga.

Thầy Cơ vỗ trán :

— Dạ, đúng là Kiều-Nga. Xin lỗi,.... tôi lộn.

Ông Giám-đốc cười hì hì, đôi mắt ti hí nhốt giữa khung kính trắng gọng đôi môi to.

— Hể nói tới tên đàn-bà là thầy lộn. Kiều-Nga lộn với Kiều-Hoa. Phương-Dung lộn với Phương-Mai. Thầy quen nhiều đàn bà quá thành ra cứ lẫn lộn người này với người khác. Coi chừng có hôm cầm nhầm....

Ông Giám-đốc ha hả cười to, quên rằng tôi là người đàn-bà đang có tang.

— Làm có bao nhiêu tiền là lo cung-phụng cho đàn-bà hết. Rồi quanh năm cứ lo uống thuốc bổ thận, tiêm vitamine H₃. À, thầy Cơ này, có tuy-ô vitamine H₃ nào nhớ mách cho tôi vài lọ nhé ?

Coi chừng thứ giả đó. Chợ-lớn bây giờ làm giả dữ lắm.

— Dạ, mình phải nhờ người sành họ coi dùm. Bây giờ có mấy thứ H₃ «mác» Đông-Đức và Bảo-gia-Lợi.

— Tôi tiêm hoài mà chưa thấy hay ho gì. Tiêm từ hồi mới có, phải nhờ mấy anh phi-công đi Hồng-kông về mua dùm. Đến hai ngàn rưỡi đồng một lọ. Bây giờ chỉ còn bảy trăm.

— Dạ, gấp có chuyển còn hạ hơn. Đầu chừng năm trăm.

— Nhưng có lẽ thuốc bồ thận Tế-Nam đường hay hơn. Tôi nghe có nhiều người khen. Thầy Cơ rút-rè không dám trả lời. Có lẽ bởi vì chữ «bồ thận» lộ liễu quá, khó nghe trong một khung cảnh trang-nghiêm của bàn giấy, cửa kính, quạt trần và khẩu-hiệu. Ông lặng lẽ đưa mắt nhìn qua tôi và chợt ông Giám-đốc chong cặp mắt nhỏ nhìn tôi chăm chặp.

— Cô Kiều-Hoa là một vũ-nữ có nhiều nhân-tình. Nghe đâu ông Thuyên là người nhân-tình mới của cô ta. Một hay nhiều người nhân-tình cũ đã thuê cao-bồi thanh-toán tình-dịch. Dường như cô Kiều-Hoa hiện trốn đâu ra miền Trung để tránh liên-lụy. Phải không thầy Cơ?

— Dạ, đúng như vậy. Dạ. Dạ Kiều-Nga chứ không phải Kiều-Hoa. Dạ.

Bằng cái lẽ-lối khề-khà đó, mãi đến một giờ rưỡi đồng-khờ sau tôi mới thuê xe tìm đến nghĩa-trang Mạc-dĩnh-Chi.

Những ngôi mộ. Những ngôi mộ. Người gác nghĩa-trang đưa tôi đến nấm đất mới. Thuyên đó. Bao nhiêu suy-tính mưu toan, bao nhiêu tàn-nhấn rồi cuộc đời trở về im-lặng. Tôi đốt bó hương cắm xuống đầu mộ và lạy anh bốn lạy. Cầu mong anh siêu-thăng về một miền phúc-đức. Trong cuộc tái-sinh,

hãy chọn một xã-hội bình-đôn hơn. Chúng ta phải tạo lại cuộc đời. Đối với em không có nghĩa đơn-giản là đi lấy chồng lại. Không, làm lại cuộc đời bằng hai bàn tay và khối óc của mình. Sự thất-bại của anh thôi cho em niềm tin đó.

Tôi đi vòng quanh ngôi mộ. Những danh-nhân không ai là khỏi chết. Tôi nghĩ đến Winston Churchill. Ngày nghe đài phát-thanh báo tin ông từ trần, tôi buồn như vừa mất một người thân bởi vì trong nhiều năm tôi coi ông như một hứ thần-tượng. Phải thông-minh như người đó, phải cương-quyết phải can-đảm như người đó. Có thể bảo đó là một mẫu người đàn-ông hoàn-toàn. Văn hay, vẽ giỏi, đánh giặc không biết sợ, làm chính trị thì cứu được nước, xây dựng được no ấm cho dân. Những người như vậy xứng đáng để sống và không hối-hận khi chết. Ngày xưa anh dịu-dàng với em. Hạnh-phúc là khi không thấy cần thêm một món gì hiện mình không có. Khi anh thấy anh còn thiếu nhiều thứ đó là lúc chúng ta rơi xuống địa-ngục. Anh muốn sống theo thời, muốn hợp-thời nên anh khờ. «Thời» là một cái gì động, một cái gì thay đổi. Theo cái thay đổi thì sức đâu mà theo kịp? Ngày xưa thầy em có dạy một câu «Di bất biến ứng vạn biến». Em cho đó là một triết-lý đơn-giản mà thâm-thúy.

Tôi biểu bác cai nghĩa-trang một số tiền rồi ra gọi taxi về nhà Tổ-Phan. Tôi khỏi phải đi thu-xếp dọn dẹp đồ-đạc nhà cửa cho Thuyên bởi vì ông Giám-đốc cho biết là ba Thuyên đã từ Huế vào, thu-xếp mang đi cả rồi. Căn nhà nhỏ đã trả cho chủ phố. Tổ-Phan là cô bạn thân của tôi hồi học Đệ Nhị, bây giờ lấy chồng làm bác-sĩ quân-y.

Tôi gõ cửa rất lâu mới nghe tiếng dép lê xoèn xoẹt trên nền nhà. Cửa mở.

— Kia ! Chị Nhàn ! Vô đây hồi nào ? Sao không báo tin cho mình biết mình đi đón ? Chết ! Để tang cho ai thế ?

Câu chuyện trao đổi trong tiếng nói nhỏ. Tổ-Phan chép miệng than thở cho tôi. Tôi nói.

— Thôi, xí-xóa. Cái gì buồn, cho đi qua luôn. Phu-quân của « cậu » đâu ?

— Đi công-tác ở Đà-nẵng.

— Đi thường xuyên ?

— Mỗi tháng dăm ngày.

— Thế là Hạnh-phúc nhất đó nghe ? Nhớ ngày nào đòi đi tu không ?

Tổ-Phan cười, đập vào vai tôi.

— Thôi, chị đi rửa mặt thay áo,

Tôi bước ra phòng tắm. Ngày đi học, Tổ-Phan bảo tôi là nó muốn đi tu. Tôi cản nó. Nó hỏi lý-do. Tôi nói :

— Bởi vì tao ích-kỷ. Tao yêu mày nên không muốn mày bỏ tao. Hãy ở ngoài đời với tao.

— Chị có yêu em thật không ?

— Thật chứ. Nói dối làm gì ?

— Chị bảo tánh em chướng lắm mà.

— Đúng vậy. Nhưng tao yêu mày vì mày có tánh chướng. Mày vừa dịu-dàng vừa cứng đầu. Hễ ai không làm vừa ý mày là mày xiu mặt, ngồi im không nói. Tại mày là con gái út ba má mày cứng nên mày mới hay chướng thế.

— Hồi nhỏ em hay đau nên ba má em không nỡ rầy la.

— Đau gì ! Khỏi đũa đau yếu hơn mày. Con Loan nói nó sinh hồi nó mới bảy tháng rưỡi, cái đầu nhỏ bằng quả

cam, đau ốm quặt quẹo thế mà bây giờ nó có làm nũng đâu ?

Ngày sắp nghỉ hè, Tổ-Phan khóc với tôi :

— Ba tháng xa chị, lâu quá. Sang năm chị sẽ có bạn mới, chị sẽ xa em, chị sẽ quên em.

Tôi hôn lên má nó :

— Chị nhớ em mãi.

Tổ-Phan có tật kén ăn, không bao giờ dám động đũa đến thịt mỡ. Tôi nói :

— Sau này em lấy chồng, chồng em phải cưng chiu em đặc-biệt hơn đối với một cô gái thường. Phải gương nhẹ hết sức, dịu-dàng hết sức. Em giống như thứ hoa Lan hương thơm mà thề-chất yếu.

Tôi hay hôn lên má nó và cầm bàn tay nó mềm nòn.

Cả ngày hôm đó tôi nằm trong giường với Tổ-Phan. Tôi thấy mình trẻ lại, nhỏ lại. Cái giường nhắc nhở những ngày vô-tư khi còn đi học, nắm lẫn lộn đọc Mạn ảnh, Kịch ảnh, Cô gái Đồ-long. Những ngày mùa Đông thì chui mình vào chăn suốt cả buổi sáng chủ-nhật, chỉ thò đầu ra đọc truyện và nghe mưa rào rào trên lá ngoài vườn. Tôi hỏi :

— Còn nhớ thằng Dương không ?

— Nhớ. Nó dễ thương nhất lớp, mặt trắng hồng như con gái.

— Mê kiếm-hiệp một cây. Bị tịch-thu cuốn « Xích-thái thường » và từ đó thả / Thiệu gọi nó là thằng Xích-thái thường. « Ê ! Xích-thái thường, lên lau bảng. »

Khung cảnh ngôi trường ngày xưa với hàng cây bông giấy nở những nụ cười màu đỏ trước hiên, cái giàn đậu

ván của ông cai trường trồng cạnh thêm giếng.

— A ! Con Phạm-thị-Mỹ nó ở gần ngay đây. Đề mai em đưa chị lại thăm nó.

— Con Mỹ « đài Khí-tượng » đó hả ?

— Vâng. Nhưng Ba nó bây giờ không làm ở đài Khí-tượng nữa. Về hưu rồi. Bây giờ mở hiệu tạp hóa ở đường Thái-lập Thành.

— Mỗi con người đều có số mạng của riêng mình, Phan thấy không ? Đời con Mỹ gắn liền với nắng mưa. Hồi đi học thầy Thống nói đùa : Chị em cứ nhìn Phạm-thị-Mỹ mà chuẩn-bị nên đem áo mưa hay đi đầu trần. Ba của Mỹ làm giám-đốc đài Thiên-văn khí-tượng nên trời sẽ nắng hay sắp mưa, Mỹ đều biết trước. Đến bây giờ thì nó buôn tạp-hóa, lại dự-toán nên đặt mua áo mưa, ô đen hay mũ lác kích râm.

Tôi ở lại nhà Tổ-Phan ba ngày đợi có chuyến máy bay về. Tổ-Phan cho tôi ăn đủ món thịt : thịt ninh, giò chả, giả cầy, thịt kho... Nó ngồi nhìn tôi ăn và nói :

— Nhìn chị nhai những miếng mỡ ngon lành, em có cảm-tưởng đang ngồi coi cải-lương. Y như khi nhìn người đào kếp chuẩn-bị hạ xuống ngon lành sáu câu vọng-cổ.

Một hôm Tổ-Phan có việc phải đi phố, tôi nắm nhà một mịch lục chồng sách của nó lôi ra nhằm cuốn sách nói về cuộc đời của La Fayette. Người hầu-tước trẻ đó, mới 20 tuổi đã biểu-lộ nghĩa-khí can-cường, bỏ tiền thuê tàu mua súng và mộ nghĩa-quân sang Mỹ giúp phong-trào kháng-chiến giành Độc-lập chống Đế-quốc Anh. Người vợ, Adrienne 18 tuổi đang có mang, tán-thành nghĩa-cử của chồng, dẹp bỏ tình

riêng để chồng ra đi. La Fayette chiến-dấu gan dạ cạnh Washington, lập nhiều hiển-công khiến dân-tộc Mỹ ca-tụng như một vị anh-hùng và ở ngay nước Pháp, vợ chồng ông cũng được mọi người trọng-vọng. Đại văn-hào Voltaire được các nhà quý-phái và quần-chúng Ba-lê tôn-sùng như một ông vua, đã thủ ế trước mặt Adrienne mà nói : « Tôi muốn tỏ lòng ngưỡng-mộ hiển-thê của vị anh-hùng của Tân thế-giới ». Cuộc đời anh-hùng đó thăng-trầm bởi cuộc Cách-mạng Dân-chủ lật đổ Louis XVI. Thống-suất quân-đội chống-cự với quân đội Áo-quốc, điều-giải những tranh-chấp chính-trị rồi vượt biên-giới rồi bị bắt giam làm tù-binh. Adrienne bị hạ ngục chuẩn-bị lên đoạn-đầu-đài nhưng cuối cùng được tha ra. Bà cùng hai con gái ẵm lội đi qua Áo-quốc yết-kiến vua Francois II và xin ở tù chung với chồng. Rồi khi chồng được phóng-thích qua tạm-trú ở Đan-mạch, bà trở về Pháp lê tấm thân bệnh-hoạn đi từ cơ-quan này sang cơ-quan khác vận-động cho chồng cho cha được phép hồi-hương.

Câu chuyện nào đó nhỉ ? Chuyện thật mà y như chuyện tiểu-thuyết, chuyện tưởng-tượng, chuyện bên Tây mà y như chuyện cổ của Á-đông mình với mẫu người đàn ông quân-tử, mẫu người đàn bà trinh-thục. Sao có lắm tấm gương cao quý, tấm lòng vị-nghĩa trong câu chuyện này ? Không kể ông và bà La Fayette, ta còn thấy một Voltaire cao-thượng biết quý-trọng người xuất-chúng dẫu rằng họ trẻ tuổi bằng con cháu mình. Ông Washington sau khi thành-công liền lui về ẩn-cư ở Mt Vernon trên bờ sông Poto-mac y như các bậc cao-sĩ đời Hán đời Đường. Những tấm gương cao-khiết như vậy làm an vui lòng ta biết bao

nhieu ! Tôi thấy cảm-động êm-đềm, thấy yêu đời hơn, thấy mình háo-hức muốn làm việc thiện, muốn hy-sinh. Than ôi, trong thực-tế hàng ngày chúng ta chỉ tiếp-xúc với sự bất-lương. Giá trong nước mình có nhiều khuôn mặt lý-tưởng như vậy, có những nhà bác-học xuất-chúng, những triết-gia chính-trị-gia kinh-tế-gia lừng danh thế-giới, có nhiều người hy-sinh thân-thể mình cho những lý-tưởng cao-cả... thì người thanh thiếu niên sẽ nhìn vào mà lập-chí, mà tiến-thủ. Phải có những thần-tượng như vậy để thay những thần-tượng bần-thiêu của nhục-dục, của sự sa-đọa thê-xác và tinh-thần. Hàng ngày người thanh-niên chỉ được tiếp-xúc với quý Xa-tăng. Cứ nhìn trên mọi trang nhật-báo, nhìn ra đường thì biết. Những lời hô-hào không thuyết-phục được ai hết bởi chính kẻ hô-hào không tin lời nó nói, đang làm phản lại lời nó nói. Phải có những con người thật, hành-động thật, kiên-nhẫn và không khoe-khoang.

Chúng tôi, Thuyên và tôi là nạn-nhân của một xã-hội thiếu thần-tượng chói sáng. Có gì làm tiêu-chuẩn cho anh ? Những toà buyn-đỉnh cao ngất đồ-sộ, những chiếc xe hơi bóng loáng, những vụ áp-phe, những ông sếp no đầy tiền hối-lộ.

Tổ-Phan về lúc nào tôi không hay, rón rén lại gần tôi rồi nhào xuống giường ôm chầm lấy tôi. Tôi giật mình la to lên :

— Quý ơ, làm tao hết vía.

Tôi đợi một tràng cười của nó, nhưng tôi thấy nó ngồi dậy, im lặng, mặt đăm chiêu.

— Sao vậy ?

— Em ôm nhầm cái xương hông của chị. Sau đó rày chị gầy... Em biết chị có những điều buồn. Em thương chị...

— Bảo tố rồi sẽ đi qua. Em yên tâm.

— Chị nên bồi-dưỡng. Hồi kia chị mập mập, cổ tay no tròn. Em yêu bàn tay chị.

— Đường sinh-mệnh của chị dài, chị không chết sớm đâu.

Chiều hôm đó Tổ-Phan mang về cho tôi một gói to những lọ thuốc uống và hộp thuốc tiêm : dầu cá viên, extrait placentaire, sinh-tổ B 12, liver extract...

— Chị phải bồi-dưỡng. Đáng lẽ chị ở lại đây với em để săn sóc chị.

— Chị phải về. Còn nhiều việc phải thu-xếp. Em yên-tâm. Chị biết nên sống như thế nào, nên hy-vọng như thế nào. Chị vừa đọc kỹ cuộc đời của La Fayette. Ngày xưa đi học mình có học cuộc Cách-mạng Hoa-kỳ, có đọc những chiến-công của La Fayette nhưng sơ-lược quá không bồi-ích gì cho mình hết. Bây giờ gặp cảnh-ngộ này chị mới có dịp suy-nghĩ và La Fayette đã giúp chị.

Những ngày ở với Tổ-Phan là những ngày êm đềm, y như trời mưa đông mát đất giữa tháng Hè nóng ngốt. Nhưng rồi cũng phải chia tay nó.

Hôm nó nó tiễn tôi ra phi-cảng, tôi ứa nước mắt cầm tay nó. Vẫn bàn tay mềm nòn như xưa. Vẫn đôi mắt một mí êm-đềm. Khi tôi đứng trên thang phi-cơ nhìn lại nó, nó đưa ra vẫy. Tôi nhìn nó. Đôi má mịn, tôi muốn chạy xuống hôn lên rõ dài. Nhưng tôi vẫn đứng yên, nước mắt chầm chậm ứa ra. Tôi nói thầm : « Phan ơ, điều em nói với chị năm xưa rất cuộc đã thành sự thật. Dầu chị không muốn, dầu em không muốn, cuộc đời cũng bắt chúng ta xa nhau ».

(còn tiếp)
VÕ HỒNG

NGƯỜI THƯ TƯ

Thơ TRẦN-HUIÊN-ÂN

Nhà tôi có ba người
Cha tôi đi kháng-chiến
Gia-đình là quán trọ
Lâu lâu về ghé ngang
Bữa cơm đêm bên bếp lửa rọi vàng
Con chó nhỏ thu hình ngồi bên chủ
Mẹ tôi vốn thương yêu bấy gia thú
Thường vuốt-ve âu yếm nó như người
Cha tôi mỉm cười :
— Bao giờ nước mình độc-lập ?
Bao giờ dân mình no ấm ?
Bữa cơm không còn bên bếp lửa khói vàng cay
Người thứ tư không là... con chó nhỏ...

★

Bây giờ cha tôi đã già
Sau mười năm đánh Tây giữ nước
Câu hỏi « bao giờ » của người chưa đáp được
Đến lượt tôi đi
Với ray-rút bắn-khoăn : Mình làm được chuyện gì ?
Có nổi chí tiền-nhân vá lành xứ sở ?
Tôi lại coi gia-đình là quán trọ
Trở về thăm sau những tháng ngày bạn đạn quen bom
Mẹ run run lưng nhỏ xuống gầy còm
Cơm nấu vội sợ thảng con bụng đói
Nhà vẫn hẹp dù bao lần thay đổi
Khói bếp vàng vắn-vũ vòng mâm
Chuyện đường xa — làng cũ lắng âm-thầm
Người thứ tư... lại một con chó nhỏ !

★

Tôi không hiểu vì « nhà nghèo cưng chó » (?)
Nên mẹ tôi xem chó cũng như người ?
Hay tại nhà nghèo đói rách tả-tơi
Nên người phải xếp ngang hàng với chó ?
Tôi muốn nói mà thấy lời quá khó
Vàng trán cha đầy những nếp nhăn
Mắt mẹ hiền dòng lệ sợ khôn ngăn...

Saigon, 12-67

Trí nhớ của một người Việt-nam

Thơ HỒ-MINH-DŨNG

bây giờ còn bao nhiêu thửa ruộng
bây giờ còn bao nhiêu mái nhà
bây giờ còn bao nhiêu người sống
giữa một buổi chiều cúi mặt đi qua

bây giờ trên con phố buồn
anh chỉ còn thấy xe về bệnh-viện
con phố chôn dần những tiếng thở than
bây giờ bên ngôi thánh đường
chỉ còn tiếng chim thay cho tiếng chuông
những bài kinh buồn không người tới đọc
anh cũng ra về những bước chân không

bây giờ dưới lũy tre xanh
anh còn làm sao tìm thấy được mẹ
anh còn làm sao nhớ lại hình cha
mưa vẫn bay qua trên dòng sông đục
cạn cắt đồng khô bom dột cửa nhà

và bây giờ còn có ô đất nào trong nghĩa trang
còn có nước mắt nào trên mắt khô
còn có nỗi buồn nào trên gông đeo cổ
anh biết làm sao uống nước nhớ nguồn
anh biết làm sao thương cây nhớ cội
bởi những lúc hụt hơi trở về
trên những lối mòn âm vang tiếng khóc
trên những đêm còn mùi hôi xác người
trí nhớ của anh đi qua vuốt mặt.

CÚI MẶT

Trại được dựng trên một địa-thể hiểm-trở lưng-chừng một ngọn núi đá lởm - chổm, gồm tất cả sáu căn nhà sàn cất tạm-bợ, nằm rải - rác theo triền núi thoải-thoải. Tất cả lợp bằng một thứ đác khô màu vàng cháy. Phía trên cùng là nhà của các cán-bộ mà mọi người vẫn quen gọi là nhà cơ-quan. Phía dưới này thấp hơn là nhà của bọn tù-binh cất theo hình vòng cung, quay mặt về phía giữa, chỗ có cất một cái sạp cây khá lớn. Ngăn cách nhà cơ-quan với nhà bọn tù là một con suối nhỏ chảy len lỏi qua các kẽ đá rồi chui vào một cái hang sâu. Nước suối trong vắt, người ta có thể trông thấy những viên đá cuội trắng trắng nằm dưới đáy và những con cá nhỏ màu xám lội tung - tăng trong những khe đá hõm sâu vào. Chung quanh là rừng cây mịt-mùng. Nhiều cây lớn thân to và thẳng đứng trông như những cây trụ rêu phong của một tòa lâu đài hoang-phế. Tàn cây tỏa ra ở trên cao đan vào nhau làm thành một tầng lá cây dày che gần hết ánh nắng mặt trời.

Gian nhà kỷ-luật ở khoảng giữa đối diện với chòi canh của tiểu-đội canh-vệ. Gian nhà hẹp chiều dài không đầy sáu thước, chỉ có độc nhất một cửa ra vào bên hông phải, bốn bề đều được chắn bằng những thân cây lớn, sàn lát một thứ cây nhỏ, thân bằng và ít mắt. Đám tù-nhân bị còng tay ngồi thành ba lớp, những sợi dây nối người nọ với người kia bỏ lỏng thông đẳng sau lưng. Họ gầy gò, nước da xanh như màu lá. Tất cả đều im lặng. Trông họ như những vị tu-si trong một dòng khổ tu.

Ở một góc phòng, Quang ngồi tựa vào vách, cầm kê trên thành cây, lơ-đăng nhìn một con sóc thoăn-thoắt truyền từ cành nọ qua cành kia, cái đuôi dài, cong và xù lên như một cái chổi bằng lông. Nó dừng lại trên một dây gắm nằm vắt ngang ở lưng chừng đảo mắt nhìn rồi ghé mõm gặm một cái búp lá non. Đột nhiên nó nhảy vọt qua một cành cây khác và chuyển đi mất dạng tựa như gió vừa thổi một mớ lông vàng vào giữa những đám lá xanh. Quang vợ vẫn nhìn nghĩ đến một cuộc sống tự-do ngoài trời.

Buổi sáng trong rừng thật im - lìm. Không một tiếng chim hót. Ánh nắng xuyên qua kẽ lá làm thành một vệt sáng dài nằm sóng soài trên tầng đá lớn sau

trại. Sự sống như chỉ thoi - thóp qua những nhát búa rời rạc của toán đồn cúi đo làm ở cánh rừng chung quanh. Nhưng giữa lúc ấy, cả trại đột nhiên ồn lên vì

sự hiện diện của một tù-nhân mới. Một người cảnh-vệ bước khỏi vóng gác, mấy cô cấp-dưỡng chui đầu khỏi gian bếp lụp-xụp, đám tù trọng kỷ-luật không ai bảo cũng cúi xuống nhìn ra ngoài. Quang lấy đầu gối hích nhẹ vào sườn ông già nằm bên cạnh :

— Dậy coi, có thêm mạng nữa.

Người tù mới còn trẻ, khoảng ngoài 20 tuổi, dáng mảnh-khảnh, nước da ngăm đen, mặc một chiếc sơ-mi xanh và cái quần tây vàng bết những đất bùn. Hắn đi chân không ; hai tay bị trói quặt ra phía sau, lưng đeo một cái tay nải đựng đồ. Người dân-quân đi theo hắn, bắt tay và nói gì với người cảnh-vệ rồi leo qua cái cầu khỉ bắc ngang suối lên cơ quan. Còn lại một mình hắn lơ lảo nhìn những căn nhà chung quanh. Hắn dừng lại ở căn nhà kỷ-luật. Qua những thân cây chắn ngang, những đầu người lấp ló nhìn ra ngoài. Mắt hắn mở lớn kinh-ngạc, miệng hơi há ra. Trông cái bộ điệu ngờ-ngác của hắn, Quang muốn nói một câu khôi-hài nào đó nhưng không nghĩ ra. Hắn gục đầu xuống, mái tóc trẻ sang một bên, những ngón chân bấm xuống mặt đá. Có tiếng ho của ông toàn-phó rồi bóng ông hiện ra ở khung cửa bếp một tay cầm cuốn sổ, một tay đưa lên cổ gài lại nút áo ấm. Ông hắng giọng rồi bước về phía người tù mới. Ông cúi trối cho hắn và soát lại một cách tỉ-mỉ những vật dụng mang theo rồi ghi vào biên-bản. Tay nải hắn đựng một ít gạo, mấy bộ quần áo, một tấm nhựa và một cái mo cau khô. Người cảnh-vệ im lặng đứng nhìn rồi cất giọng gọi ông Chín gác kỷ-luật. Ông già bước ra vừa đi vừa dạ. Người cảnh-vệ nói :

— Dẫn nó vô kỷ-luật, nói cho nó biết nội quy.

Hắn lếch-thếch sau ông già. Sau một lúc ngần ngừ, ông Chín nhét hắn vào dây Quang. Quang cũng đoán là ông sẽ sắp xếp như vậy vì dây này chỉ còn 5 người, tuần trước thằng Lê-Hở được ra tự giác. Như mọi lần, sau khi thắt dây khóa còng cho một tù nhân mới, ông Chín lại chậm-rãi nhắc lại bản nội-qui bằng một giọng nói ngọng-nghịu. Bao giờ thì ông cũng bắt đầu bằng câu : « Cách-mạng bắt vô đây là sống rồi, rán nằm mà nghĩ lại những tội lỗi đã phạm với nhân-dân... » để rồi kể một lô những luật lệ của bản nội qui và kết luận : « ... nhớ không ? nhớ không ? cha con vô đây cũng không được liên hệ với nhau nữa. Nhớ nghe ? thôi rán nằm mà đợi ngày cơ quan gọi lên khai suất, mà còn ra tự giác rồi hưởng lương khoan-hồng ». Hắn ngồi im lặng nghe, mắt mở lớn. Ông Chín nói xong chậm rãi bước về chỗ cửa, chân đi như lê trên mặt sạp. Hắn đưa mắt nhìn những người chung quanh, mắt mỗi lúc một lộ vẻ kinh-hoảng. Một vài người nhìn hắn ánh mắt buồn rầu, thương hại. Hắn cúi xuống nhìn cái còng sắt khóa chặt lấy hai cổ tay, nước mắt chảy dài xuống hai gò má. Quang nhìn hắn đăm đăm, tò mò như nhìn một con vật bị nhốt trong chuồng đang có những sinh hoạt riêng của nó ; mãi tới lúc hắn khóc Quang như mới chợt nhận ra mình đang ngồi cạnh hắn, có cùng một số phận với hắn. Quang thở dài uể oải nằm xuống.

Buổi sáng trôi đi âm-thầm. Có lẽ bây giờ đã quá trưa, vệt nắng dài ở tầng đá lớn sau trại đã thu gọn lại thành một cái khoen sáng tròn. Trong phòng kỷ luật đã có nhiều người nằm xuống hay tựa người vào vách ngủ gà ngủ gật như một bầy gà trong chuồng. Người tù đã mất vẻ sợ hãi lúc đầu. Hắn ngồi duỗi hai

chân, tần ngần dỡ mấy bộ quần áo ra xếp lại cho thẳng nếp. Nhưng Quang chỉ chú ý đến cái bẹ cau khô. Quang tự nhủ : « chắc là thuốc, chỉ có thuốc mới gói bằng bẹ cau ». Từ sáng Quang thêm một liều thuốc đến đặng miêng. Nửa lon cơm đổi cho Bốn Khanh lấy bốn liều thuốc hôm qua, Quang đã định dành đến sáng nay một liều, nhưng nửa đêm tỉnh dậy, trời lạnh thấy có người hút thuốc Quang không dẫn được cơn thèm. Ở ngoài cửa ông Chín già ngồi gập người trên hai đầu gối, lơ đãng nhìn ra ngoài, tay mân mê ngón tay út bị cụt của bàn tay trái. Bây giờ chắc là lúc thuận tiện để làm quen, Quang quay sang gọi chuyện.

— Anh tên gì ?

Người tù mới đặt bộ quần áo đang xếp lên trên đùi, nhìn Quang, ngần ngại một chút rồi đáp khe-khe.

— Thảo — Nguyễn văn Thảo

— Anh xã nào ?

— Kiến-Hòa

— Làm gì ?

— Dân vệ.

Hắn quay nhìn ông Chín già bỏ ngang câu chuyện Quang hiểu và muốn nói cho hắn biết bản nội quy bây giờ không còn được áp-dụng một cách khắt khe như trước, nhưng chuyện dài dòng quá làm sao cắt nghĩa cho hắn hiểu được, Quang nói lơ lửng :

— Tôi ở Kiến Long. Tôi cũng đi dân vệ.

Hắn quay phắt lại nhìn Quang mắt sáng lên. Quang như đọc được trong mắt hắn vẻ mừng rỡ của một kẻ bất ngờ gặp được người quen, nhưng đã đột ngột nồng nàn của hắn làm Quang bối rối cúi nhìn chỗ khác. Trong cái nhìn của

hắn như ngầm có vẻ gì giao-hẹn một tình bạn mới. Quang vừa thấy vui vui vừa thấy xấu-hổ khi nghĩ đến hôm nầy mình chỉ định gạ chuyện đề hy vọng xin một liều thuốc. Hắn lui cui nhét bộ quần áo vào trong tay nải. Hai tay bị còng, hắn lúng túng mãi vẫn không mở rộng được miêng cái tay nải. Quang chăm chú nhìn hắn. Vẻ mặt hắn vừa có vẻ thành thật của một người tốt bụng vừa có vẻ hung dữ của một người nóng nảy. Mấy sợi râu loăn xoăn ở hai bên mép làm hắn có cái bộ tịch của một đứa con trai nghịch ngợm và nhiều mặc cảm, muốn làm đáng người lớn. Quang nghĩ tới việc có một người bạn. Trong phòng cũng có vài người đi dân vệ nhưng ở đây xa-quá không mấy khi có dịp chuyện trò. Trong cùng đây chỉ có ông Tám Xu ở thôn trên, nhưng ông già quá rồi không thể gọi là bạn được. Tình thân thiết như chỉ được bắt nguồn từ những ngày quen biết xưa. Tuổi già làm ông trầm lặng, dè dặt thái quá và đôi lúc lẫn-thần. Đầu óc ông lúc nào cũng chỉ lờn vờn nghĩ đến mấy ruộng và con bò già. Đôi lúc Quang có cảm tưởng ông quên khuấy cả việc bị bắt lên đây. Thằng Cam con ông sau ngày thất tình con Tinh cháu gái ông xã Hòa bỏ nhà đi biệt. Nửa năm sau nó trở về với bộ áo rằn ri. Cuộc sống lính tráng làm nó chai sạn và già dặn. Nó có cả một ngàn câu chuyện để kể cho mọi người nghe với những dự tính ồn ào về tương lai. Từ đó thỉnh thoảng đôi ba tháng nó lại về thăm nhà. Mỗi lần về nó mang theo cả một lũ bạn đeo súng ngắn súng dài. Vẻ sợ sệt và ánh mắt tò mò của mấy đứa em khi nhìn trái lựu đạn vất vẻo ngang hông cạnh những băng đạn đồng màu đỏ làm nó thích thú. Nó cười ha hả, vén tay áo cho mấy đứa nhỏ coi vết sẹo dài trên cánh tay vừa kể lại chuyện can đảm của mình khi giết

Việt-Cộng. Sau đó nó lòi mấy đứa bạn ra sân hái dứa, thu đủ chạy cùng vườn để bắt gà dấm cả lên những dây khoai. Nhà trên, nhà dưới rộn lên những tiếng bát đĩa cùng tiếng cười nói chửi thề. Buổi chiều khi mặt trời chênh chếch và ánh nắng bớt gắt chúng lại lếch thếch kéo nhau đi, mặt dứa nào cũng đỏ kè, hơi thở nồng nặc mùi rượu. Chúng hoa chân múa tay, rượt những con chó cong đuôi chạy rồi lấy súng bắn loạn xạ lên mấy ngọn tre. Ông Tám-Xu buồn bực vì tính nết của con nhưng vốn hiền lành ông chỉ bày tỏ nỗi buồn bực của mình trong những tiếng thở dài mỗi lần cúi xuống lượm những miếng vỏ dứa hay gãy lại những dây khoai bị dấm. Lòng nhớ con và nỗi buồn bực đi đôi với nhau làm ông lúng túng trong việc tự định cho con một tình thương trong lòng mình.

Ông Tám-Xu thấy con không dám về, nó gửi lời về thăm gia đình và kèm thêm mấy lời quy oán cho mấy người dân vệ trong làng : « bọn dân vệ chết nhất, cái xã nhỏ bằng cái lỗ dít gà cũng giữ không nổi, cả ngày chỉ biết úp mặt vào bụng vợ mà ngủ, chưa thấy Việt-Cộng đã chạy là cả ra quần ». Ông bị bắt lên núi học tập. Người cán bộ an ninh xã có cái cười nửa miệng ôn tồn bảo ông : « Tôi biết là bác không muốn có đứa con như thế, nhưng đầu sao sanh ra nó bác cũng phải chịu trách nhiệm về nó, bác hãy nói cho nó nghe về chính sách của cách mạng, mà bác đã học tập và nếu bác làm tờ

cam đoan trong vòng một tháng gọi được nó quay đầu về cách mạng, xã xê cho bác về nhà ngay ». Ông Tám Xu ngần ngừ. Tính nết, cử chỉ, đời sống của con trong những ngày gần đây như một bằng cứ soi rõ nỗi bất lực của ông trong việc khuyên nhủ nó trở về với cuộc sống đồng ruộng xưa kia. Một tháng trời hay hai tháng, ba tháng đi nữa cũng chỉ đủ thời gian cho những người dân quàn về gõ cửa nhà ông lần nữa, nó quí ngẩn cho cái việc ông kêu gọi thẳng con trai mình. Ông không dám làm tờ cam đoan. Thái độ đó đã khép ông vào thành phần lương chường có đầu óc hướng Mỹ. Ông bị giải lên huyện cải tạo tư tưởng. Ngồi chung dây với Quang, ông ít khi nói chuyện về gia đình, vợ con. Đầu óc ông lúc nào cũng chỉ loay hoay với cái dự tính trồng một mẫu đậu xanh. Hình ảnh một thửa ruộng xanh ngắt và con bò già làm lúi kéo cày vỡ từng luống đất trở thành một niềm tin an ủi ông những lúc thất vọng quay nhia về thực tại. Quang quí ông vì lòng đôn hậu nhưng không vì thế mà Quang tìm được sự an ủi ở ông. Niềm an ủi chỉ có thể tìm thấy ở những bạn bè đồng lứa. Quang quay nhìn người tù mới và tự nhiên cảm thấy ở hắn có cái gì gần gũi với mình. Hắn dướn người móc trong túi một gói ni lông đựng thuốc đặt trên đùi xé một miếng giấy quăn đưa cho Quang. Thắng Thông ở đây đang trước chồm lại như một con thỏ, sợi dây dứa cột tay lui thoi đằng sau lưng. Nó quỳ trên hai gối dơ cả hai tay ra trước mặt, miệng lắp bắp :

— Anh Hai ! Tôi điều ! anh Hai.

Hắn liếc mắt xé vợi một miếng giấy. Một vài người khác bu lại, những bàn tay gầy gò xòe ra như ập vào mặt làm hắn phải dướn người về phía sau. Cả

gian phòng lao xao tiếng xin thuốc. Một vài người nằm ngủ bị cắn dây thức dậy cũng lồm cồm bò lại. Quang nhìn hần xé soạn soạn từng miếng giấy trắng, và từng cục thuốc một cách tiếc rẻ. Ông Chín già đang ngồi lằn mần bắt rận ở mô đá trước cửa nghe tiếng ồn vội vã bước vào. Mặt méo xệch sang một bên, ông vừa đi vừa hét: « Trời đất ! bọn quý ! Trời đất ! Trời đất... » Cứ mỗi tiếng kêu trời ông lại dơ tay cũng một cái thật mạnh vào những cái đầu đang cúi xuống. Hần cất bao thuốc vào túi : mặt cúi gằm xuống. Ông Chín hỏi :

— Muốn chết hả ? Bộ không nghe tôi nói nội qui sao ?

Hần im lặng. Ông Chín nói nữa đe dọa nữa như có ý phân bua :

— Nó chưa biết cùm tréo là gì, lớn quá mà, hồi nào như thằng Quý liệt cả hai chân mới biết sợ.

Ông bỏ về chỗ vừa đi vừa nói :

— Máy người nè nữa, coi bộ quá cỡ rồi, cứ như hồi ở trại lớn mỗi đứa một cái hòm kín mít rồi dằm đó mà nói chuyện!

Ngày như gần đi vì những cơn mưa nhỏ về chiều ở miền núi. Trời tối sầm lại. Gió như chạy trên đầu các ngọn cây. Qua lỗ hồng của vòm lá, người ta thấy những vầng mây đen mỏng như làn khói bấp di chuyển thật nhanh trên một cái nền xám mù mù. Toán công tác trong rừng đã lục tục kéo về, ném rầm rầm từng bó cây xuống khoảng đất gần bếp rồi lủ lượt xuống dưới rửa chân tay. Ông đoàn-phó đứng thu và kiểm điểm búa rựa ở mỏm một tảng đá bằng ven suối. Tiếng những con rựa va vào mặt đá leng keng. Máy cô cấp dưỡng mang những thúng bắp vàng ối ra chia thành nhiều phần đều nhau. Anh Ba Thới xách súng xuống ra lệnh cho đám kỹ luật đi cầu tiêu. Suốt ngày ngồi một chỗ, chân căng như

cuồng đi, họ nhảy nặng nề trên những tảng đá dẫn xuống chỗ đi cầu. Cơm chia xong để thành từng phần trong những chiếc rổ mây trên sạp. Cầu tiêu xong, mọi người được mở khóa, tháo dây ra ngồi cạnh những rá cơm. Họ mang theo những cái chảo nhỏ đan bằng sống lá gác đựng phần ăn của mình. Người tù mới được xếp vào phần ăn của mấy mụ đàn bà. Quang để ý nhìn hần quên cả việc chia cơm của toán mình. Lúc cơm chia xong, Quang sóc sóc cái chảo và có cảm tưởng phần ăn của mình ít hơn mọi hôm. Điều đó làm Quang bực mình và tự trách sự lơ đãng của mình. Quang lấy đĩa xúc xúc cho những hột cơm lộn xuống dưới, như vậy lúc ăn gần hết Quang có cái thú được nhai một miếng cơm lớn không lộn bắp. Người tù ngồi ăn yên lặng. Hần nuốt khó khăn từng miếng cơm. Thỉnh thoảng hần lấy đĩa gạt một ít hột bắp hằm kỹ nhào nhệt xuống mặt xạp. Mấy mụ đàn bà lẳng lặng đưa mắt nhìn hần rồi lại nhìn những hạt bắp vương vãi trên mặt xạp. Băn khoăn mặt ngó theo người canh-vệ vác súng đi ra bờ suối, miệng uể oải nhai, vẻ chán nản như hồi còn ở nhà ăn miếng cơm cháy nguội cứng lại. Nhìn cách ăn uống của hần. Quang như tìm ra được cái vẻ gì quen quen của những ngày mình mới lên núi, và Quang buồn buồn. Cấp dưỡng bê ra một nồi nước nóng. Mọi người xô lại tranh nhau uống nước bắn cả lên mặt.

Trời tối dần, cơn mưa như sắp đổ ập xuống. Những toán tự giác chia cơm trên sạp, tiếng cãi cọ om sòm. Trong phòng kỹ luật mọi người loay hoay dọn chỗ ngủ. Buổi tối, còn được khóa kỹ hơn, dây cột cũng thâu ngắn lại, người nọ cách người kia một đoạn dây không dài quá một gang tay. Đàn bà không bị cột cũng không phải cột dây — một ân huệ cho phái yếu — một phần nữa từ

ngày lập trại chưa có người đàn bà nào có gan tàu-thoát. Họ im lặng chấp nhận cuộc sống giam hãm và hy vọng trời phật sẽ đưa đến cho họ những biến đổi may mắn mà họ không cần đề ý tới nguyên - nhân. Thái độ đầu tiên vào những ngày mới bị bắt là kêu la, gào khóc nhưng chỉ một vài hôm họ tự hiểu là những lời kêu lè, những giọt nước mắt không thay đổi được gì, họ trở nên im lặng đến độ lảm lì. Đôi lúc họ thật thản nhiên làm như bên mình họ luôn luôn có một vị thần vị thánh nào theo chân phò trợ, những ngày tù đầy mà họ phải chịu bây giờ chẳng qua chỉ là một sự trừng phạt về những lỗi lầm nào đó họ đã lỡ gây ra trong dĩ vãng.

Phòng kỷ luật tối om, một vài đốm thuốc đỏ lóe lên. Bên ngoài khi đã bắt đầu bốc lên mờ mịt. Lác đác có những giọt mưa rơi nặng nề trên mái. Gió xào xạc nổi lên trong rừng mang hơi lạnh lùa vào phòng. Đám tù ngồi co dúm lại như những con tôm. Quang loay hoay trải tấm lá bện để nằm, nghĩ đến việc nhờ người bên cho hẳn một tấm lá mới. Bóng tối và sự ồn ào của những người bên cạnh làm hẳn bạo dạn, hỏi Quang đủ thứ chuyện, Quang kể cho hẳn nghe chuyện ông chín già gác cửa bữa củi đứt mất một đốt tay, chuyện anh Bốn đoàn trưởng bắt rắn, lòng nham hiểm của ông đoàn phó...v.v... Hẳn chăm chú nghe như muốn gom góp một mớ kinh nghiệm để định một thái độ đề đặt cho cuộc sống mới. Gian phòng mỗi lúc một ồn ào. Người ta nói chuyện như quên bằng mất bản nội qui. Phía góc phòng đối diện có tiếng mấy người cãi eo. Họ giao hẹn nhau về chỗ nằm. Gian phòng hẹp, tù nhân phải nằm thành ba lớp, chân người nọ thông xuống quá

nửa thân người kia, chỉ trừ mấy người đàn bà được thành thói chiếm riêng một góc. Ngày nào cũng có những xích xích về chỗ nằm. Những điều lệ được đặt ra cần thận nhưng đêm ngủ chân cẳng không bao giờ nhớ được những giao ước ban ngày, chúng thích được cựa quậy, gác chông lên mình người khác nên những vụ cãi lộn vẫn kéo dài thối bi vào mỗi ngày.

Bọn trực đêm bước vào. Đi đầu là anh Năm Sự cầm một cái đèn đốt bằng chai. Anh thấp lùn chùn lại to người, lúc đi hai chân dặng ra, ngực uốn về phía trước, bước đi lịch bạch nặng nề như con vịt bầu. Anh tiến về phía cửa, cần thận lấy hai cây gậy kẹp vào cây đèn cho khỏi đổ. Ngọn lửa đỏ và lớn như ngọn đuốc cháy bập bùng làm gian-phòng có vẻ ấm cúng. Quang ngồi hút thuốc liên miên, ông Tám Xu cũng vẫn một điếu lớn, ông rít từng hơi dài, nín thở như không muốn nhả khói ra. Quang hút tới hai điếu một lúc, ngà ngà say, đầu óc lâng lâng. Quang thấy mình thư thái như hồi nào ở nhà buổi chiều ăn cơm xong giải chiếu nằm trên hiên hút thuốc. Thảo thì buồn và có vẻ nhớ nhà. Quang kể cho hẳn nghe chuyện mình bị bắt, chuyện gia đình, vợ con. Có tiếng máy bay phản lực rít ở đằng xa, anh Năm Sự lật đặt lấy cái thùng sắt tây có khoét lỗ ở bên hông chụp lên ngọn đèn. Gian phòng tối om. Khi tiếng máy bay xa dần và ánh sáng trở về thì tiếng ồn hình như cũng lớn hơn. Anh Năm Sự ngửa người ra sau, hai tay đặt trên đầu gối cất giọng nói ồm ồm :

— Các tía tui hôm nay hẳn chỉ nói chuyện dữ vậy hông biết ? Dui quá hé ! Đói thấy mẹ mà còn lớn họng. Anh Bốn dô cà, ai nằm ngồi dậy nghe điềm doanh coi !

Anh Bốn đứng ở ngưỡng cửa, loay hoay mắc miếng nhựa che mưa lên vách. Chiếc áo ẩm nhà binh rộng thùng thình làm người anh càng có vẻ cao lớn hơn. Mọi người im-lặng. Anh Bốn dờ sờ, lấy một cái que cúi xuống châm lửa dơ lên đọc, giọng lớn và rõ ràng. Anh phải ngừng lại mấy lần vì que lửa tắt. Một vài người dơ tay rồi vội vã nằm xuống ngay. Anh gọi đến tên người tù mới rồi đảo mắt nhìn. Đột nhiên anh hét lớn :

— Dơ cao lên coi, làm gì mà rụt rụt dơ vậy ?

Hắn luống cuống dơ cả hai tay, cái còng lúc lắc chạm vào ô khóa lách cách. Anh Bốn cười hề hề :

— Ma mới hé ! Mới vô hăm chút cho sợ chơi, hồi nào rảnh tội mình «rua» nhau cái coi.

Anh dơ tay với tấm nhựa trùm lên đầu, theo một con mắt đáp lại tiếng cười của mọi người rồi đi ra.

Bây giờ thì trại hoàn toàn im lặng. Gió mỗi lúc một mạnh thổi vi vút trên đầu các ngọn cây. Tàn cây trút những giọt nước nặng nề trên mái lá. Tiếng nước chảy róc rách và tiếng côn trùng vang lên trong các khe suối. Xa xa có tiếng một con vượn hú, tiếng hú nào nuốt ngân dài như được vọng lại từ những miền bờ núi xa. Quang cho người bạn mới đắp chung mền. Hai người rì rầm nói chuyện. Hắn hỏi :

— Anh liệu tôi bao lâu được về

Quang ngần ngừ : « Cái đó còn tùy ở những tội lỗi của mình ».

— Tôi thề với anh là tôi không có tội gì hết, tôi chỉ có tội đi dân vệ...

Về nóng nẩy của hắn làm Quang e ngại. Quang lấy tay hích nhẹ vào vai hắn ngắt ngang câu nói :

— Khế chứ ! nói lớn nguy hiểm.

— Tôi bị gọi quân dịch — hắn tiếp giọng trầm xuống — Nếu tôi không vô dân vệ, tôi cũng bị kêu lính mà không chừng lính thứ dữ nữa. Tôi đâu có ham lính tráng, tôi chỉ muốn gần nhà, nhà tôi nghèo, mẹ tôi chỉ còn mình tôi với thằng em tôi thôi.

— Cái đó cách mạng không có bắt tội chẳng qua tội mình kẹt mới phải vô dân vệ.

— À, nếu vậy tôi không có tội gì hết, tôi đâu có giết người cướp của của ai.

Quang có vẻ suy nghĩ :

— Hồi anh đi dân vệ anh có làm gì không ?

— Tôi đã nói là không mà. À mà tôi, có đánh ba trận song tôi có chủ tâm muốn giết ai đâu. Tôi cầm súng, họ bắn tôi, tôi bắn lại. Hồi bị bắt lên xã tôi cũng có khai vậy mà họ không tin.

Quang im lặng không biết trả lời sao cho hợp lý để có thể an ủi được hắn. Trường hợp của hắn cũng giống trường hợp của mình, Quang không thể an ủi được mình nên không thể nào an ủi được người khác.

— Anh Quang này, tại sao người ta không tin tôi ? Giọng hắn thì thầm, khản-khoản.

Quang ngờ ngác. Như chợt nhận ra cái ngớ ngẩn của mình, hắn nói tiếp, giọng khò sở :

— Anh biết đó, đi dân vệ đâu có sướng gì, lương mình đâu có bao nhiêu, tối đến ngủ bờ ngủ bụi.

Quang thở dài :

— Chắc không sao, có thể ít lâu anh về.

Nói xong Quang mới thấy vẻ

gượng gạo của mình. Quang nghĩ tới những ngày mới bị bắt và lời an ủi của ông già. Nay : « Tội chú không sao, có thể ít lâu chú về ». Không ngờ bây giờ Quang lại có dịp lặp lại câu nói đó. Sự trùng hợp của hai câu nói làm Quang giật mình, có một cái gì đó vỡ tan trong người và Quang nhận thấy mình sáng suốt để cảm biết được sự tan vỡ đó. Ngoài trời mưa hình như nhỏ dần. Từ phía nhà cơ quan vắng vắng có tiếng ra dõ vọng lại, tiếng hát náo nức một bản nhạc của đài giải phóng nghe như những tiếng gào thét căm hờn, dồn dập.

— Này ! Này !

— Gì vậy ? Quang quay sang, Hấn đáp ứng :

— Tôi muốn bàn với anh câu chuyện, mà anh nghĩ coi phải không ?

Quang vẫn im lặng. Hấn ngần ngừ một chút rồi nói vừa tha thiết vừa e dè :

— Anh coi đó, như anh nói anh đâu có tội gì vậy mà anh bị giam hơn bốn tháng rồi. Tôi như vậy... chắc tôi chết mất. Trời ơi ! mẹ tôi...

Giọng hấn mỗi lúc một nghẹn ngào. Quang nói :

— Thôi anh đừng buồn, con người ta sống chết có số, ở đây còn bao nhiêu người nữa !

— Không anh khác, tôi khác. Tôi định trốn đi...

Người Quang cứng ra như một khúc gỗ, hai tai ù đi, Quang không thể tin là hấn vừa thổ-lộ cái ý-nghĩ táo-bạo của mình, mãi cho tới lúc hấn hỏi :

— Anh thấy sao ? Đến nước này đành liều vậy, có cách gì không ?

Quang trả lời như một cái máy, tuồng như những câu trả lời đã được lập lại

nhiều lần trong trí và bây giờ người trả lời hấn không phải là Quang mà là một người nào đó trong trí tưởng-tượng của Quang xưa kia :

— Không có cách gì cả, anh sẽ lạc trong núi.

— Tôi sẽ đi men theo suối và trông về hướng mặt trời.

— Anh không vượt khỏi toán lính canh dưới đồng.

— Thì liều mà !

— Còn dám tù ở đây, họ không để anh đi xuống sẽ đâu, không ai muốn liên lụy, còn cái còng ở tay anh nữa.

Hấn thở dài thất vọng :

— Vậy thì tôi chết mất !

Quang muốn dứt khoát để khỏi phải nói mãi với hấn câu chuyện có thể mang lại cho mình những hậu quả không may :

— Anh đừng nói với ai chuyện này, tôi có thể mang tội bao che.

— Không, tôi chỉ nói với anh.

— Đừng nói với ai, đừng tin ai cả — Quang lập lại — Mình không trốn được đâu.

Hấn quay mặt đi phía khác, hai vai hấn rung lên từng cơn. Chắc hấn khóc, Quang muốn nói một câu an-ủi nào đó với tất cả lòng thành thật của mình, nhưng không biết nói gì. Bên ngoài có tiếng ho húng-hắng của người cảnh-vệ và tiếng báng súng va vào mặt đá. Cái cảnh thẳng Nghĩa bị cột thành từng vòng vào gốc cây, quần áo bê bết máu, mặt tím bầm, những sợi tóc đọng máu chảy vào trán lại lờn-vờn hiện ra trong trí, Quang như còn ngửi thấy mùi máu tanh đến lợm giọng khi những người cảnh-vệ dẫn nó đi từng vòng qua mặt bọn tù-nhân. Những cánh tay vung lên, những

viên đá rơi tới tấp trên người xé toang từng mảnh áo và ở một đầu giây kéo, thằng Nghia gục xuống, oằn người lên như một con giun bị xéo dưới gót giày. Cái chết của thằng Nghia như một gáo nước lạnh dập tắt những hy-vọng tàu thoát được xếp đặt kỹ lưỡng trong trí Quang. Quang nghĩ tới cái thân hình cao long-không của nó khi trèo qua rào, tụt xuống chạy lên lối qua các bụi cây, dướ chân, ẩn trong lớp cỏ rậm là những trái mìn cóc và những hố chông nhọn hoắt nằm rải rác khắp nơi. Quang thấy hồi hộp, tim đập thình thịch và có lúc Quang có cảm-tưởng mình chính là thằng Nghia đang chạy băng-băng qua một cánh rừng rậm đầy gai và cỏ sắc. Rồi Quang ra khỏi ven núi đến trước một dòng sông. Quang lội xuống bơi tấp vào những cụm rong. Sang bên kia bờ, Quang cầm đầu chạy trong những vườn mía rộng, cho tới lúc làng xóm hiện ra với những mái tranh thưa thớt im-lìm, những con chó sủa bằng quơ trong các hàng hiên, những tốp du-kích đi tuần trong những con đường đất nhỏ. Quang rùng mình khi nghĩ tới lúc mình bị bắt gặp, bị hành hạ như một con chó dại, rồi không dám nghĩ tiếp.

Trời càng về khuya càng lạnh. Quang kéo mền trùm kín đầu. Hơi thở của bạn phả vào vai ấm ấm làm Quang đột nhiên nhớ tới vợ tới con. Hình như có một đêm nào đó xa lắm rồi, trời cũng lạnh lạnh. Quang trùm mền nằm ngủ để đến nửa đêm thức dậy thấy vợ nằm úp mặt vào một bên vai mình ; hơi thở ấm làm

ấm cả một bên vai áo. Trong một thoáng giây, Quang thấy cổ nghẹn lại và nước mắt muốn trào ra. Quang tự nhủ : « Đừng nghĩ đến gia đình nữa, đau lòng quá ! Ta phải cầu Chúa ; Chúa sẽ tha thứ cho ta, cứu vớt ta miễn là ta phải thành kính tin người ». Quang dơ cả hai tay làm dấu thánh giá một cách khó khăn rồi đọc kinh tối những hình ảnh thằng con lê la chơi ngoài sân hiện đến lờn vờn mãi trong óc làm Quang bực-bội. Có lúc Quang tưởng như mình không để ý chú, gì đến những câu kinh để đầu óc chỉ xoay quanh đứa trẻ. Quang như đang trông thấy nó chập chững đi dẫm cả lên sân thóc, tay vung vẫy đuổi đàn chim sẽ xà xuống, mắt tròn lên nhìn những con chim bay đậu lên bờ đậu. Quang thấy mình có tội với Chúa và tìm cách xua đuổi những hình ảnh ấy đi bằng cách cố tâm theo dõi những câu kinh. Lòng Quang bình thản lại và thấy sự tôn kính của mình tăng dần lên. Những lời kinh vang lên chậm rãi, tha thiết. Quang nhắm mắt lại tưởng như có một thứ ánh sáng nào đó tỏa ra mờ hồ huyền diệu. Thứ ánh sáng đó đã dẫn dắt Quang khỏi cái vùng đen tối mà Quang đang ở. Quang đi trong luồng sáng đó người nhẹ nhàng thơ thới như một con thiêu thân bay đi tìm ánh đèn trong đêm. Quang đọc tiếp : « ... Xin đức Mẹ đoái đến tôi là kẻ tội lỗi. Lạy Mẹ, Mẹ là mẹ Chúa Cứu-Thế, xin chớ bỏ lời tôi kêu xin... »

(còn tiếp)
BÙI-ĐĂNG

THỜI-SỰ VĂN-NGHỆ

Tự-do như một hồn ma

Tự do báo chí chuẩn bị khai sinh ở xứ ta bằng một đạo luật sắp ra đời. Ở Pháp, nó đã có từ lâu. Và bây giờ là lúc nó sắp chết.

Ai giết nó? — Ti-vi, nữ ký giả Françoise Giroud tố cáo như thế. Báo chí sẽ không cạnh tranh nổi với Ti-vi. Số độc giả sẽ giảm dần, tiền thu vào sẽ sút kém, do đó bộ biên-tập sẽ suy giảm, do đó tin tức bài vở sẽ tồi tệ, lại do đó số độc giả càng mất thêm v.v... Rốt cuộc báo chí chết dần chết mòn.

Như vậy, nói cho đúng, quyền tự do báo chí không chết. Chỉ có báo chí chết. Báo chết rồi, tự do còn lại như một tinh thần bơ vơ, không nhập thể được. Như những cô hồn vất vưởng mà thi hào Nguyễn-Du xót thương trong bài ca *Chiêu hồn*.

Một nhà triết học Trung-hoa đã hỏi: *lưỡi dao sắc, không còn lưỡi dao, làm sao còn sắc?*

Lưỡng viện Việt-nam đang lo cái sắc, bất tri tam thập dư niên hậu có ai đề lo cho *lưỡi dao* đây?

Giữa sự sống và cái chết.

Chuyện chiến tranh sanh tử ở Việt-nam đó chẳng? Chuyện đại chiến thứ ba bùng nổ với bom nguyên tử chẳng?

— Không. Đó là tiểu thuyết của Nathalie Sarraute. *Entre la vie et la mort*. Giữa sự sống và cái chết không có bom đạn, không có gì nguy hiểm rùng rợn. Chỉ có những phân tích sâu tuyệt vời, vì lâu nay Nathalie Sarraute vẫn chẻ sợi tóc làm tám, lần dò theo ngôn-ngữ tìm

đến tận lần ranh giới của ý-thức và vô thức con người. Giữa sự sống và cái chết, rốt cuộc chỉ có chữ viết. Không đáng ngại.

Sợ hãi ghê gớm

Tờ *Za Rubozhom* đã đăng tải một bài nhận định của cộng đảng Đông Đức, bày tỏ sự « sợ hãi ghê gớm » về những gì có thể xảy ra tại Tiệp-Khắc.

« Những gì xảy ra », và bị chỉ trích ấy, thuộc phạm vi văn hóa. Vì vậy cơ quan ngôn luận của Bộ Văn hóa Nga-sô là tờ *Sovietskayd Kultura* đã tố cáo nhiều nhà văn Tiệp-Khắc bắt đầu tẩy chay chủ nghĩa hiện thực xã hội. Trong số các nhà văn Tiệp bị công kích có phó chủ tịch Hiệp hội các nhà văn Tiệp là Jan Prochzka, kịch-tác-giả Havel và triết gia Sochor.

Cái chỗ đáng « sợ hãi ghê gớm » của hiện tượng trên đây là — theo nhận định của Nga-xô — xu hướng văn nghệ mới có thể đe dọa sự sống còn của chủ nghĩa xã hội tại Tiệp-khắc.

Có phải vì vậy mà Kossygin vội vàng qua Prague để « dưỡng bệnh »?

Kossygin đi dưỡng bệnh ở Prague trong lúc De Gaulle thăm Lỗ nửa chừng bỏ về dưỡng bệnh ở Paris. Văn-hóa đang gây bệnh quá nhiều cho giới chính-trị Âu-châu.

Phạm-nhân của lương-tâm

Một phong trào lập ra để tranh đấu cho sự tự do của những nhà văn, nhà trí thức, bị các chính phủ giam giữ, tù đầy. Phong trào lấy tên là *Amnesty*.

Theo sự điều tra của phong trào này,

tổng số các người bị mất tự do vì tranh đấu cho lý tưởng tự do, thuộc đủ mọi khuynh hướng hoặc tả hoặc hữu, hiện lên tới nhiều trăm vị. Gọi là những phạm nhân của lương-tâm (prisonniers de conscience).

Tờ *Sunday Times* của Anh thuật lại kết quả điều tra trên với một bị-chú đầy hãnh diện : « Nước Anh không có hạng phạm-nhân ấy. »

Một bí mật về Gorki.

7-12-1917 (...) « Gần chợ Alexandrovsky người ta bắt được một kẻ cắp ; lập tức đám đông xúm lại giã cho nó một trận và trưng cầu ý kiến : phải xử tử nó cách nào ? Trấn nước hay bắn ? Người ta đồng ý là trấn nước và nó bị quăng xuống giòng nước lạnh giá. Nhưng nó lại bơi thoát, trèo lên bờ. Bấy giờ một người trong đám đông bèn tiến đến và giết nó bằng một phát súng. »

Trong lịch sử của chúng ta, thời Trung Cổ là một thời đại tàn bạo ghê tởm, thế mà ngay hồi bấy giờ một kẻ tội nhân bị pháp luật xử tử nếu đem treo cổ không khéo mà may mắn nó rơi xuống thì người ta cũng tha luôn cho nó khỏi chết. Lối giết người hiện thời sẽ ảnh hưởng ra sao đối với thể-hệ trẻ ? »

(...) « Các ủy viên nhân dân xem nước Nga như một nguyên liệu để thí nghiệm. Dân Nga, đối với họ, cũng như một con ngựa mà các nhà thông thái tiêm vi trùng bệnh vào để cho máu nó sinh ra chất kháng bệnh. Các ông ủy-viên nhân dân chính đang tiến hành công cuộc thín-ghiệm tàn nhẫn, và nhất định sẽ thất bại ấy, đối với nhân dân Nga. »

(...) « Và hễ bao giờ còn có thể, là tôi còn tiếp tục lặp đi lặp lại với giới vô sản Nga : người ta đang đưa anh em

vào chỗ chết, người ta đang dùng anh em như một nguyên-liệu để tiến hành một cuộc thí nghiệm phi nhân ; dưới mắt các lãnh tụ, anh em chưa được xem là một con người ! »

Trời ! tên phát-xít phản-động nào mà chửi bới cách mạng nặng lời quá xá vậy ?

— Thưa, đó là Maxime Gorki.

M. Gorki viết những giòng ấy cuối năm 1917. Gorki cứ như thế cho tới 1921 thì cảm thấy bị đe dọa, không thể sống trong nước được, bèn xin ra nước ngoài. Ông qua Berlin, một trong các nơi tập trung giới trí thức di cư của Nga sau cách mạng tháng 10, rồi ông sang Ý. Năm 1925 ông về nước, năm 1936 thì chết

Những bài báo công kích chính quyền Cách mạng Nga xô viết trích trên đây được in năm 1921 tại Đức, bằng Nga ngữ, do nhà xuất bản Ladyjnikov, trong một tập sách mỏng 88 trang, nhan-đề là *Cách mạng và văn hóa*. Từ đó tới nay cuốn sách bị dấu nhem, chẳng ai được biết, và có lẽ không một người Nga-xô-viết nào được đọc, trừ Staline.

Vì Staline có đọc qua cuốn sách ấy nên bây giờ mới thiên hạ nẩy ra một nghi vấn. Lúc Gorki mới chết, ai nấy cho rằng ông bị bệnh phế-viêm ; nhưng rồi tuyên truyền Nga đồn rằng ông bị bọn Trốt-kit ám sát. Bây giờ người ta lại ngờ rằng Gorki e có bị ám sát thật, nhưng không phải do Trốt-Kít, thế mới tệ.

Tolstoy... đóng hộp

Bộ sách vĩ đại « *Chiến-tranh và hòa-bình* » dày ngót 1.100 trang của Tolstoy—đang được thâu nhỏ lại không quá hai lóng tay. Hiện nay công-trình gần hoàn

tất, chỉ còn lại khoảng 100 trang sách sót.

Đó là những tiết-lộ của kỹ-sư Gabor U. Kalman, thuộc Viện Nghiên - cứu Carson, ở Bristol, tiểu-bang Connecticut Hoa-kỳ.

Cái khối nhỏ không đầy hai lòng tay nói trên thật ra là một kết-tinh của chất potassium bromide, một thứ muối hóa-học có tính quang cảm (light sensitive) có kích-thước $2 \times 2 \times 1/4$ inch một thành phần cốt-yếu của một hệ-thống tích-trữ tài-liệu mà Kalman gọi là HOLDOR.

Đây là công cuộc nghiên-cứu được quân-lực Mỹ đài-thọ với mục-đích tìm một phương-tiện mới để tích-trữ bản-đồ và tài-liệu đồ-công-kênh hơn. Kalman cho biết kết-tinh này ghi lại hình-ảnh và màu sắc còn rõ nét hơn cả phim-ảnh. Khi cần tra-cứu, chỉ việc đem rọi lớn lên với tia sáng laser.

Với phát-minh mới này, tất cả sách vở trong một thư-viện cỡ lớn (bên Mỹ) có thể thu lại trong 12 cục kết-tinh. Và tổng-thư-viện quốc-gia ở Sài-gòn độ vài ba cục.

TRÀNG-THIÊN

5-68

THỜI-SỰ KHOA-HỌC

Các nhiễm-sắc-thể ra tòa

Cách đây hai năm ở Hoa-kỳ đã xảy ra một vụ giết người tập thể : thủ phạm hạ sát cùng một lúc tám nữ điều dưỡng. Richard Speck bị kêu án tử hình. Nhưng hiện nay luật sư của anh ta đang giúp thân chủ chống án, cứu lấy mạng sống, dựa trên sự kiện là Speck mang nhiễm-sắc-thể XXY.

Các nhiễm-sắc-thể, chúng dính lưu gì tới luật pháp ?

Nguyên ai nấy đã biết tính nết khác nhau của mỗi người, một phần là do di truyền định đoạt. Sự bí mật của di truyền nằm trong 23 đôi nhiễm sắc thể. Bình thường ở mỗi tế bào của con người có 46 nhiễm sắc thể, được sắp thành 23 đôi, trong đó, 22 đôi đồng nhiễm sắc thể và 1 đôi dị nhiễm sắc thể ? Đôi dị nhiễm sắc thể còn gọi là nhiễm sắc : thể định phái, vì nó quyết định giống phái của mỗi người : ở đàn ông, nó là XY ; còn ở đàn bà là XX. Tính

trùng của cha mang đến nửa số, noãn châu của mẹ cung cấp nửa số nhiễm sắc thể ; đứa con sẽ là trai hay gái, cái đó tùy thuộc một sự ngẫu nhiên : tinh trùng mang dị nhiễm sắc thể X hay Y. (Ở noãn châu đàn bà chỉ có dị nhiễm-sắc-thể X).

Khi các tế bào nguyên thủy đang bào phân, các nhiễm sắc thể tự tăng gấp đôi, và tế bào tự phân đôi để tạo nên tế bào mới. Nhưng thỉnh thoảng, sự phân chia này bị rối loạn, do đó gây ra những biến đổi về nhiễm sắc thể. Chẳng hạn nó có thể là XXY, XYY, hoặc XXYY.

Theo sự nghiên cứu mới đây của bác sĩ Patricia A. Jacobs tại Western General Hospital ở Edinburgh, mỗi biến đổi như thế có ảnh hưởng rất lớn vào sự phát triển của đứa bé sau này, ảnh hưởng cả đến tính tình của nó. Như ở trường hợp XXY, đứa bé sẽ yếu đuối, mất khả năng sinh sản, chậm phát triển về phương diện tâm lý (các yếu tố mà giới

chuyên môn gọi là triệu chứng Klinefelter). Ở những kẻ mang nhiễm sắc thể XYY hay XXYY, người ta nhận thấy thường tính tình hay gây gổ và khuynh-hướng thiên về tội ác.

Sự-kiện này làm ngạc nhiên các nhà nghiên-cứu về ảnh-hưởng của dị nhiễm sắc thể phụ trội Y.

Theo bác-sĩ William Price, người mang XYY cao lớn hơn bình thường, nhưng sức thông-minh lại dưới mức trung-bình, hay phạm vào các tội ác để cưỡng đoạt tài-sản, họ không có tình-cảm, không hối-hận, vụng-về trong sự giao-thiệp, có xu-hướng lẩn tránh luật-pháp, làm điều tàn bạo...

Sau các vụ sát-nhân tập-thể ở Hoa-kỳ, nhiều người đã nghĩ đến khung-cảnh xã-hội hiện tại, cho rằng nó có trách-nhiệm lớn, cho rằng hiện-tượng tai-hại ấy là một vấn-đề xã-hội-học. Bây giờ sát nhân tập-thể lại thành ra thuộc trách-nhiệm của sự phân đôi các tế-bào, tức trách-nhiệm của... Tọa-hóa!

Richard Speck giết người? Đó là lỗi của xã-hội, rồi lại là lỗi của ông Trời. Càng có nhiều nhà thông-thái xen vào, Speck càng trong trắng hơn bao giờ hết.

Nếu phen này mà Speck thoát khỏi ghế điện thì từ nay những ai có việc ra tòa nên rút một kinh-nghiệm: tìm đến những ông luật-sư thông-thái.

Bàn tay với quả tim

Bệnh - nhân đau tim hả? Hãy ngắm-nghĩa thật kỹ cẳng đôi bàn tay, như thế tốt hơn là dùng ống nghe hay dùng tâm-điện-ký.

Đó là lời khuyên của các bác-sĩ Mack E. Silverman và Willis Hurst thuộc viện đại-học y-khoa Atlanta Emory.

Theo những tìm kiếm mới nhất của

các vị này thì bàn tay có liên-quan với trái tim mật-thiết lạ lùng.

Lấy thí dụ trường-hợp một đứa bé mang bệnh *mongolism*: (gương mặt với đôi mắt xếch lên và đầu dài, dẹp, giống mặt người Mông-cổ) bệnh-nhân đau tim, có bàn tay mềm, dày, ngón út rất ngắn, với một đường khắc sâu chạy suốt ngay cả lòng bàn tay.

Trong trường hợp bình nhân có bàn tay ướt nhâm nhấp và nóng, run rẩy, thỉnh thoảng da ở đầu các ngón tay bị dày lên; có thể đó là dấu hiệu sự hoạt động quá độ của tuyến giáp trạng, tim bị yếu và hai tấm nhĩ bị co bóp.

Trái lại, bàn tay lạnh với làn da xù x có thể là dấu hiệu của một sự hoạt động yếu của tuyến giáp trạng, kèm theo với chứng có nước ở bao tâm, số lượng chất cholesterol ở máu tăng lên, đôi khi ngay cả một phần của bắp thịt tim bị chết vì bệnh tắt động mạch vòng ở tim.

Các bệnh ung thư xảy ra ở các tay ghiền thuốc lá lâu năm làm cho các lớp dưới da nơi ngón tay co rút đau đớn và sự đau đớn có thể lan tới các khớp xương tay.

Bó hoa cứu tử

Nay mai mỗi lần khởi đầu một chuyến du hành dài hạn, các phi hành gia không gian sẽ bắt buộc phải trao tặng các nữ tiếp viên trên phi thuyền một bó hoa. Cử chỉ lịch sự ấy rất cần thiết để cứu sống các nàng.

Bó hoa ấy thực ra là một giống hải tảo, có tên là *Chlorella*, dùng để hút thán khí và biến nó ra dưỡng khí. Báo *Ives-tia* công bố kết quả một cuộc thí nghiệm mới rồi tại Sibérie. Một nữ bác học Nga, còn trẻ, đóng cửa phòng không kín mít, sống suốt một tháng trời chỉ nhờ

Chlorella. Mỗi người chỉ cần 500 g chất hải tảo ấy là đủ thở cả tháng.

Nga, Mỹ và mặt trăng

Trong tháng 4 vừa rồi, Nga liên tiếp tạo được hai thành tích : cuộc ráp nối giữa hai phi thuyền Cosmos 212, Cosmos 213 không người lái, và sự trở về của Luna 14.

Thành tích thứ nhất không làm các khoa-học gia Mỹ quan tâm. Vì từ khi cuộc hội ngộ đầu tiên giữa Gemini 6 và 7 vào tháng 12 năm 1965 tới nay người Mỹ đã thực hiện thêm 10 cuộc hội ngộ tương tự và tin chắc là cả năm vững các yếu tố kỹ-thuật liên hệ. Trong lúc đó, sự trở về an toàn tới trái đất từ quỹ-tạo mặt trăng của Lunar 14 được người Mỹ cho là đáng đề ý. Sự thành công của Lunar 14 có thể mở đường cho các cuộc bay vòng quanh mặt trăng có người lái sẽ đặt Nga trước Mỹ trong cuộc chạy đua lịch sử này. Mặc dù rất thận trọng, chương-trình của Mỹ cũng đã bị chậm trễ hơn một năm vì vụ cháy dàn phóng phi thuyền Apollo làm thiệt mạng 3 phi-hành-gia. Nga cũng bị các chậm trễ tương tự như vụ thất bại của Soyuz 1 đem tới cái chết cho phi hành gia Vladimir Komarov. Tuy nhiên, các khoa học gia của cơ quan NASA vẫn tin tưởng là họ còn đi trước Nga ít nhất nửa năm và đoán chắc sẽ chinh phục được Hằng Nga vào đầu năm 1970.

Không gian và tuổi thọ

Trong các cuộc nghiên cứu về ảnh hưởng của tình trạng vô trọng lực đối với sức khoẻ của các phi-hành-gia không gian, nhà vật lý học Jiro Oyama thuộc cơ quan Quản trị hàng không và không gian. Hoa Kỳ (NASA) đã khám phá nhiều điều lý thú.

Muốn tạo một tình trạng giống như các phi hành gia lúc bước vào tình trạng vô-trọng-lực, Oyama đã đặt các con chuột vào một môi trường trọng lực cao hơn trong một thời gian và sau đó cho trở lại môi trường trọng lực bình thường của quả đất. Nhà vật-lý-học nhận thấy là trong một trọng-trường cao hơn, tuổi thọ của loài chuột tăng lên rất đáng kể. Trong các thí nghiệm của ông, tuổi thọ của loài chuột tăng lên hơn 1/3 tuổi thông thường của chúng.

Được khích lệ với kết quả trên, Oyama đã thực hiện những công cuộc quy mô hơn, ông nuôi nhiều thế-hệ chuột cho lớn lên liên-tục trong môi trường trọng-lực cao nhân tạo để có thể suy ra ảnh hưởng trên các phi-hành-gia trong các chuyến phi-hành tương-lai có thể kéo dài nhiều tháng hoặc năm.

Di nhiên kết quả các cuộc nghiên-cứu của nhà vật-lý-học không làm vui lòng các phi-hành-gia : họ có thể suy ra dễ dàng là tuổi thọ của họ chỉ có thể giảm chứ không tăng.

TỬ-DIỆP

Tuần báo **TIN VĂN** đóng bộ từ số 1 đến số 20 giá 500 \$ 1bộ.
 Có bán tại tòa soạn Bách - Khoa.
 Miền Trung xin gửi thêm 100 \$ tiền cước phí.
 Các tỉnh miền Nam xin gửi thêm 60 \$ cước phí.

GIAO ƯỚC

Thơ MẠC-LY-CHAU

Những nẻo đường mây dăng mùa thu
Những nẻo đường hút chân trời tím
Biết có tìm về không-gian mai sau
Đề vượt làn tóc xanh gió vờn cổ mịn

Tôi nghĩ mãi đến hình-hài khắc-khoải
Của những người, những người hôm nay
Biết có còn gì mà nói
Hay chỉ ôm hư-ảo, rung rung mắt lệ đầy

Tôi chép sử cho những đứa con yêu-dấu
Chúng sẽ lớn khôn
Và sẽ lớn khôn trên những nẻo đường mây dăng mùa thu
Trên những nẻo đường hút chân trời tím
Có những bầu tim nhuộm lửa
Đã đốt cháy cả ngàn năm xưa
Định đốt cháy cả ngàn năm nữa
Trên dòng sử, tôi nâng-niu mà khóc
Trong khi gió hải-đảo cất tiếng ru não-nùng

Tôi nghĩ đến những lời trần trối
Không phải từ bà mẹ già
Nhưng từ những đứa con trai vừa tới tuổi
Chúng nhặn về cho mẹ, cho cha
Và cho những người con gái đợi chờ

Tôi nghĩ đến vết thù hằn xém lưng, bề mặt
Những tặng-phẩm trần-gian người ta đã trao nhau

Tôi nghĩ đến những đứa học trò
Lên năm, lên bảy
Đuổi, núp quanh trường, súng thùng đạn giấy
Mới chỉ năm nào
Bây giờ vẫn thế, duy có điều
Những người ngã xuống không còn ngồi dậy
Đề tiếp-tục trò chơi

Ôi những đứa con tôi
Có lẽ nào chúng sẽ lớn lên trên những vết đường còn đọng máu
Trên những vết đường người lớn đã làm nhơ-nhớp tanh hôi.

Tôi viết gì đây
Cho những trang rời hiện-sử
Của cả một thế-hệ lỗi-lầm
Không còn lòng dung-thứ

Thôi nói làm chi, thà buông bút
Đề trả mây cho núi, trả nước cho sông
Trả tâm-hồn cho thần-linh, xác thân cho cát bụi
Nhưng biết người có bằng lòng
Trả tương-lai cho những đứa con tôi còn trong trắng
Và một chân trời mây quang, gió lặng.

Xung-thăng 5/68

mùa xuân ở huế

Thơ LỮ-QUỲNH

bây giờ thành phố đó
đạn rền khắp ngoại ô
bạn bè anh ngã xuống
chết đi như tình cờ

bây giờ thành phố đó
lạnh nằm trên ngọn cây
mùa xuân trong áo rét
em qua cầu có hay ?

giòng sông là quá khứ
soi mặt mấy trăm lần
tuổi thơ loài thú dữ
tiếng gầm nào đã tan ?

hàng cây xao lá đổ
ngày xưa anh đến trường
ngày nay anh máu đỏ
rơi hồng trên quê hương

bây giờ thành phố đó
bạn bè như bóng mây
mùa xuân không pháo nổ
chỉ súng dội quanh ngày.

BA LÊ : màn cuối cùng ?

Các nỗ-lực hòa-bình trong mấy năm qua, theo Thứ-trưởng Ngoại-giao Mỹ William Bundy, « giống như một điệu thoát-y-vũ bảy màn. Bốn năm lớp xiêm-y đã được trút bỏ, nhưng dù muốn dù không cũng còn phải đợi thêm vài ba lớp nữa. » Cuộc hội-đàm ở Ba-lê có thể coi là một màn nữa trong điệu nhầy hòa-bình của Bundy. Điều mà cả thế-giới đang hồi-hộp ngóng đợi là đây có phải là màn cuối cùng, màn gây căng nhất, của điệu nhầy hay không. Theo diễn-tiến đầu tiên của những tuần đầu và nghe những luận-điệu cứng rắn của cả hai phe ta có thể tiên đoán là màn này chắc chắn sẽ diễn ra khá lâu và trừ khi các những biến chuyển bất ngờ, chưa chắc đã phải là màn chót. Trong khi chờ đợi cái phút gây căng đó ta cũng hồi tưởng lại những màn trước đây để sống lại những phút hồi-hộp của những khi mừng hụt. Tính cho tới nay vũ-khúc hòa-bình đã có sáu màn và hiện nay ta đang chứng kiến màn thứ bảy.

Màn thứ nhất (từ cuối năm 1963 đến đầu năm 1965).

Lúc đó Miền Nam Việt-nam vừa qua một cuộc đảo-chánh : tình-bình chính-trị bất-đàn, tình-bình quân-sự tuy nhiên cũng chưa đến nỗi khẩn-trương. Quân-đội Mỹ, với số quân 23 ngàn người, mới chỉ giữ vai trò cố-vấn. Chính lúc đó Mặt Trận Giải-Phóng Miền Nam, có lẽ nhận thấy họ ở vào tư-thế thuận-lợi, đã kêu gọi các phe liên-hệ họp nhau lại để tìm

một giải-pháp hòa-bình. Nhưng cả Mỹ lẫn Việt-nam Cộng-hòa đều không quan-tâm đến.

Sau đó ít lâu, một nhà ngoại-giao Gia-nã-đại, F. Blair Seaborne, trong Ủy-hội Quốc-tế, tình-nguyện làm trung-gian giữa Mỹ và Hà-nội. Seaborne ra Hà-nội tiếp-xúc với các nhà lãnh-đạo Bắc-Việt hai lần. Nhưng chính-phủ Hà-nội đã trả lời quyết-tâm thống-nhất hai miền theo ý của Hà-nội. Cố gắng cá-nhân đầu tiên về hòa-bình do đó thất bại.

Song song với cố gắng cá-nhân đó, một phong-trào tập-thề do Tổng-thư-ký Liên-Hiệp-Quốc, U. Thant, đề-xướng với sự hưởng-ứng của Anh và Nga đã kêu gọi triệu-tập lại hội-ng nghị 14 nước ở Genève để giải-quyết lại vấn-đề Lào và Việt-nam. Lần này lời kêu gọi được Hà-nội hưởng-ưng nhưng Saigon (lúc đó dưới sự lãnh-đạo của tướng Nguyễn-Khánh) không những từ chối mà lại còn hô-hào Bắc-tiến.

Trong khi vấn-đề hòa-bình chưa ngã ngũ thì lại xảy ra vụ chiến-hạm Mỹ bị tấn-công tại vịnh Bắc-Việt. Ngày 5-8-64, Mỹ oanh-tạc trả đũa căn-cứ hải-quân Bắc-Việt. Thái-độ Bắc-Việt trở nên cứng-rắn. Hà-nội và Bắc-kinh nhất-định bắt Mỹ phải nhận lỗi và rút quân ra khỏi Việt-nam. Mỹ thấy vậy cũng to tiếng nhất-định bắt Hà-nội phải chấm dứt những hành-động xâm-lược Miền Nam.

Màn hai: (tháng hai đến tháng tám 1965).

Thấy bầu không khí căng thẳng, Tổng-thống Tito liền vội vàng khai-mạc màn hai. Một cuộc họp 17 quốc-gia không liên-kết được triệu-tập tại Belgrade và kêu gọi các phe tham-chiến thương-thuyết « càng sớm càng tốt ». Nhưng đề đáp lại thiện-chí hòa-bình đó, Tito đã được Bắc-Việt tặng cho cái biệt-hiệu là « cò mồi của đế-quốc Mỹ ». Nguyên nhân thái độ hiếu chiến của Hà-nội lúc bấy giờ là tình-hình chính-trị rất bất ổn và những thiệt-hại quân-sự liên-tiếp của miền Nam Việt-nam vào đầu năm 1965. Mỹ lại oanh tạc Bắc Việt một lần nữa để trả đũa cho vụ hai cơ-sở Mỹ bị Việt cộng phá hoại. Đơn vị chiến đấu Mỹ lần đầu tiên đặt chân lên Đà-nẵng tăng số quân Mỹ ở Việt-nam lên tới 125.000 người. Và cũng thời gian đó người ta nhận thấy sự biến diện của quân đội chính quy Bắc-Việt tại miền Nam-Việt-Nam. Mặt trận Giải-phóng Miền-Nam cũng đưa ra một chương trình năm điểm đòi « đế quốc Mỹ » và « các nước chư hầu » phải rút ra khỏi Việt-nam để cho các nhà « ái quốc » trong mặt trận tự quyền định đoạt tương lai của đất nước.

Nhưng qua những lời tuyên bố này lửa và những tiếng bom đạn long trời lở đất đó, người ta đã thấy xuất hiện lập trường đầu tiên của hai bên về hòa đàm. Ngày 7 tháng 4 1965, trong bài diễn-văn đọc tại Đại-học-trường John Hopkins, Tổng-thống Johnson đã áp-dụng chính sách « vừa đánh vừa dụ » kêu gọi Bắc-Việt thương thuyết vô điều-kiện. Đồng thời lại hứa sẽ bỏ ra một tỷ đô-la để phát-triển vùng Đông-Nam-Á. trong đó Bắc-Việt sẽ

được dự phần. Nhưng cũng trong bài diễn-văn đó Johnson đã nói rõ sẽ cương-quyết đánh mạnh nếu Bắc-Việt không chịu ngưng chiến.

Ngay ngày hôm sau Bắc-Việt phản-ứng lại bằng một luận-điều không kém danh thép. Phạm-văn-Đồng đưa ra bốn điểm định rõ lập-trường thương-thuyết của Hà-nội :

-1/ Quân-đội Mỹ phải rút ra khỏi Miền Nam Việt-Nam.

-2/ Hai miền không được vào một liên-minh quân-sự và không được có căn-cứ quân-sự ngoại-quốc.

-3/ Dàn-xếp việc nội-bộ theo chương-trình của Mặt-trận Giải-phóng Miền Nam.

4/ Thống-nhất hai miền Bắc-Nam mà không có sự can-thiệp của ngoại-bang.

Bốn điểm này cùng với năm điểm của Mặt-trận Giải-phóng Miền Nam cho tới nay vẫn là lập-trường thương-thuyết căn-bản của Bắc-Việt: Trong các điểm đó, điểm (1) và nhất là điểm (2) sẽ là trở ngại lớn lao nhất cho cuộc thương-thuyết.

Một tháng sau khi lập-trường hai bên được bày tỏ rõ rệt, Mỹ lại tìm cách thăm dò thiện-chí hòa-bình của Hà-nội. Qua một tòa đại-sứ trung-gian tại Mạc-tư-Khoa Mỹ báo cho Hà-nội biết là sẽ ngưng oanh tạc và mong Hà-nội sẽ đáp ứng lại bằng cách giảm xâm nhập người và vũ khí vào Miền Nam.

Ngày 12-5-1965, Mỹ ngưng oanh tạc. Nhưng sau năm ngày và 20 tiếng đồng hồ, thấy Hà-nội gia tăng xâm nhập, Mỹ liền oanh tạc lại. Hai ngày sau đó, Mỹ nhận được trả lời của Bắc-Việt qua trung-gian Pháp nói là Hà-nội bằng lòng thương-thuyết trên căn bản bốn điểm mà không

đòi hỏi Mỹ phải rút quân trước. Điều trớ trêu là trả lời của Bắc-Việt tới tay Mỹ trễ vài tiếng đồng hồ sau khi tái oanh tạc. Nếu không hòa đàm đã có thể khởi diễn ngay từ hồi đó. Trong màn thứ hai của điệu nhảy hòa bình, đó là phút gây cản nhất nhưng chỉ có một số người ở gần mới nhìn thấy rõ và mới ân hận. Đối với quảng-đại quần chúng, lập trường của hai bên vẫn còn khác nhau như mặt trăng mặt trời. Màn thứ hai kết liễu bằng một diễn-văn trong đó Johnson công bố quyết định gửi thêm 50.000 quân sang Việt-nam, và đồng thời cũng nói : « Nước Mỹ sẵn sàng thảo luận vô-điều-kiện với bất cứ chính-phủ nào, vào bất cứ lúc nào và tại bất cứ nơi nào ». Chính câu nói này vừa rồi đã bị Bắc-Việt khai-thác triệt-đề, về mặt tuyên-truyền, trong việc chọn địa-điểm hòa-đàm trước khi nhận hợp ở Ba-lê.

Bài diễn-văn của Johnson được Hồ-chí-Minh coi là một trò bịp-bợm. Hồ-chí-Minh nhắc lại vấn-đề Việt-Nam sẽ do người Việt-Nam định đoạt, người ngoại-quốc không có quyền can-thiệp.

Màn ba (tháng 9-1965 đến tháng 2-1966).

Lần này thế-giới được chứng-kiến hai lần mừng hụt nhưng cũng lại thấy thêm một vài tia hy-vọng. Lần mừng hụt thứ nhất là khi đức Giáo-hoàng đích thân đến trụ-sở Liên-Hiệp-Quốc để kêu gọi hòa-bình. Tiếp theo đó, vào tháng 11-65 một giáo-sư người Ý, Giorgio La Pira, đến Hà-nội với tư-cách cá-nhân và, không hiểu sao, lại được Hồ-chí-Minh đích thân tiếp. La Pira vội vàng về báo-cáo với Thủ-tướng Amintore Fanfani của Ý là Hà-nội muốn thương-thuyết trên căn-lần hưu-chiến, áp-dụng hiệp-định Genève theo tinh-thần bốn điểm đã nêu

ra trước đây, và MTGPMN phải được quyền tham dự hội nghị. Không hiểu sao, trong khi bản phúc-trình của Fanfani đang được nghiên cứu thì phi cơ Mỹ oanh tạc ngay gần trung-tâm Hải phòng. Dư-luận thế-giới chỉ-trích Mỹ đã làm vỡ giấc mộng hòa-bình. Trong khi đó, ngoại-trưởng Anh Michael Stewart, nhân dịp thăm viếng Nga, cũng lên máy truyền hình kêu gọi Nga giúp vấn đề hòa-bình tại Việt-nam. Nhưng hai tuần sau, đề-nghị của Anh bị Hà-nội thẳng tay gạt bỏ.

Lần này Tổng thống Johnson lại mở một trận tổng-tấn-công hòa-bình nữa. Nhân dịp lễ Giáng-Sinh, Mỹ ngưng oanh tạc suốt trong 36 ngày 15 giờ, nghĩa là cho tới hết ngày 30-1-1966. Trong khi đó một phái đoàn đặc biệt của Tổng-thống do Averell Harriman lãnh đạo được gửi đi tới 34 thủ đô và thăm viếng đại-diện của 115 chính phủ trên thế giới để bày tỏ thiện chí hòa bình của Mỹ. Đây là cuộc tấn công hòa bình lớn nhất và cũng lâu nhất của Mỹ. Song song với những làn sóng tấn công nổi đó, Mỹ lại bắt liên lạc ngầm với đại-diện Bắc-Việt ở Rangoon nói là sẽ ngưng oanh tạc hẳn, nếu Bắc-việt ngưng xâm nhập Nam-Việt. Bắc-Việt lại cho đây là trò bịp bợm nên ngay sau đó việc oanh tạc Bắc-Việt lại tái diễn dữ dội hơn trước.

Màn bốn : (tháng hai 1966 đến tháng hai 1967).

Tới đầu năm 1966, Mỹ gia-tăng quân-số lên tới 350.000 ngàn người, trong khi đó Bắc-Việt gia-tăng xâm-nhập khoảng 5.000 người mỗi tháng. Dư-âm của chiến-trường Ia-Drang, trận đụng độ lớn nhất giữa Sư-đoàn không-kỵ 101 của Mỹ với chủ-lực quân Bắc-Việt, hãy còn làm chấn động cả thế-giới. Viễn-ảnh hòa-bình hầu như đã tan theo khói súng.

Nhưng giữa khi chiến-trận ở vào thời-kỳ ác-liệt nhất vẫn có những cuộc đàm-thoại ngầm giữa Mỹ và Hà-nội.

Một tháng sau khi tái oanh-tạc, Chester Ronning, một nhà ngoại-giao Gia-nã-đại, bí-mật tới Hà-nội. Sau khi tiếp-xúc với Phạm-văn-Đồng và Nguyễn-duy-Trinh, Ronning về báo-cáo là Hà-nội đòi ngưng oanh-tạc vĩnh viễn và vô-điều-kiện rồi mới thương-thuyết, chứ không chịu điều-kiện ngưng oanh-tạc tạm thời hoặc vô-hạn-định. Thấy có tia hy-vọng, Hoa-thịnh-đốn lại yêu-cầu Ronning đến Hà-nội một lần nữa. Sau đó, chính Thứ-trưởng ngoại-giao Mỹ William Bundy, đã hội-đàm kín với Ronning. Kết quả cuộc mật-đàm này cho tới nay vẫn chưa được công-bố. Thấy Hà-nội không chú-trọng đến vấn-đề ngưng oanh-tạc tạm thời, Mỹ đề nghị chỉ oanh-tạc giới-hạn nếu Hà-nội chịu bàn về các phương-thức xuống thang khác. Nhưng một lần nữa Hà-nội lại khước-từ.

Sau cố gắng của Ronning, U-Thant và một nhà ngoại giao Ba-lan trong ủy-hội Quốc-tế, Janusz Lewandowski, lại cố gắng thuyết phục nhưng vẫn bị Hà-nội khẳng-khăng cự tuyệt. Tuy vậy, đến dịp Lễ Giáng-sinh, và Tết Dương-lịch, Mỹ vẫn ngưng oanh-tạc. Sau bao cố gắng qua các trung gian, Mỹ quyết định tiếp-xúc thẳng với đại-diện của Bắc-Việt tại Mạc-tư-Khoa. Hai bên đã gặp nhau và Mỹ đã thông báo cho Bắc-Việt kế-hoạch ngưng oanh-tạc vào dịp Tết cùng các đề-ngị về các phương-thức xuống thang. Trong khi đó Thủ-tướng Nga Aleksei N. Kosygin cũng gặp Thủ-tướng Anh Harold Wilson tại Luân-đôn để bàn về Việt-Nam.

Các cuộc tiếp-xúc này không đưa tới

kết quả trực tiếp nào nhưng có lẽ đã khiến Tổng-thống Johnson quyết định gửi thư riêng, thẳng cho Hồ-chí-Minh, vào ngày 8-2-1966. Trong thư Tổng-thống Johnson đề nghị tiếp-xúc trực-tiếp tại một nơi kín đáo trong khi đó Mỹ sẽ ngưng oanh-tạc và Bắc-Việt cũng ngưng xâm-nhập người và khí giới vào Nam-Việt. Bức thư được gửi đi vào lúc Mỹ ngưng oanh-tạc nhân dịp Tết Âm-lịch. Sau 5 ngày và 18 giờ chờ đợi mà không thấy hồi-âm, Mỹ liền oanh-tạc trở lại. Hai ngày sau khi tái oanh-tạc, thư trả lời của Hồ-Chí-Minh mới đến Hoa-thịnh-đốn. Một lần nữa Hồ-Chí-Minh lại nhắc lại bốn điểm của lập-trường căn-bản cố hữu. Hơn thế nữa, ngay sau đó Hà-nội lại còn công-bố cả bức thư của Tổng-thống Johnson, gián tiếp bảo Mỹ lần sau không nên dùng phương-thức thăm dò bằng thư từ.

Màn năm : (từ tháng 2 đến tháng 10 1967).

Cứ mỗi lần các cuộc thăm dò hòa-bình lâm vào ngõ bí thì lại một lần chiến-cuộc leo thang. Sau giai-đoạn bốn, quân-số của Mỹ ở Việt-Nam lên tới 450.000 người và màn năm được đánh dấu bằng hai trận đẫm máu ở Côn-tiên và đồi 881. Các cố gắng hòa-bình vẫn lai-rai tiếp-diễn và Hà-nội vẫn tiếp-tục từ-khước. Nhưng vào khoảng giữa tháng tám 1967 một nhà ngoại-giao thân cận cả Mỹ lẫn Hà-nội cho biết có những dấu hiệu chứng tỏ Hà-nội đã có lập-trường hòa-hoãn về vấn-đề oanh-tạc. Thế rồi, ngày 29-9-1967, trong bài diễn-văn đọc tại San-Antonio, Tổng-thống Johnson lập-lại lập-trường về vấn-đề oanh-tạc. Đại-ý nói Mỹ sẽ ngưng oanh-tạc nếu ngưng oanh-tạc có thể dẫn tới các cuộc bàn-luận

có ích-lợi. Nhưng lẽ dĩ nhiên là Hà-nội không được lợi-dụng ngưng oanh-tạc để gia-tăng quân-số.

Bề ngoài thì lập-trường của Mỹ không có gì thay đổi nhưng thực ra bên trong Mỹ đã ngầm báo cho Hà-nội biết là Mỹ cũng nhận rằng Hà-nội có trách-nhiệm nuôi-dưỡng và bảo-trì số nhân-lực và vật-lực đã gửi vào Nam. Vì vậy, khi ngưng oanh-tạc, Hà-nội vẫn có thể tiếp-tục hành-động xâm-nhập nhưng không được gia-tăng xâm-nhập. Sau bài diễn-văn San Antonio, Hà-nội im lặng. Nhưng đồng thời, vào trung tuần tháng mười, đại-diện ngoại-giao của Bắc-Việt và Mỹ tại Lào đã gặp nhau tại Vientiane. Đại-diện Bắc-Việt nói là Bắc-Việt rất chú-trọng tới bài diễn-văn San Antonio và lưu-ý Mỹ tới một cuộc phỏng-vấn của Ngoại-trưởng Nguyễn-duy-Trinh dành cho một ký-giả Úc vào một ngày rất gần. Ngày 21-10, cuộc phỏng-vấn được công-bố. Thoạt nhìn cũng vẫn thấy một lập-trường cứng rắn như cũ, nhưng xen vào đó có một câu đầy ý-nghĩa mở màn cho những biến-chuyển đưa tới hòa-đàm mới đây: Hà-nội vẫn không hề nghĩ tới nhượng bộ hay thương-thuyết nhưng có thể hội-đàm chứ không thương-thuyết khi có ngưng oanh-tạc.

Màn sáu (tháng 11 - 1967 đến 30-1-1968).

Phút giây căng của màn năm được hé mở qua hai chữ « hội đàm » và « thương thuyết ». Nhưng ngoài mặt, viễn-tượng hòa-bình ngày trở nên đen tối. Chiến-tranh lại leo thang hơn nữa. Tuy nhiên, Lễ Giáng-Sinh và Tết Dương-lịch, Mỹ cũng ngưng oanh tạc một lần nữa, tức là lần thứ sáu, đem tổng số ngày ngưng oanh tạc lên tới 57 ngày. Vào dịp tất-niên, hình như để đáp lễ, ngoại-trưởng

Nguyễn-duy-Trinh của Bắc-Việt lại làm cho thế-giới xôn-xao bàn tán về lời tuyên bố nếu Mỹ ngưng oanh tạc hẳn, Hà-nội sẽ — chứ không phải có thể — hội đàm. Trò chơi chữ lạ lùng nhưng đầy ý nghĩa đó đã gây ra một loạt những luồng sóng thăm dò ngầm giữa các phe trong cuộc. Tuy nhiên, trên chiến trường các hoạt động quân sự càng ngày càng khốc liệt. Số lượng bom của Mỹ bỏ xuống Bắc-Việt đã vượt hơn số lượng thả xuống toàn thể Âu-châu trong Thế-chiến thứ hai. Ngày 30-1-1967, Việt-Cộng mở cuộc Tổng-công-kích vào hơn 30 thành phố tại Việt-nam. Những hy vọng hòa-bình mong manh hầu như đã tan vụn trong những trận ác chiến ngay tại Saigon và Huế.

Màn bảy (từ tháng 4-1968...)

Sau cuộc tổng-công-kích, hai bên đều giảm cường-độ hoạt-động để kiểm-điểm lại tư-thế. Thế-giới cũng xôn xao bàn tán về các hậu-quả quân-sự, chính-trị và tâm-lý của trận tổng-công-kích. Đồng thời Mỹ cũng tuyên-bố là sẽ duyệt lại toàn-bộ chính-sách của Hoa-kỳ tại Việt-Nam. Ngày 31-3-1968, đúng hai tháng sau ngày tổng-công-kích, Tổng-thống Johnson đã làm toàn-thế-giới phải ngạc nhiên khi ông tuyên-bố quyết định ngưng oanh-tạc vô-điều-kiện phần lớn lãnh-thổ Bắc-Việt, từ vĩ-tuyến thứ 20 trở ra và yêu cầu Bắc-Việt hãy tới bàn hội-nghị. Đồng thời để rảnh tay hành động và có lẽ cũng để tỏ thiện-chí, thành thật mong muốn hòa-bình, Tổng-thống Johnson cũng tuyên bố quyết-định không ra tranh cử thêm nhiệm-kỳ Tổng-thống nữa. Hai quyết-định quan-trọng đến dồn dập cùng một lúc làm cho thế-giới phải ngạc-nhiên. Nhưng thế-giới lại còn ngạc-nhiên hơn nữa khi thấy, chỉ 68

tiếng đồng - hồ sau, Bắc - Việt tuyên bố chấp - nhận đề - nghị của Mỹ và thỏa thuận đến bàn hội-nghị để bàn về vấn đề ngưng oanh-tạc Bắc-Việt. Chưa bao giờ hy vọng hòa-bình lại sáng sủa như vậy. Nhưng sau đó bầu không khí lạc quan lại trở nên ngột ngạt bởi những khó khăn mà hai bên cố tình gây cho nhau trong việc lựa chọn một địa - điểm hội - đàm thích hợp. Chỉ một việc chọn địa-diểm cũng đã mất non một tháng. Và cho tới nay, các cuộc bàn luận mới chỉ là những trận đấu khẩu có mục đích tuyên truyền nhiều hơn là để đi tới một sự thỏa thuận mau lẹ. Trong khi đó các

cuộc tiếp xúc ngầm và dàn xếp bí mật có thể đang được xúc tiến và chính những cuộc vận động ngầm này sẽ quyết định kết quả và thời-gian của cuộc hội đàm. Theo kinh-nghiệm thương thuyết với Cộng-sản, người ta tin chắc màn thứ bảy sẽ còn kéo dài một thời gian nữa. Và nếu quả thực điều thoát-y vũ hòa-bình của Willim Bundy chỉ có bảy màn thì có thể đây sẽ là màn chót. Nhưng cũng có thể sau màn này còn có nhiều màn nhỏ nữa hãy còn che dấu những hình ảnh mà bao nhiêu người đang nóng lòng muốn biết rõ ràng nhưng tới nay vẫn chưa được thỏa mãn.

TRẦN-LƯƠNG-NGỌC

ASPRO

trị:

CÁM CÚM ĐAU NHỨC

BÁN TẠI CÁC NHÀ THUỐC TÂY

PUB. TÂN-TRÍ

KN 226.BYT

Do SIFAPP bảo chế nhượng quyền tại V. N. KN. 192 BYT. QCAP ngày 23-3-1969

NGƯỜI VỀ ĐẦU NON

của VÕ - HỒNG do VĂN xuất bản



[‘Ông Bác’ và các con của Võ-Hồng cá (tr 73), nếp sinh-hoạt ở một tỉnh-ly với đêm đêm hai viên cai kèn thay phiên nhau thổi bản kèn tám giờ (tr 71).

NGƯỜI VỀ ĐẦU NON là tác-phẩm thứ bảy của Võ-Hồng. Đó là một truyện dài kể lại cuộc đời của một người mà nhân-vật chính trong truyện gọi là Bác. Cũng có thể được coi như là tự truyện của nhân-vật tự xưng là ‘Tôi’ đó. Nhưng hơn tất cả, NGƯỜI VỀ ĐẦU NON là truyện của một miền, miền đất quê hương, miền Nam Trung Việt vào giai đoạn 1930—1960. Võ-Hồng ghi lại những nếp sinh-hoạt ở địa-phương, không cố ý làm đẹp ra hay làm xấu đi, không khen chê, không thành-kiến. Tác giả kể lại sự việc và để sự việc tự nó nói lên, người đọc muốn nghĩ thế nào tùy ý. Đó là cảnh khai tên nhập học của thời ‘trường giáo mới mở’ học trò đi học không cần làm đơn, không có giấy khai-sanh nên thầy giáo tự-ý đặt tên thêm chữ lót (tr 11), đó là nếp sinh-hoạt nhà quê vào mùa Đông thả lờ bắt

Đọc NGƯỜI VỀ ĐẦU NON ta như đọc lịch-sử của một miền. Cứ tính theo số tuổi của nhân vật xưng ‘tôi’ trong truyện, ta được biết lịch-trình chinh-phục miền Nam của gánh Phở rong đến từ đất Bắc, của cửa hàng tạp-hóa bazar tonkinois, của con đường xe lửa xuyên Việt.

Ta sẽ ngạc-nhiên gần như không ngờ được rằng mới cách đây ba mươi năm thôi mà bánh mì và bắp cải, khoai tây được coi là xa-xỉ phẩm, mà nước đá chỉ có bốn ông quan cai-trị người Pháp đầu tỉnh mới được dùng.

Văn của Võ-Hồng viết giản-dị mà linh-động nên NGƯỜI VỀ ĐẦU NON với nội-dung trong sáng của nó, có thể được xếp vào loại sách giáo-khoa trong khi lớp độc-giả người lớn đọc nó một cách thích-thú bởi lời kể chuyện nhẹ nhàng mà hấp - dẫn.

Nền văn-chương phong-phú của một dân-tộc cần phản-ảnh được nếp sống của từng địa-phương và ta cảm thấy yêu mến quê-hương hơn, tin-tưởng nơi sức mạnh của Dân-tộc hơn nếu ta được dịp sống gần gũi đồng-bào mọi giới ở mọi địa-diểm của đất nước. Nhưng trên thực-tế ta không có điều-kiện để đi và sống như vậy. Ta đành nhờ cậy vào những tác-phẩm văn-chương phản-ảnh trung-thực nếp sống của từng địa-phương như những tác-phẩm của Sơn Nam, Bình nguyên Lộc, Võ Phiến, Võ Hồng...

Thế-giới trong những tuần qua

TỪ - TRÌ

Âu-châu vẫn tiếp tục là trung tâm của thời-sự quốc-tế. Cuộc hội đàm Mỹ-Bắc-Việt ở Paris vẫn kéo dài không mang lại kết quả cụ thể nào trong khi dân chúng Pháp nổi dậy rầm rộ chống chính thể của tướng De Gaulle.

Tại Ba-lê cuộc hòa-đàm Mỹ — Bắc-Việt không lối thoát

Cuộc hội đàm giữa Mỹ và Bắc-Việt đã chính thức khai mạc sáng ngày 13-5 tại Trung-tâm hội-ng nghị quốc-tế đại lộ Kléber Paris. Đại-diện Bắc-Việt, theo lời yêu cầu của ông Harriman, đã nói trước. Trong bài diễn văn dài 1 giờ 40 phút Xuân-Thủy đã kể lại diễn tiến của cuộc chiến tranh Việt-Nam hiện thời và cho rằng sở dĩ có chiến tranh là vì Mỹ từ 1955 tới 1960 đã can thiệp vào miền Nam Việt-Nam. Vì vậy đề cho cuộc hòa đàm có thể bắt đầu được, Xuân-Thủy yêu cầu Mỹ hoàn toàn ngưng oanh tạc Bắc-Việt, từ bỏ mọi hành động chiến tranh. Ông Harriman đã yêu cầu Bắc Việt cho biết họ sẽ làm gì để đáp ứng với sự xuống thang của Mỹ khi Mỹ quyết định ngưng mọi hành động chiến tranh? Và đồng thời ông cũng đề-nghị là tái lập vùng phi quân-sự vì chính Bắc-Việt đã vi phạm vùng này thì họ phải có bổn phận lập trở lại.

Tại phiên họp thứ hai ngày 15-5 ông Harriman đã phân tích tình hình tại hai miền Bắc và Nam Việt-Nam. Ông nói rằng trong khi Nam-Việt thực-hiện được nhiều tiến bộ, nâng cao mức sống dân

chúng thì chính quyền Bắc-Việt đã tàn sát từ 50 tới 100 ngàn dân Bắc-Việt, Ông cho là chính vì muốn ngăn trở bước tiến của Nam-Việt mà Bắc-Việt đã phát động cuộc chiến tranh hiện tại. Tuy nhiên Ông Harriman cũng cố gắng nêu ra 5 điểm tương đồng của hai bên Mỹ và Bắc-Việt: Nam Việt-Nam độc lập, trung-lập, hòa-bình có quyền tự-quyết và thống nhất hai miền theo nguyên-tắc đồng-tuyên-cử mỗi người dân một lá phiếu. Xuân-Thủy vội vàng phủ nhận những điểm tương-đồng trên và đặt điều-kiện duy nhất bắt đi bắt dịch là Mỹ phải từ bỏ mọi hành-động chiến-tranh.

Trong phiên họp thứ ba ngày 17-5 Bắc - Việt cho rằng thái-độ của Mỹ "bướng bỉnh và gian ngoan". Ông Harriman đặt câu hỏi là Bắc-Việt có công nhận là đã gửi quân vào Nam không? Và Bắc-Việt hoàn toàn phủ-nhận là có quân đội Bắc-Việt ở Nam-Việt!

Phiên họp thứ tư ngày 22-5 đã là một dịp để hai bên tặng nhau những danh từ không mấy đẹp đẽ như: xâm lăng, đế quốc...

Tóm lại, sau bốn phiên nhóm hai phái đoàn vẫn chưa đi tới một thỏa-hiệp nhỏ nào. Bắc-Việt khẳng khăng đòi Mỹ xuống thang và Mỹ cũng đòi Bắc-Việt phải xuống thang cùng với Mỹ. Trong phiên nhóm thứ tư, Xuân-Thủy đã nói tới sự tan vỡ của hội-ng nghị. Hai bên vẫn giữ nguyên lập trường cũ.

Xét theo diễn-tiến của hội-nghị và lập trường của chính phủ Hoa-Kỳ ta thấy rằng Mỹ không có ý định nhượng bộ. Tuy dân chúng tỏ vẻ chán nản nhưng Tổng thống Johnson đã nhấn mạnh rằng trước khi rời chức vụ Tổng thống, ông không có ý định để lại một kỷ niệm xấu bằng sự đầu hàng Bắc-Việt. Hơn nữa Nam-Việt và các đồng-minh Á-châu như Đại-Hàn, Thái-Lan, Phi-lật-Tân... luôn luôn làm áp-lực để ngăn cản không cho Mỹ bỏ rơi Nam-Việt. Các nước đồng minh của Hoa-Kỳ luôn luôn bị ám ảnh về sự phản bội của Hoa-Kỳ. Thật vậy, trong lịch-sử các Tổng-thống Roosevelt, Truman, Kennedy đã bị mang tiếng là phản bội đồng minh. Tổng thống Johnson muốn xoá bỏ cảm tưởng xấu này trước khi ông trở về đời sống dân sự. Đầu hàng cộng sản dưới bất cứ hình thức trấ hình nào cũng là một thất bại lớn và là một vết nhơ đậm trong sự-nghiệp của Johnson.

Biết như vậy nên Bắc-Việt càng muốn kéo dài cuộc thương-thuyết tới cuối năm để đợi một vị Tổng-thống Hoa-Kỳ chủ-hòa. Đồng thời để yểm-trợ nỗ-lực ngoại-giao, Bắc-Việt đã cố gắng tấn-công hoặc pháo-kích vào thủ-đô Nam-Việt và những thị-trấn khác.

Tuy nhiên các quan-sát-viên nhận thấy Bắc-Việt thực sự cần hòa-bình. Sau ba năm trời bị oanh-tạc thường xuyên, nền kinh-tế Bắc-Việt bị tan rã, tài-nguyên kiệt-quệ. Kéo dài chiến-tranh tức là đưa Bắc-Việt sâu thêm vào vòng lệ-thuộc Trung-Cộng. Hơn nữa nếu hội-nghị Ba-lê tan vỡ, Mỹ sẽ có cơ để leo thang chiến-tranh. Hiện thời Mỹ còn có ba nấc thang để leo là tái oanh-tạc toàn-diện Bắc-Việt, phá đê và đem quân đổ bộ Bắc-Việt để làm áp-lực buộc Bắc-

Việt phải rút quân về. Sau hết Nga nhận thấy nếu Bắc-Việt thắng thì người hưởng lợi không phải là Nga mà là Trung-Cộng. Vì vậy Nga đang thúc đẩy Bắc-Việt tới một thái-độ mềm dẻo hơn. Ngoại-trưởng Anh vừa sang Nga hội-đàm với các lãnh-tụ điện Kremlin để tìm lối thoát cho hội-nghị Ba-lê. Vì vậy tuy hiện thời phái-đoàn Bắc-Việt tỏ ra hết sức cứng rắn nhưng trong tương-lai gần đây rất có thể là Bắc-Việt sẽ nhượng bộ bằng cách ngấm ngấm xuống thang chiến-tranh. Làm như vậy Bắc-Việt sẽ vừa cứu được hội-nghị khỏi bế-tắc vừa không mất mặt.

« Cách-mạng » tại Pháp

Ngoài cuộc hòa-đàm giữa Mỹ và Bắc-Việt, thế-giới còn đặc-biệt chú-trọng tới những vụ lộn xộn đang xảy ra trên toàn lãnh-thổ Pháp. Những vụ lộn xộn này đã được coi như một cuộc cách-mạng của dân Pháp để lật đổ chính-thể chuyên-chế của tướng De Gaulle.

Lúc đầu người ta tưởng rằng cuộc khủng-hoảng hiện tại chỉ là một phong-trào sinh-viên nổi dậy đòi quyền-lợi. Nhưng thợ-thuyền, công-chức đã nổi dậy theo, khiến phong-trào sinh-viên trở thành một cuộc cách-mạng thật sự.

Các sinh-viên tại trường Đại-học Nau'erre nổi dậy đầu tiên. Họ đã chiếm các lớp học và bắt các giáo-sư phải tự kiểm-thảo. Ngay sau đó, các sinh-viên ở Viện Đại-học Paris cũng biểu-tình chiếm xóm La-tinh là khu có nhiều sinh-viên cư ngụ nhất ở Paris. Quen như mọi lần, chính phủ Pháp đã huy động lực lượng cảnh sát để đàn áp mạnh mẽ các đám biểu-tình. Giữa cảnh-sát và sinh viên nhiều cuộc đụng độ đổ máu đã xảy ra. Người ta được thấy các sinh viên treo cờ

đỏ, cờ đen, hát «quốc-tế ca» của cộng sản, chiếm Đại-học Sorbonne, đốt cháy xe cộ ngoài đường và cây gạch lát đường để ném cảnh-sát. Khi cảnh-sát can thiệp, dân Ba-lê, trung thành với truyền-thống ưa chuộng văn-hóa, tỏ ra căm-phẫn. Và người ta đã chứng-kiến những cảnh-tượng khôi-hài như lúc những người dân Ba-lê đã từ cửa sổ các cao-ốc ném xuống đầu cảnh-sát những chậu hoa hoặc chai sữa để ủng hộ sinh viên.

Thủ tướng Pháp Pompidou trước là một giáo-sư Trung-học, nên đã hết sức tỏ ra mềm dẻo. Ông đã cố tìm cách thỏa mãn nguyện-vọng của sinh-viên bằng cách ra lệnh rút hết cảnh-sát khỏi xóm La-tinh, thả những sinh viên bị bắt giữ và yêu cầu Quốc-hội kiểm-duyet một dự-luật ân-xá cho sinh-viên. Trước Quốc-hội, ông Pompidou còn tuyên bố là ông sẽ cải tổ các trường Đại-học, nhưng những biện pháp của chính phủ đã đến quá chậm. Các nghiệp-đoàn, các công-nhân, công chức đã quyết định tổng-đình-công để ủng-hộ sinh viên. Các nhân viên cảnh-sát cũng đòi tăng lương và dọa đình công. Những cuộc biểu tình khổng lồ đã diễn ra. Người ta la hét những khẩu hiệu như «đả đảo việc cai trị bằng sắc-lệnh» «De Gaulle vào viện bảo-tàng»... Các công nhân tại các xí-nghiệp công và tư chiếm các nhà máy. Những người đình công đã lên tới con số 8 triệu người. Sinh-hoạt của Pháp bị hoàn toàn tê liệt.

Trong khi đó, Tổng thống De Gaulle cố tỏ ra bình tĩnh. Ông ung dung đi thăm viếng Lỗ-ma-ni để sui dục nước này mau ly-khai khỏi hàng-ngũ cộng-sản. Như ta đã biết, Lỗ-ma-ni từ hơn một năm nay đã tỏ ra hết sức độc lập đối với Nga. De Gaulle hy vọng rằng Lỗ sẽ đoạn tuyệt với Nga để gia-nhập khối Âu-châu

do ông lãnh đạo. Ông còn đi xa hơn nữa bằng cách loan báo sẽ sang thăm Tiệp-Khắc. Nhưng những biến chuyển tại quốc nội đã khiến ông phải rút ngắn cuộc du-hành để trở về Pháp.

Tả phái do các ông Mendès France và Mitterand yêu-cầu Tướng De Gaulle từ chức để cứu-vãn tình-thế. Tại Quốc-hội phe đối-lập đưa ra bản kiến-nghị khiển-trách nhằm lật đổ chính-phủ Pompidou. Bản kiến-nghị này không thu được đa số quá bán nên đã bị bác. Tuy nhiên dân-chúng vẫn tiếp tục đình-công và biểu-tình. Chính-phủ đã phải động-viên 10.000 lính trừ-bị.

Ngày 24-5, Tướng De Gaulle ra trước đài truyền-hình loan báo những biện-pháp ông đã quyết định. Ông tuyên-bố sẽ tổ-chức một cuộc trưng-cầu dân-ý vào tháng tới để yêu-cầu quốc-dân chấp-thuận chương-trình cải-tổ chính-trị, xã-hội và giáo-dục. Ngoài ra, ông còn yêu-cầu quốc-dân cho ông thêm quyền-hành để thi-hành chương-trình cải-tổ này. Ông dọa sẽ từ-chức nếu trong cuộc trưng-cầu dân-ý này dân-chúng Pháp bác bỏ chương-trình của ông. Sau bài diễn-văn truyền-hình của Tướng De Gaulle, dân-chúng vẫn tiếp tục biểu-tình bạo-động.

Cuộc cách-mạng hiện thời bắt nguồn từ những nguyên-nhân sâu xa. Trước hết nền giáo-dục của Pháp vào hậu bán thế-kỷ thứ 20 đã trở nên không hợp thời. Với một hệ-thống thi-cử gắt gao và một quan-niệm giáo-dục hướng về từ-chương, thanh-niên Pháp bị loại rất nhiều trước khi tới được cấp Đại-học. Tuy học khó khăn, nhưng kiến-thức của sinh-viên không có tính cách thực-dụng nên sau khi tốt-nghiệp thanh-niên Pháp khó kiếm việc làm. Ngoài ra nền kinh-tế

Pháp sau một hồi phát-triển mạnh đã bị ngưng trệ vì không được trang-bị tối-tân. Trong khi đó các sản-phẩm kỹ-nghệ của Đức, Ý, Bỉ nhờ Thị-trường chung đã tràn ngập thị-trường Pháp và cạnh-tranh mạnh mẽ với sản-phẩm kỹ-nghệ Pháp. Cũng nhờ Thị-trường chung mà các sản-phẩm canh-nông Hòa-lan có thể cạnh-tranh với sản-phẩm canh-nông của Pháp. Trong khi đó, thay vì là đầu-tư để cải-tạo và tối-tân-hóa hạ tầng cơ-sở kinh tế trong nước, tướng De Gaulle lại dồn mọi nỗ-lực tài-chánh vào việc chế-tạo vũ-khí nguyên-tử và hỏa-tiến để có uy-tín trên trường quốc-tế. Việc ông đi thăm Lỗ-ma-ni trong khi dân-chúng nổi loạn tại quốc-nội tỏ ra rằng ông quau-tâm tới chính-sách đối-ngoại hơn là chính-sách đối-tội. Nhưng dân-chúng đã không đồng ý với ông nên ngay trong lúc hội-ngập Mỹ—Bắc-Việt—một thành quả ngoại-giao sáng lạn của De Gaulle—đang nhóm họp thì họ biểu tình để nhắc cho ông biết rằng mực sống của

dân Pháp đối với họ quan trọng hơn.

Tướng De Gaulle là một người bướng bỉnh. Không khi nào ông chịu nhượng bộ để người khác làm giảm uy tín của ông. Vì vậy ông đã dùng vũ-khí cò-diễn, mà ông đã dùng nhiều lần từ hơn 20 năm qua, là dọa từ chức nếu không được dân chúng tán đồng. Ông quên rằng dân chúng trách ông có quá nhiều quyền hành nên ông đã cho tổ chức trưng cầu dân-ý để... xin thêm quyền. Quốc dân Pháp sẽ trả lời ông vào tháng tới, nhưng chưa chắc ông sẽ thất bại vì ông trông vào số nữ cử tri, dân quê và những người đứng tuổi là những thành phần bảo thủ và khâm phục uy-tín của ông. Nhưng những phần tử chống đối lại là những người trẻ, hoạt động hơn. Vì vậy người ta e rằng những người này sẽ tiếp tục tranh đấu và nếu Tướng De Gaulle không khôn khéo nước Pháp sẽ đi tới nội chiến và kẻ hưởng lợi chính là đảng cộng-sản Pháp.

TỪ-TRÌ

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME - ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tập (Khánh-Hội) — SAIGON

Tél. : 93.741 - 93.742

Fabrication : OXYGÈNE — ACÉTYLÈNE — GAZ CARBONIQUE

Vente : HYDROGÈNE — AMMONIAQUE — CYCHOLPROPANE
— PROTOXYDE D'AZOTE — ARGON, ETC...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique

Installations de gazothérapie

NOTRE SERVICE TECHNIQUE D'APPLICATION EST À LA DISPOSITION DE
LA CLIENTÈLE POUR TOUTES ÉTUDES ET INSTALLATIONS.